



**Chủ nhiệm:** HT. Thích Nguyên Trí  
**Trị sự:** ĐĐ. Thích Thánh Thanh  
**Thư ký:** ĐĐ. Thích Đồng Thiện  
**Thủ quỹ:** Ni sư Thích Diệu Tánh

**Chủ bút:** Vĩnh Hào  
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

**Trình bày:** Tâm Quang  
**Hình bìa:** PixaBay Images

**LIÊN LẠC:**

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:  
**(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, rồi sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mọi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

[www.chanhphap.net](http://www.chanhphap.net)  
[www.chanhphap.org](http://www.chanhphap.org)  
[www.chanhphap.us](http://www.chanhphap.us)

## NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ ĐÓN MỪNG ANH ĐẠO (ĐNT. Tín Nghĩa) trang 7
- ♦ THƯ CẢM TẠ LỄ HỘI PHẬT ĐẢN PL.2016 (HT. Thích Nguyên Siêu) tr. 8
- ♦ VẢI NÉT VẼ AN CƯ KIẾT HẠ (Thích Nguyên Hiệp), trang 9
- ♦ TIỂU KHÚC PHẬT ĐẢN (thơ Tuệ Sỹ / Bạch Xuân Phê dịch Anh ngữ), trang 11
- ♦ BÀN LÊN TIẾNG VỀ VIỆC BIÊN MIÊN TRUNG VN NHIỆM ĐỌC... (GHPGVNTN VP Điều Hợp Liên Châu), trang 12
- ♦ VỚI BỨC TRANH PHẬT VÀ HOA SEN (thơ Nguyễn Thị Khánh Minh / Phan Tấn Hải dịch Anh ngữ), trang 14
- ♦ ÁO TƯỜNG (TN. Như Thủy), trang 15
- ♦ LỤC BÁT CHẶN TRẦU (thơ Chúc Hiền) trang 16
- ♦ KHIẾN CHO DANH HIỆU PHẬT VÀ TÂM TA HỢP NHẤT (Lâm Thanh Huyền / Minh Chi dịch), trang 17
- ♦ HÃY NHÌN LẠI (thơ Thích Viên Thành), trang 18
- ♦ KHỞI NGUYÊN VÀ TRUYỀN BẢ CỦA PHẬT PHÁP, t.t. (Huỳnh Kim Quang dịch), trang 19
- ♦ THINH LẶNG (thơ Lê Phương Châu), trang 23
- ♦ HUYỀN ẢO, BÊN BỜ, CHUÔNG NGUYỄN HỒN AI... (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 24
- ♦ KINH ĐẮC QUẢ KHI TỪ TRẦN... (Nguyên Giác), trang 25
- ♦ BÉN XUÂN CHỜ (thơ Mặc Phương Tử), trang 28
- ♦ TÌM MỘT NIỀM TIN (Ngọc Bảo), trang 29
- ♦ ĐÊM-NGÀY, LANG THANG... (thơ Xuyên Trà), trang 31
- ♦ QUÁN CHIẾU - Câu chuyện dưới cờ (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ GÁP PHẬT GIẾT PHẬT—PPT5 (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ HOA ƯU ĐAM NƠI CỘI TA-BÀ - Lá Thư Đầu Tuần (Nhóm Áo Lam), tr. 34
- ♦ MỪNG TÂM TRONG ĐỨC PHẬT MỚI RA ĐỜI (thơ Trần Kiên Đoàn), trang 35
- ♦ TRẦN NHÂN TÔNG..., t.t. (Nguyễn Lang), trang 36
- ♦ BÓN MÙA (thơ Trần Đan Hà), trang 39
- ♦ NGÔN NGỮ LOÀI VẬT (Huệ Trần), trang 40
- ♦ NHỮNG TUYỆT LỘ BUỒN (thơ Tâm Nhiên), trang 41
- ♦ THIÊN, TÌNH VÀ MẬT - BA PHÁP TU TRUYỀN THÔNG CỦA PGVN, tt. (Thích Đức Trí), trang 49
- ♦ DƯỚI CÂY, TẶNG EM (thơ Quảng Tánh - Trần Cẩm), trang 52
- ♦ VƯƠNG NẠN TỶ-LƯU-LY ĐIỂN RA KHÍ PHẬT CÒN TẠI THẾ.... (Chúc Phú), trang 53
- ♦ NẤU CHAY: MÌ XÀO GIÒN (Chơn Nghiêm - Thanh Tịnh Quán), trang 57
- ♦ MỘT Ý HƯỚNG DẪN ĐẾN ĐOẠN ÁI BẰNG TUỆ TRÍ... (Nguyễn Văn Sâm), trang 58
- ♦ ĐẤT NƯỚC TÔI, CÓ NGHĨA LÝ GÌ, THƯỜNG MẮT EM SẦU (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 62
- ♦ TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ (Steven N.), trang 63
- ♦ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN NAM CALIF. THÀNH TỰU VIÊN MÃN (Binh Sa), trang 64
- ♦ ÔNG TẶNG XỨ TUYẾT (thơ Đồng Thiện), trang 68
- ♦ STORY OF AN ANAGAMI THERA (Daw Mya Tin), trang 69
- ♦ NHỮNG NGƯỜI MÙ SỜ VOI - truyện cổ Phật giáo (Hoàng Minh), trang 70
- ♦ BỆNH LAO (Bs. Nguyễn Ý Đức), tr. 72
- ♦ ĐỢI BẠN (thơ Phù Du), trang 73
- ♦ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG - chương 10 (Vĩnh Hào), trang 74
- ♦ NHƯ BAO ĐỒNG LỆ (thơ Tánh Thiện), trang 76



Chi phiếu ủng hộ hoặc đặt báo, xin ghi:

**CHANH PHÁP**  
11502 Daniel Ave.  
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 55, tháng 06.2016, do Chùa Cổ Lâm (Seattle, WA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



# Thư Tòa soạn

## LƯU VONG KHÚC

Cổ thụ nghìn năm, vươn thẳng trời  
phương nam

Đâm chồi, tỏa nhánh, tỏa bóng bao la  
trên đất lành

Người nương thân, cỏ cây trở hoa đơm  
trái,

Chim, sóc, côn trùng... đêm ngày lừng  
tiếng hoan ca

Một thời vùi vùi bờ đông, sừng sững non  
đoài, cao vút

Nào ai hay, có khi cũng hiện tượng suy  
tàn!

Nước cạn, đất khô, sâu một đục khoét  
Từ rễ đến ngọn e chừng đã mục rỗng

Cũng đành: đại bàng soãi cánh tha  
phương, người hiền lánh mặt

Những người hiền đã từng đánh đuổi kẻ  
hung hăng

Đã từng uy phong chống giặc ngoài lân  
hiếp

Nhưng không biết đối sách nào với loài  
sâu một bé tí

Cũng đành: ẩn tích non cao, khuất thân  
rừng thẳm

Có khi làm kẻ không nhà, du hành qua  
những phố thị

Lắng nghe hơi thở sinh dân

Quặn đau tiếng khóc muôn loài...

Có khi băng rừng vượt biển, làm kẻ tha  
hương

Lao đao sống gửi quê người, mà lòng  
nào nguôi

Nhớ nước, thương non, xót dân tình khổ  
lụy

Vùi vùi đôi bờ biển lớn

Canh cánh quê nhà đoái trông

Này anh này chị này em

Nước đục còn dùng được không?

Nước nhục lấy chi mà rửa?

Tôm cá, chim trời, cây cỏ chết

Rồi người sẽ chết dần mòn trong năm  
tháng nào đó

Biển, đất hoang vu

Làng quê quạnh vắng

Còn ai ghi lại tang thương này!

Ngoắc ngoài chờ ai cứu vớt

Lây lắt tạm sống từng giây

Biển rộng không dung được cá

Thì đất này chứa chấp những ai!

Quê nhà rợp cả rừng cò

Hay máu lệ trải khắp non sông!

Kẻ ở người đi nay cùng một phận:

LƯU VONG!

Làm người xa xứ, hoặc lạc loài trên  
chính quê hương mình.

Hỡi anh chị em, hãy tự hỏi

Còn lối thoát nào cho chúng ta?

Cây nghiêng bờ đông, cành gãy bờ tây

Bão giông đã tận một phương này

Biển mất, đất mất, ta còn gì để mất!

Ngồi xuống cùng nhau, mở rộng đôi tay  
trần

Mặc định một lần: không làm kẻ lưu vong  
nữa

Quê nhà là đây:

Trong tiếng nói, trong con tim đồng điệu

Hãy nói cùng nhau, hãy đập cùng nhau

Trang sử này!



# TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

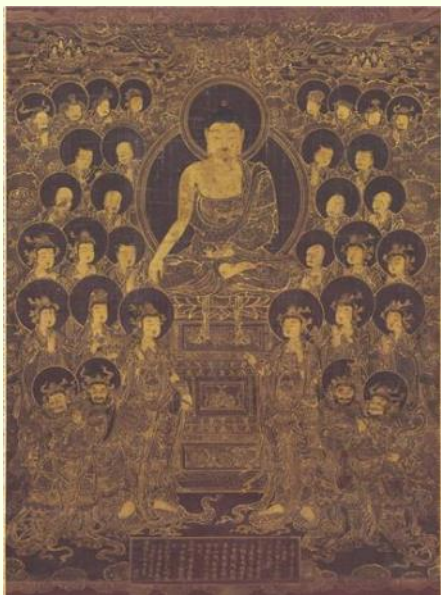
## DIỆU ÂM *lược dịch*

### **HOA KỲ: Tranh Phật giáo Hàn Quốc được bán đấu giá tại Christie's**

Tại nhà đấu giá Christie's ở New York, một tranh Phật giáo Hàn Quốc đã được bán đấu giá đạt 1, 805,000 usd, lập một giá kỷ lục trong số những tranh Hàn Quốc từng bán được tại các cuộc đấu giá trên toàn cầu.

"Một cuộc đấu giá các tranh cổ của Hàn Quốc đã được tổ chức trong 2 năm tại New York vào ngày 15-4. Mặc dù giá ước tính là khoảng 40,000 đến 60,000 usd, bức tranh này đã bán được ở mức giá gấp 45 lần giá dự toán", văn phòng Hàn Quốc của Christie's cho biết vào ngày 20-4. "Đây sẽ là cơ hội để đánh giá lại những tranh Hàn Quốc vốn đến nay chưa nhận được giá cao".

Bức tranh nói trên đã được vẽ theo yêu cầu của Vương Hậu Văn Định (1501-1565), người vợ thứ hai của Vua



*Tranh Phật giáo Hàn Quốc được bán đấu giá tại Christie's, New York—Photo: Christie's*

Jungjong. Tranh miêu tả Đức Phật đang giảng pháp cho các môn đệ của Ngài, được vẽ bằng vàng trên vải lụa màu tím rộng 60.3 cm và cao 101.6 cm.

(donga.com – April 22, 2016)

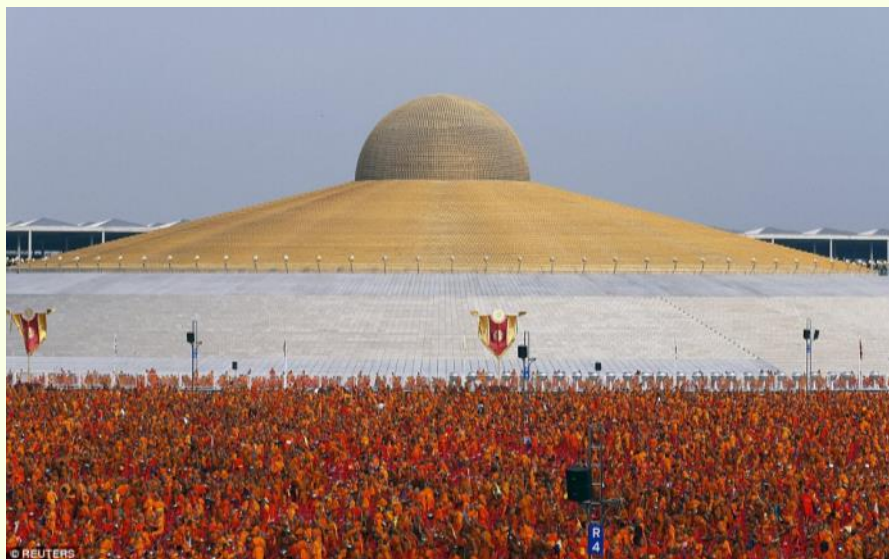
### **THÁI LAN: Đại lễ cúng dường chư tăng tại Chùa Phra Dhammakaya**

Pathum Thani, Thái Lan – Ngày 21-4-2016, hơn

100,000 nhà sư và sa di đã tham gia một đại lễ cúng dường tại Chùa Phra Dhammakaya ở tỉnh miền trung Pathum Thani của Thái Lan.

Chư tăng mặc áo cà sa màu cam cùng tụng niệm, trong khi tín đồ mặc đồ trắng tượng trưng cho sự thanh tịnh của Đức Phật tập trung để cúng dường vật phẩm.

Các nhà tổ chức nói rằng có đến 100,000 tăng sĩ và sa di tập trung để nhận vật phẩm



*Chư tăng và Phật tử trong đại lễ cúng dường tại chùa Phra Dhammakaya ở Pathum Thani, Thái Lan—Photos: Reuters*

cúng dường, và gọi đây là lễ cúng dường lớn nhất thế giới.

Một nữ Phật tử tên Yatsara Limkangwanmongkol nói, "Cúng dường vật phẩm cho 100,000 tăng sĩ là sự kiện một lần trong đời". Cô cho biết mình đã cúng dường tại chùa này trong một thập kỷ.

Chùa Phra Dhammakaya nổi tiếng với bảo tháp vàng khổng lồ, trông giống một vật thể bay không xác định (UFO).

(straitstimes - April 22, 2016)

### TÍCH LAN: Khánh thành pho tượng Phật cao nhất Nam Á

Matugama, Tích Lan - Ngày 24-5-2016, Tổng thống Tích Lan Marthripala Sirisena đã khánh thành tượng Phật đứng cao nhất Nam Á, được tôn trí tại thị trấn Matugama của Tỉnh Tây, Tích Lan.

Tượng Phật cao 135 feet này, tương tự tượng Phật đứng Avukana, được xây trên một đỉnh đồi ở Trung tâm Phật giáo Batamilla Kanda bằng các quỹ cá nhân của Tỉnh Ủy viên Jagath Withana.

Phát biểu tại lễ khánh thành với sự hiện diện của chư tăng thuộc Đại Tăng đoàn Tích Lan, Tổng thống nói rằng triết lý Phật giáo đã tạo nên khuôn mẫu cho một xã hội công bình trong cả nước, và rằng một xã hội đạo đức có thể được xây dựng dựa trên triết lý đạo Phật.

Tổng thống đã trồng một cây Naa non trong khuôn viên của Trung tâm Phật giáo Batamilla Kanda để đánh dấu sự kiện này.

(ANI - April 24, 2016)

### PAKISTAN: Các tác phẩm điêu khắc Phật giáo được phát hiện tại phế tích một ngôi đền cổ

Các tác phẩm điêu khắc và vật chạm khắc có niên đại hơn 1,700 năm đã được tìm thấy tại di tích của một đền thờ và sân trong của đền ở thành phố cổ Bazira. Chúng minh họa cuộc sống tôn giáo của thành phố, kể những câu chuyện từ Phật giáo và các tôn

giáo cổ đại khác.

Nằm gần làng Bariko ngày nay trong Thung lũng Swat ở Pakistan, thị trấn Bazira được xây dựng trong thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên và cuối cùng phát triển thành một thành phố thuộc đế quốc Kushan. Đế quốc này suy yếu vào thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên, cùng lúc đó một loạt trận động đất đã tàn phá Bazira, khiến thành phố này dần dần trở thành đồng đồ nát, bị bỏ hoang vào cuối thế kỷ thứ 3.

Phái đoàn Khảo cổ Ý Đại Lợi đã khai quật Bazira từ năm 1978, dần tìm thấy di tích của thành phố cổ này.

(NewsNow - May 1, 2016)



Tác phẩm điêu khắc về Thái tử Tất Đạt Đa được tìm thấy tại thành phố cổ Bazira, Pakistan—Photo: Aurangzeib Khan



Khu phế tích Bazira tại Thung lũng Swat, Pakistan Photo: Tan Afridi

### ĐÀI LOAN: Hơn 100 vị Lạt ma cầu nguyện tại Đài Loan

Đài Bắc, Đài Loan - Khoảng 130 Lạt ma từ 4 chi phái Phật giáo Tây Tạng tại Tây Tạng, Nepal, Bhutan và Ấn Độ đã tham gia một buổi cầu nguyện hòa bình tại thành phố Đài Bắc vào ngày 30-4-2016.

Ước tính có khoảng 1,000 người đã dự lễ cầu nguyện và thiền định nói trên, vì hạnh phúc của Đài Loan.

Một nhân vật trung tâm của buổi lễ là Đức Karmapa 17, người từng viếng Đài Loan 4 lần trước đó và đã có một số lượng tín đồ đáng kể tại nước này, cũng như tại Hoa Kỳ và châu Âu. Buổi lễ cầu nguyện là một phần của các sự kiện lễ hội văn hóa và nghệ thuật do Ủy ban Mộng Cổ và Tây Tạng của chính phủ Đài Loan bảo trợ. Đã có hơn 400 nhóm Phật giáo Tây Tạng tại Đài Loan, với tổng cộng hàng trăm nghìn hội viên.

Ủy ban cho biết sự kiện này tượng trưng cho sự phát triển đa nguyên về tôn giáo và văn hóa tại Đài Loan.

(Taiwan News - May 1, 2016)



Đức Karmapa 17, một nhân vật trung tâm của buổi lễ cầu nguyện hòa bình tại Đài Bắc (Đài Loan) - Photo: Taiwan News

### HOA KỲ: Tổng thống Obama chào mừng lễ Vesak

Theo Bill Aitken từ Văn phòng Công cộng của tổ chức Soka Gakkai Quốc tế-Hoa Kỳ, vào ngày 29-4-2016 Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama đã gửi một thông điệp chúc mừng ngày lễ Vesak của Phật giáo, với nội dung như sau:

"Tôi xin gửi lời chúc mừng đến tất cả những ai cử hành lễ Vesak

"Vesak là một ngày đặc biệt đối với hàng triệu Phật tử để tôn vinh ngày đản sinh, thành đạo và nhập Niết bàn của Đức Phật. Tại các chùa chiền trên khắp thế giới, Phật tử vào dịp này tham gia cầu nguyện và suy niệm về các đức hạnh của trí huệ, lòng can đảm và lòng từ bi. Bằng việc tham gia các hành động khiêm tốn này, nam nữ và trẻ em - những người nêu cao các truyền thống đáng tự hào của Phật giáo - luôn góp phần vào sự đa dạng văn hóa và tôn giáo vốn lập nên

nhân loại chung của chúng ta.

"Nhân khi quý vị cùng đến với nhau để kỷ niệm dịp này, tôi xin chúc quý vị được mọi điều tốt đẹp nhất.

"Ký tên, Barack Obama "

Theo ghi nhận của Aitken, đây là lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, một Tổng thống gọi thông điệp chào mừng đại lễ Vesak. Aitken cũng đưa tin Thống đốc tiểu bang California, Jerry Brown, cũng đã gửi đến Phật tử thông điệp mừng lễ Vesak.

(Lion's Roar – May 2, 2016)



*Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama—Photo: Google*

### **ẤN ĐỘ: Kỳ thi thường niên Geshema lần thứ tư của chư ni tại Dharamsala**

Kỳ thi Geshema lần thứ tư bắt đầu vào ngày 1-5-2016 tại Ni viện Gadan Choeling ở Dharamsala, bang Himachal Pradesh.

Phải mất 4 năm để hoàn thành, đây là bằng cấp Phật giáo Tây Tạng dành cho tu sĩ, tương đương với học vị tiến sĩ triết học Phật giáo. Trình độ được nhấn mạnh chủ yếu bởi dòng truyền thừa Gelugpa, nhưng cũng được trao cho trường phái Sakyapa. Mãi đến năm 2013 kỳ thi Geshema dành cho chư ni mới được tổ chức. Các ni cô đều được bằng cấp này sẽ có thể đảm nhiệm vai trò lãnh đạo, mà trước đó chỉ dành cho chư tăng, trong các cộng đồng tu sĩ và thường dân.

44 ni cô từ 5 cộng đồng tu viện ở Ấn Độ và Nepal – bao gồm các ni viện Dolma Ling, Gaden Choeling, Jamyang Choe-

ling, Jangchup Choeling và Kopan – đang trải qua các phần thi, bắt đầu từ ngày 1 đến 12-5-2016.

(Buddhistdoor Global – May 3, 2016)



*Các ni cô đang thi viết trong kỳ thi Geshema thường niên tại Dharamsala, Ấn Độ  
Photo: tibet.net*

### **TÍCH LAN: Chính phủ Tích Lan sẽ thành lập một trường cao đẳng tại Sanchi (Ấn Độ) để giảng dạy Phật giáo Nguyên thủy**

Colombo, Tích lan – Chính phủ Tích Lan có kế hoạch thành lập một trường cao đẳng tại Sanchi, bang Madhya Pradesh, Ấn Độ, để giảng dạy Phật giáo Nguyên thủy.

Theo đề nghị của Thủ tướng Tích Lan Ranil Wickremesinghe, chính phủ nước này đang xem xét việc thành lập một trường cao đẳng để ngăn chặn sự suy giảm của Phật giáo ở Ấn Độ, nơi phát sinh của tôn giáo này.

Đề nghị chỉ ra rằng: Việc tu tập Phật giáo Nguyên thủy đang giảm đi tại Ấn Độ, nơi đạo này đã từng chiếm ưu thế lớn trong quá khứ, và hiện nay không có một học viện nào ở Ấn Độ để dạy Phật giáo Nguyên Thủy.

Thủ tướng đã đề xuất thực hiện các chuẩn bị cần thiết để phối hợp với chính quyền bang Madhya Pradesh thành lập một trường cao đẳng về Phật giáo Nguyên thủy tại Sanchi.

Chính phủ Tích Lan đã nhận được sự chấp thuận của nội các để tiến hành đàm phán sơ bộ với Thống đốc bang Madhya Pradesh trong chuyến thăm Sanchi sắp tới của Tổng thống Tích Lan

Maithripala Sirisena, và để tiến hành các hoạt động có liên quan.

(Colombo Page – May 5, 2016)



*Đại Bảo tháp nổi tiếng của chùa Sanchi ở Madhya Pradesh, Ấn Độ  
Photo: en.wikipedia.org*

### **HÀN QUỐC: Các tiểu tăng vui chơi trong công viên giải trí tại Yongin**

Yongin, Hàn Quốc - Một nhóm 10 chú tiểu đã đến chơi tại công viên giải trí Everland ở thành phố Yongin vào cuối tuần trước, như một phần của một chương trình đào tạo Phật giáo.

Các cậu bé đang trải qua 2 tuần sống trong một ngôi chùa và trải nghiệm cuộc sống của các tu sĩ Phật giáo, học tập thêm về tôn giáo này và giúp nâng cao nhận thức về ngày Phật Đản sắp đến vào cuối tháng.

Các tiểu tăng đang trải qua 14 ngày sống cùng chư tăng tại chùa. Vào đầu chương trình các bé đã cạo đầu, và sẽ mặc trang phục nhà chùa trong suốt chương trình.

Vào ngày 14-5-2016 chương trình mang tên "Trẻ em trở thành tu sĩ Phật giáo" này kết thúc, khi Phật tử sẽ mừng lễ Phật Đản thứ 2,560.

Trong suốt tháng Phật Đản, chùa chiền của Hàn Quốc trang trí nhiều đèn lồng hoa sen. Và vào đúng ngày Phật Đản, khách viếng chùa được ăn các bữa ăn và uống trà miễn phí.

(Telegraph.co.uk – May 9, 2016)



Các tiểu tăng Hàn Quốc vui chơi tại công viên giải trí ở Yongin  
Photos: AFP, Reuters & Getty Images

### HOA KỲ: Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập của Tỉnh xá Phật giáo Washington

Washington D.C., Hoa Kỳ - Thị trưởng Washington, bà Muriel Bowser, đã tham dự lễ kỷ niệm 50 năm thành lập của Tỉnh xá Washington vào ngày 1-5-2016. Bà tuyên bố ngày này là "Ngày Tỉnh xá Phật giáo Washington", công nhận rằng Đặc khu Columbia là nhà của tỉnh xá Phật giáo Nguyên thủy đầu tiên tại Mỹ và nói rằng tỉnh xá đã được dành riêng để giới thiệu Phật giáo

và mở rộng chào đón tất cả mọi người.

Đại sứ Tích Lan Prasad Kariyawasam cũng có mặt vào dịp này.

Hòa thượng Maharagama Dhammasiri Nayaka, tăng thống khu vực Bắc Mỹ và là sư trưởng của Tỉnh xá Washington, đã chủ trì buổi lễ và tiến hành các nghi lễ.

Chư cao tăng từ nhiều chùa ở Bắc Mỹ và đông đảo Phật tử Mỹ gốc Tích Lan, Mỹ và các quốc tịch khác đã tham dự ngày lễ kỷ niệm, với những bài pháp giảng và nghi lễ tôn giáo.

(Tipitaka Network - May 10, 2016)



Quang cảnh Tỉnh xá Washington trong ngày kỷ niệm 50 năm thành lập



Chư tăng và Phật tử dự lễ kỷ niệm—Photos: LBO

### MÃ LAI: 12,000 người sẽ tham gia diễn hành trong lễ Phật Đản tại Melaka

Melaka, Mã Lai - Dự kiến có tổng cộng 12,000 người, đặc biệt là thanh niên Phật tử, sẽ tham gia diễn hành nhân lễ Phật Đản vào ngày 20-5-2016, Văn phòng bang Melaka của Bộ Du lịch và Văn hóa Mã Lai cho biết.

Được tổ chức bởi Hiệp hội Phật giáo Sek Kia Eenh, cuộc diễn hành là một sự kiện thường niên và được xem là sự kiện du lịch tôn giáo vốn thu hút sự tham gia của địa phương và nước ngoài.

Cuộc diễn hành kéo dài từ 7pm đến 11pm, cũng sẽ có 45 xe hoa và sẽ đi một quãng đường 6km, xuất phát từ Jalan Gajah Berang.

Từ ngày 28-5, Hiệp hội Phật giáo Sek Kia Eenh sẽ phân phối các mặt hàng nhu yếu phẩm như gạo, dầu, đường và tiền lì xì cho 1,000 người nghèo đã đăng ký tại văn phòng của tổ chức này tại Wisma Seck Kia Eenh.

(Bermana.com - May 11, 2016)

### CANADA: Chư tăng ở Đảo Prince Edward (P.E.I.) giúp cứu trợ nạn nhân cháy rừng tại Fort McMurray

Các tăng sĩ trẻ tại Hội Phật Học Viện Đại Giác ở Little Sands, P.E.I. đang nướng thêm nhiều bánh mì tròn để giúp cho nỗ lực cứu trợ tại khu Fort McMurray của tỉnh bang Alberta.

Mỗi tuần chư tăng sẽ nướng 2,000 bánh mì tròn cho đến ngày 30-5. Đó là phần thêm vào số bánh họ làm hàng tuần để giúp các ngân hàng thực phẩm trên Đảo.

Bánh mì tròn giúp Fort McMurray sẽ bán giá \$1 mỗi cái, và Phật Học Viện sẽ đổi chiếu bánh thành tiền, với tất cả số tiền thu được sẽ chuyển cho Hội Hồng Thập Tự Canada.

Geoffrey Yang, thư ký điều hành của Hội Phật Học Viện Đại Giác, nói rằng một trang sự kiện Facebook đang được thiết lập để mọi người biết cách mua và nơi nhận bánh.

Sư Yang cho biết cuối tuần này các tăng sĩ sẽ tổ chức lễ tụng niệm 3 ngày tại tu viện để cầu nguyện cho những người bị ảnh hưởng bởi hỏa hoạn.

(CBSNews – May 12, 2016)



*Các tăng sĩ trẻ đang nướng thêm 2,000 bánh mì tròn mỗi tuần để giúp các nạn nhân hỏa hoạn—Photo: CBS*

### **NHẬT BẢN: ngôi chùa riêng thờ con mèo 'siêu may mắn'**

Có thể bạn đã trông thấy tượng con mèo 'siêu may mắn' tại nhà hàng và cửa hàng. Nhưng bạn có biết rằng con mèo này có ngôi chùa riêng của mình không?

Con mèo may mắn trong tiếng Nhật gọi là "maneki neko" (con mèo vẫy gọi). Nó làm cử chỉ có ý "hãy đến đây" theo người Nhật, và nó mời chào khách hàng vào quán tiệm.

Ngôi chùa Gotokuji ở Tokyo đầy tràn những tượng maneki neko, nguyên do là từ một câu chuyện thú vị như sau: Vào thời Edo (1603-1867), một vị lãnh chúa phong kiến đi săn bằng chim ưng, trên đường về nhà thì thấy con mèo của chùa này vẫy gọi ông vào chùa.

Đột nhiên, một cơn bão ập đến, và nhờ con mèo nên lãnh chúa tránh được bão. Biết ơn, lãnh chúa đã quyết định xây dựng lại ngôi chùa Gotokuji bị lãng quên. Khi con mèo chết, một đền thờ dành cho con vật này đã được xây trong khuôn viên chùa, và con mèo được phong thần, gọi là Shobyo Kannon. Khách đến viếng bắt đầu tặng chùa những tượng Maneki Neko để tỏ lòng biết ơn sau khi mong ước của họ trở thành hiện thực.

(kotaku.com – May 13, 2016)



*Những tượng con mèo may mắn tại chùa Gotokuji ở Tokyo—Photos: Chabo 100*

## **ĐÓN MỪNG ÁNH ĐẠO**

*Mỗi năm Ưu đàm nở,  
Là báo hiệu Đản sanh,  
Dem tin cho nhân thế,  
Chuẩn bị đón Cha lành.*

*Mùi hương thơm ngào ngạt,  
Xóa tan màng vô minh,  
Mùi hương thơm giải thoát,  
Vạn vật đều yên lành.*

*Từ nay nơi trần thế,  
Nhân loại đón niềm vui,  
Tung hô vạn vạn tuế,  
An lạc cho cuộc đời.*

*Chúng sanh trong bốn loại,  
Cùng lực đạo hân hoan,  
Tầm gọi trong ân đức,  
Mưa Pháp đã ngập tràn,*

*Giờ là giờ hoàng đạo,  
Cung đón Đức Thế tôn,  
Hương dẫn cho nhân thế,  
Giải thoát đến Niết bàn.*



*thơ*

### **ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA**

*Phật đản Rằm tháng tư Bình thân -2560 - 2016*



## GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

Vietnamese American United Buddhist Congregation

**CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM NAM CALI**—Vietnamese Buddhist Community of Southern California

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2560**—Buddha's Birthday Festival Celebration—Buddhist Year 2560

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 Tel.: (714) 571-0473 (619) 283-7655

## CẢM TẠ

### của Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2560

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Kính Bạch chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni,
- Kính thưa quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, quý vị Đại Diện Viên Chức Chính Quyền, quý vị đại diện các Đoàn Thể, Hội Đoàn và các Cơ Quan Truyền Thông,
- Thưa quý Đồng hương Phật tử,

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và các Tự Viện tại Miền Nam California, đã long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2560 vào ngày Chủ Nhật 01 tháng 5 năm 2016 tại Mile Square Regional Park, thành phố Fountain Valley, Orange County, California, Hoa Kỳ thành công viên mãn.

Thay mặt Ban Tổ Chức, chúng tôi chân thành biết ơn quý vị đại diện Hội Đồng Liên Tôn, chư vị giới chức chính quyền, quý vị đại diện các đoàn thể và hội đoàn, ông Giám Sát Viên Andrew Đỗ cùng quý vị nhân viên văn phòng Giám Sát quận Cam và OC Parks; ông Michael Võ, Nghị Viên thành phố Fountain Valley, đã giúp đỡ và cho chúng tôi sử dụng Mile Square Regional Park. Cảm ơn Dân Biểu Liên Bang Alan Lowenthal, Giám Sát Viên Michelle Steele, Thị Trưởng Trí Tạ và quý vị Nghị Viên Thành Phố Westminster Sergio Contreras, Diana Carey, Tyler Diệp; Thị Trưởng Bảo Nguyễn và Nghị Viên Thành Phố Garden Grove Phát Bùi; Đoàn Xe Jeep Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và nhiều viên chức, ứng cử viên khác, chư vị báo giới, truyền thanh, truyền hình đã chuyển tải tin tức Đại Lễ Phật Đản đến cho mọi người được tường lãm.

Chúng con chân thành tri ân Chư tôn đức Tăng Ni Việt Nam và các quốc gia bạn đã từ bi yểm trợ, vận động và quang lâm chứng minh Đại Lễ Phật Đản PL2560. Thâm tạ Tăng Ni và Phật tử Chùa Bát Nhã, Liên Hoa, Phật Đà, Phật Tổ, Huệ Quang, Tổ Đình Minh Đăng Quang, Tổ Đình Giác Nhiên, Tịnh xá Giác Lý, Tu Viện Linh Sơn Pháp Bảo, Thiền Tịnh Đạo Tràng, Tu Viện Hộ Pháp, Sùng Nghiêm, Linh Ứng, Đại Bi, Trí Nghiêm, Long Thành, Kiền Đàm Ni Tự, Phổ Đà, Giác Ân, Viên Minh, Địa Tạng, Khánh Hỷ, Bồ Đề, Đức Phước, Hội Phước New Mexico, Tổng Hội Cư Sĩ, Hội Cư Sĩ Orange County, Các đơn vị Gia Đình Phật Tử, nhà Quàn Peek Funeral Home, Đỗ Thanh Entertainment và Triệu Mỹ Ngân, Ban Hợp Xướng Hải Triều Âm, và rất nhiều Chùa khác trong vùng cũng như các nơi khác đã cử người tham gia Ban Tổ Chức và làm việc trong nhiều tháng qua.

Chúng tôi chân thành cảm tạ quý vị thiện nam tín nữ, Phật tử xa gần, quý vị mạnh thường quân, quý thân hữu, đã phát tâm làm việc trong suốt thời gian qua, cảm ơn Ni Sư Thiên Tuệ và Phật tử Chùa Phổ Linh đã tặng hàng chục ngàn phần ăn chay, Đại Đức Thích Thường Tịnh và Chùa Phật Tổ đã cúng dường 5,000 đô và thức ăn cúng dường trai Tăng, Đại Đức Thích Giác Châu và Tịnh xá Giác An đã cúng dường 5,000 bánh ú, MC Minh Phượng và Radio Bolsa đã đọc Thông Báo miễn phí suốt một tháng qua, Little Saigon Radio đã cho Ban tổ chức lên đài thông báo về tin tức Phật Đản, Nước Mía Viễn Đông và rất nhiều chư tôn đức cũng như Phật tử đã cúng dường tịnh tài, thức ăn cho Đại Lễ năm nay nhưng không kể hết ra đây được.

Sự yểm trợ, sự hiện diện của quý vị là niềm khích lệ vô cùng lớn lao cho Ban Tổ Chức.

Xin nguyện hồi hướng tất cả công đức có được cho khắp pháp giới chúng sinh đều trọn thành Phật đạo.

Chân thành tri ân và kính chúc quý liệt vị cùng gia đình phước thọ tăng long, tùy tâm mãn nguyện.

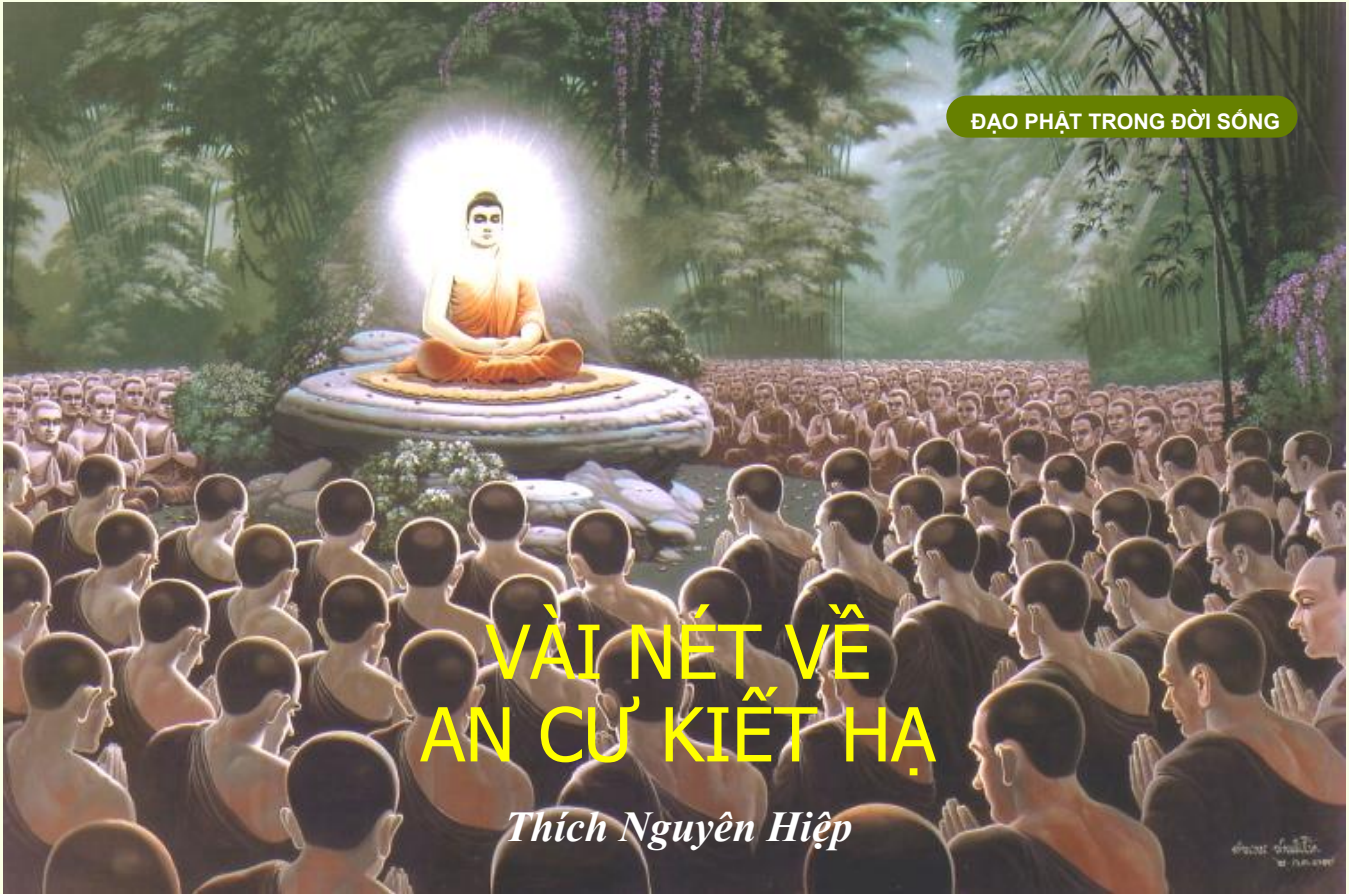
Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Santa Ana, California ngày 02 tháng 5 năm 2016

Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2560

**Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu**





## VÀI NÉT VỀ AN CƯ KIẾT HẠ

*Thích Nguyên Hiệp*

An cư kiết hạ là truyền thống có giá trị rất thiết yếu trong Phật giáo. Truyền thống này đã có từ thời đức Phật. Nhưng thực ra, pháp an cư không phải đức Phật là người đầu tiên chế định, mà Ngài đã tùy thuận theo truyền thống vốn có của xã hội Ấn Độ đương thời và áp dụng cho hàng đệ tử xuất gia của mình. Duyên khởi của sự việc này chúng ta có thể tìm thấy nơi luật Tứ phần:

Nhân một lần đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo trong ba mùa xuân, hạ và đông đều du hành trong nhân gian. Gặp lúc trời mưa vào mùa hạ, y bát, ống đựng kim... của họ bị nước cuốn trôi. Họ lại dẫm đạp lên cỏ non và các loại côn trùng sinh trưởng trong mùa mưa, đoạn diệt đi mạng sống của chúng. Điều này đã bị các cư sĩ chỉ trích, rằng các Sa môn Thích tử không biết hổ thẹn, bên ngoài nói biết chánh pháp nhưng thực ra không biết chánh pháp. Các tu sĩ ngoại đạo còn có ba tháng an cư, còn các Thích tử trong ba mùa đều du hành trong nhân gian. Ngay cả mùa mưa nước lớn cũng du hành, khiến y bát bị trôi, lại dẫm đạp, hủy hoại cỏ non và các loài khác. Loài chim, côn trùng còn có hang tổ là trú xứ nghỉ ngơi của chúng, còn các Sa môn Thích tử không được như thế.

Những Tỳ-kheo sống đời thiếu dục tri túc, có lương tâm, biết hổ thẹn, đã quả trách nhóm sáu Tỳ-kheo và đến chỗ đức Thế Tôn bạch đầy đủ sự việc này lên Ngài. Đức Thế Tôn nhân đây tập họp các Tỳ-kheo lại, khiển trách nhóm sáu Tỳ-kheo thiếu tịnh hạnh, không có hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm để cho thế gian cơ hiểm. Và rồi Ngài chế định: Từ nay về sau

cho phép các Tỳ-kheo an cư ba tháng mùa hạ (Tứ phần luật 37, An cư kiên độ, Đại 22, tr. 830b).

Duyên khởi để đức Phật chế định pháp an cư là như vậy. Từ đó về sau, hàng năm cứ vào ba tháng mùa mưa, chư Tăng tập họp lại cùng một trú xứ để an cư.

Theo lịch của Ấn Độ thì một năm được chia thành ba mùa: mùa nắng, mùa mưa và mùa lạnh. Mùa nắng kể từ ngày 16 tháng 2 đến rằm tháng 6. Mùa mưa kể từ ngày 16 tháng 6 đến rằm tháng 10. Mùa lạnh kể từ 16 tháng 10 đến rằm tháng 2. Truyền thống Nguyên thủy Phật giáo y cứ theo lịch này nên bắt đầu vũ kỳ an cư (Vassavāsa) từ ngày 16 tháng 6 (tháng Asālha) và kết thúc vào ngày 16 tháng 9 (tháng Assina). Nếu an cư được bắt đầu vào ngày 16 tháng 6 thì gọi là Tiền an cư (Purimikavassā). Còn nếu như có duyên sự không thực hiện Tiền an cư được mà phải dời lại một tháng sau, tức bắt đầu từ ngày 16 tháng 7 và kết thúc vào ngày 16 tháng 10 thì gọi là Hậu an cư (Pacchimikāvassā). Truyền thống Phật giáo Bắc truyền thì bắt đầu kỳ an cư vào sau lễ Phật đản, tức bắt đầu từ ngày 16 tháng 4 và kết thúc an cư vào ngày 16 tháng 7. Phật giáo Bắc tông dùng cụm từ an cư mùa hạ (kiết hạ an cư) thay cho cụm từ an cư mùa mưa (vũ kỳ an cư). Sự sai khác về thời gian trong hai truyền thống này là do có sự sai khác về điều kiện thời tiết khí hậu của từng quốc độ. Và một số nhà phiên dịch Trung Hoa khi dịch kinh cũng đã dịch kiết hạ an cư thay cho vũ kỳ an cư.

Suốt thời gian kiết hạ, các Tỳ-kheo phải cấm túc tại một nơi. Tuy thế, nếu có các duyên

sự quan trọng như cha, mẹ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,

Sikkhamana, Sa-di, Sa-di-ni đau yếu, bệnh hoạn, tai nạn... thì được phép rời khỏi nơi an cư trong vòng 7 ngày. Nếu đi qua ngày thứ 8, mặt trời mọc lên, thì phạm tội ác tác. Ngoài ra, trong tín đồ nếu có người đau chết, tai nạn cũng được phép ra đi thăm viếng; hoặc trong hàng cư sĩ tại gia đến thỉnh đi trai Tăng, thuyết Pháp cũng được phép ra đi trong vòng 7 ngày. Cách thức đi trong khoảng thời gian 7 ngày tiếng Pali gọi là Sattahakicca, tức là Tỳ-kheo hay Sa-di khi rời trú xứ an cư phải nguyện trước một, hai hay ba Tỳ-kheo, hoặc trước Tăng chúng thể này: Sace me antarayo natthi, sattahabbhantare aham puna nivattisam (Nếu không có sự rui ro đến tôi, tôi sẽ trở về trong vòng 7 ngày).

Trong truyền thống an cư, thường thì chư Tăng tập trung về cùng một trú xứ và sống chung suốt ba tháng mùa mưa. Suốt thời gian này các Tỳ-kheo chuyên tâm vào việc phát triển thiền định và đọc tụng kinh điển. Trong thời gian 9 tháng chư vị phải vân du giáo hóa khắp nơi, nên ba tháng an cư là thời gian cần thiết để cho chư vị cùng nhau tu tập và học hỏi giáo pháp. Bên cạnh đó, việc cùng an cư sẽ giúp chư Tỳ-kheo có cơ hội học hỏi kinh nghiệm tu học lẫn nhau, phát triển và thắt chặt tình đồng đạo. Trong các kinh điển, đôi khi ta thấy đức Phật tán thán hạnh độc cư và khuyến khích các Tỳ-kheo nên sống theo hạnh đó. Nhưng trong một số trường hợp, Ngài lại khuyến các Tỳ-kheo nên hòa hợp chung sống, trao đổi kinh nghiệm tu tập, sách tấn và nương tựa lẫn nhau. Như vậy, chúng ta thấy lời dạy của đức Phật luôn tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể mà được nói ra.

**Thanh tịnh và hòa hợp** là hai yếu tố hình thành nên Tăng đoàn của đức Phật. An cư là dịp để chư Tăng trưởng dưỡng hai yếu tố đó. Thiếu hai yếu tố đó, Tăng già dù có tồn tại cũng chỉ là vấn đề hình thức và cố nhiên là không giữ trọn ý nghĩa của từ Sangha. Việc đức Phật tùy thuận theo truyền thống của xã hội Ấn Độ đương thời như vậy không chỉ vì Ngài muốn tránh đi sự cơ hiểm của thế gian, mà Ngài cũng thấy được tính thực tiễn của nó. Một mặt là để giúp các Tỳ-kheo có thời gian tu học và mặt khác là để thắt chặt tính hòa hiệp trong cộng đồng Tăng lữ. Ngoài ra, thời gian an cư của chư Tăng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các cư sĩ gần gũi học tập giáo pháp và thực hành tu tập. Trong suốt 9 tháng kia, chư Tăng thường nay đây mai đó, du hóa khắp nơi, các cư sĩ không có dịp để học hỏi, nên đây là thời gian tốt nhất cho các cư sĩ thân cận chư Tăng tu học. Điều này giúp cho mối liên hệ giữa các Tỳ-kheo với cư sĩ tại gia được thắt chặt, hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển tâm linh, cũng như xây dựng một giáo hội với Tứ chúng chặt chẽ, bền vững.



Như vậy, dù truyền thống an cư giữa Nam truyền và Bắc truyền tuy có khác nhau về vấn đề thời gian, nhưng ý nghĩa của hai truyền thống này thì không có gì sai khác. Dù an cư mùa hạ hay an cư mùa mưa thì vấn đề cốt lõi của nó là để phát triển đời sống tâm linh và xây dựng mối hòa hiệp giữa các thành viên trong Tăng già. Thấy được điều đó thì ba tháng an cư mới có giá trị thật sự. Và một vị Tỳ-kheo khi kết giới an cư mới thấy được trách nhiệm lẫn lợi ích trong ba tháng an cư này.

Đọc trong kinh ta thấy có nhiều Tỳ-kheo đã chứng được đạo quả qua thời gian tu tập ba tháng này. Nhưng bên cạnh đó cũng có những vị đã biến thời gian an cư thành dịp tích trữ tư sự, thôu gom vật phẩm. Xét ra con người ở thời đại nào cũng vậy, không phải ai xuất gia cũng đều đặt lý tưởng giải thoát lên hàng đầu. Có lẽ cõi đời này vốn như vậy. Có thánh thì cũng có phàm. Có người xuất gia bước đến chân trời cao rộng nhưng cũng có người vẫn cứ luẩn quẩn mãi trong lợi danh dù khi đã cạo bỏ tóc râu. Trong kinh Thừa tự pháp, đức Phật đã từng dạy: Nay các Tỳ-kheo, hãy là người thừa tự Pháp của ta, đừng là kẻ thừa tự tài vật (Dhammadāyāda me bhikkhave bhavatha mā āmisadāyādā bhavatha). Mỗi Tỳ-kheo khi tham gia an cư phải hiểu được tinh thần của lời dạy đó để việc an cư ba tháng của mình có đầy đủ ý nghĩa, không đi lệch ra khỏi mục đích của truyền thống này.

Trên đây chỉ là một vài nét khái quát về duyên khởi và ý nghĩa của pháp an cư. Chi tiết và phương thức thực hiện pháp an cư để biết đầy đủ thì cần phải đọc vào Luật tạng. Trong phạm vi của một bài viết có giới hạn, người viết chỉ trình bày một vài nét cơ bản như vậy, với hy vọng chia sẻ cùng người đọc về một truyền thống đã được truyền thừa hơn 2500 năm, qua đó có được một cái nhìn đúng đắn khi áp dụng truyền thống này vào đời sống xuất gia, để cho giá trị cao cả vốn có của nó không bị mất đi. ■

## TIỂU KHÚC PHẬT ĐẢN

Sông Hằng một dải trôi mau;  
Vận đời đôi ngả bạc đầu Vương gia.  
Tuyết sơn phát ngọn trắng già,  
Bóng Người thăm thẳm vượt qua chín tầng.  
Cho hay Bồ tát hậu thân,  
Chày kinh chưa chuyển tiếng vẫn đã xa.  
Sườn non một bóng Đạo già  
Trầm tư năm tháng bên bờ tử sinh.  
Nhìn Sao mà ngộ sự tình:  
Ai người Đại Giác cho mình quy y?  
Năm chày đá ngủ lòng khe;  
Lung trời cánh hạc đi về hoàng hôn.

Trăng gầy nửa mảnh soi thêm,  
U ơ tiếng trẻ, êm đêm Vương cung.  
Sao trời thưa nhạt mộng lung;  
Mấy ai thấu rõ cho cùng nghiệp duyên.  
Khói mơ quán quýt hương nguyên,  
Hợp tan là lẽ ưu phiền đây thôi.

Vườn hồng khóa nẻo phình phờ,  
Cùng trong cõi Mộng chia bờ khổ đau.

Thời gian vỗ cánh ngang đầu;  
Sinh, già, bệnh, chết, tránh đâu vận cùng.  
Khổ đau là khối tình chung,  
Ai nâng cõi thế qua bùn tử sinh?

## TUỆ SỸ

(Mùa Phật Đản 2549)

thơ

## A JOYOUS SONG OF VESAK

The Ganges River flows running fast, as life  
is impermanent  
Dancing between the destinies of life whit-  
ened the hair of the Royal Highness \*  
The snow-topped Himalayan mountain  
waved to the moon with its summit  
As the image of the new-born Boddhisattva  
passed over the highest heaven,  
touching the abode of gods  
The truth is that the last existence of the  
Boddhisattva had not yet been announced,  
But the whole world was shaking

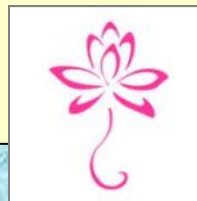
The sound was heard afar  
Even as the drum had not been struck  
Reciting the Sutra has yet to transform, though its  
essence has echoed through mountains and rivers  
On the side of a mountain,  
An old recluse was meditating upon the meaning  
of existence, on the verge of life-and-death  
Looking deep at the star, He, the old recluse  
The Awakened One  
Said let us take refuge  
Time continued passing, as pebbles were sleep-  
ing in the bed of the brook,  
and life was coming to its end,  
A stork flew to the end of day through the twi-  
light of the sunset  
The half slim moon still shone on the royal ter-  
race  
The lullaby to the holy-baby was resounding  
peace to the royal palace  
As stars here are sparse and massive in the im-  
mense sky,  
Who comes to see through the karma among re-  
lations?  
The smoke of dreams is winding around the in-  
cense of prayer  
Uniting and separating is but a sense of sorrow.

The rose garden was deceptively closed to all,  
as those in the same dreamy world differentiated  
the terrain of suffering

The time is passing, flapping its wings overhead  
Birth, old age, sickness, death, is inevitably the  
end of life  
Suffering is the common share of affection  
Who is to lift the human realm over the muddle  
of life and death?

Translated by BẠCH XUÂN PHỄ

\* There was a prophecy that the prince would  
leave home for a holy life and attain the supreme  
enlightenment, otherwise he would be a great  
emperor. Worry about the prophecy was whitening  
the hair of the father-king.





## GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP LIÊN CHÂU

Chánh Văn Phòng: HT. Thích Bổn Đạt  
1002 W. Somerset St, Ottawa, Ontario, K1R 6G9 CANADA  
Tel.: (613) 231 2516

### BẢN LÊN TIẾNG

#### VỀ VIỆC BIỂN MIỀN TRUNG VIỆT NAM NHIỄM ĐỘC KHIẾN CÁ CHẾT HÀNG LOẠT

Bắt đầu từ ngày 06 tháng 4 năm 2016, cá biển tự nhiên và cá nuôi lồng bè của ngư dân ven biển chết hàng loạt, bắt nguồn từ khu kinh tế Vũng Áng (thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh), lan xuống các tỉnh lân cận (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam-Đà Nẵng...) suốt dọc trên 200 cây số bờ biển. Ngay cả rạn san hô, "nhà ở" của các sinh vật dưới biển, cách bờ biển từ 1-6 hải lý, chạy dài từ đầu tỉnh đến cuối tỉnh Quảng Bình, cũng đã bị phá hủy trong các đợt cá chết vừa qua; san hô chết, nhiều sinh vật biển chết theo (theo báo cáo ngày 06.5.2016 của chính quyền địa phương thôn Nhân Nam, xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình).

Nguyên do cá chết hàng loạt nói trên được tin là do Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn (TNHH) Hưng Nghiệp Formosa, một công ty luyện kim, sản xuất thép (mà chủ doanh nghiệp là người Đài Loan và Trung Hoa lục địa) đã xả nước thải hóa chất ra biển. Chính đại diện của công ty, đã phàn nàn xác nhận hậu quả cá chết hàng loạt là do việc xả nước thải ra biển của Formosa khi trả lời báo chí, rằng "*Muốn bắt cá, bắt tôm hay nhà máy, cứ chọn đi...*" (nguồn: báo Tuổi Trẻ, số ra ngày 25.4.2016).

Cá chết hàng loạt chỉ là hiện tượng, là hậu quả nhãn tiền mà mọi người có thể thấy biết. Vấn đề nghiêm trọng đằng sau hiện tượng này là một thảm họa lâu dài về môi trường và kinh tế, không những hủy hoại đời sống của sinh vật dưới biển, mà còn ảnh hưởng nặng nề đến nghề nghiệp, đời sống của hàng vạn ngư dân và người dân sống ven biển, tác hại dây chuyền đến thực phẩm và rau quả của các miền khác, gieo họa tràn lan không giới hạn trên toàn quốc vào các ngành kinh tế và dịch vụ khác (ngư nghiệp, nông nghiệp, sản xuất mắm-muối, du lịch, v.v...).

Nhận thức về hiểm họa khôn lường từ sự kiện cá nhiễm độc, mà hệ lụy là đại họa môi sinh và kinh tế, hàng ngàn người dân đã lên tiếng và tự phát biểu tình liên tục tại các thành phố lớn và các tỉnh (Hà-nội, Sài-gòn, Đà Nẵng, Nha Trang, Quảng Bình, Nghệ An, Bà Rịa-Vũng Tàu...) để khẳng định họ yêu môi trường (biển sạch), yêu cầu nhà cầm quyền làm sáng tỏ nguyên nhân gây thảm họa môi sinh để ngăn chặn, xử lý thích đáng và kịp thời; ngoài ra còn phải tận lực cứu hộ và bồi thường những thiệt hại to lớn về sinh mạng và của cải của người dân trực tiếp hay gián tiếp bị ảnh hưởng.

Thế nhưng, suốt hơn một tháng qua kể từ ngày phát hiện cá chết hàng loạt, nhà cầm quyền Việt Nam vẫn chưa đưa ra một kết luận nào về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, chỉ nói quanh co, kéo dài thời gian điều tra khảo nghiệm, mà dư luận khắp nơi, cả trong nước lẫn hải ngoại, cho rằng chính nhà cầm quyền cố tình bao che, bảo vệ công ty Hưng Nghiệp Formosa, tránh né trách nhiệm, sẵn sàng đàn áp, bịt miệng nhân dân. Hậu quả là các cuộc biểu tình ôn hòa của hàng ngàn người dân vào các ngày 01.05, 08.05 và 15.05.2016 đều bị Đảng và Nhà Nước ra lệnh các lực lượng an ninh (công khai hoặc trá hình) thẳng tay đàn áp, đánh đập, bắt giam.

Chúng tôi cũng như nhân dân Việt Nam trong và ngoài nước, đã kiên nhẫn, im lặng chờ đợi câu trả lời rõ ràng và cách giải quyết thích đáng của Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) từ khi hiện tượng cá chết được phát hiện. Cuối cùng, vào ngày

14.05.2016 thì Nhà Nước đã lộ rõ quyết tâm triệt tiêu tiếng nói lương tri của người dân bằng cách vu khống và xuyên tạc hành vi biểu tình bảo vệ môi trường là do tổ chức phản động giật dây, kích động; để rồi qua ngày 15.05.2016, các lực lượng an ninh nổi-chìm của Đảng và Nhà Nước có lý có bao vây, chặn bắt và đánh đập người dân một cách dã man ngay cả trước khi họ tập trung, hoặc có cử chỉ chụp hình, quay phim; một số nhà hoạt động xã hội cũng bị bắt bớ hoặc ngăn cấm rời khỏi nhà; và hàng trăm người chưa kịp biểu tình đã bị bắt đưa vào Trung Tâm Hỗ Trợ Xã Hội (một trung tâm nuôi nhốt người vô gia cư và nghiện ngập của quận Bình Thạnh, Sài-gòn) để tra tấn, đánh đập, chích điện...

Đau lòng trước các vấn đề nghiêm trọng của nhân dân và đất nước, Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu thuộc các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại (GHPGVNTNHN) Tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, GHPGVNTN Âu Châu, GHPGVNTN Hoa Kỳ, và GHPGVNTNHN tại Canada đồng thanh

## LÊN TIẾNG

1/ Kêu gọi Nhà Nước CHXHCNVN cấp thiết điều tra và mau chóng công bố nguyên nhân làm biến nhiễm độc, công khai tuyên bố vụ cá chết hàng loạt là hiểm họa môi trường, đưa ra phương thức giải quyết vấn đề hiểm họa môi sinh một cách cụ thể nhằm ngăn chặn hậu họa; đình chỉ lập tức việc xả thải của công ty Hưng Hiệp Formosa và các công xưởng sản xuất có nhu cầu xả thải tương tự; cấp thời có biện pháp nghiêm phạt những kẻ vi phạm và đồng phạm trong việc hủy hoại môi trường, đòi bồi thường thỏa đáng cho nạn nhân các tỉnh;

2/ Kêu gọi Nhà Nước CHXHCNVN gấp rút huy động các cơ quan, ban ngành liên hệ đến hiểm họa, thực hiện ngay công tác khoanh vùng bị nhiễm độc, làm vệ sinh và thiêu hủy thủy sản chết, cứu trợ dài hạn cho đồng bào nạn nhân bị ảnh hưởng về đại họa này, đồng thời mưu tìm phương kế để ổn định việc sinh nhai của họ;

3/ Kêu gọi Nhà Nước CHXHCNVN triệt để tôn trọng tự do và nhân quyền của người dân, đặc biệt là quyền biểu tình đã được hiến định trong Hiến Pháp nước CHXHCNVN qua Điều 69: "*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật;*" lập tức trả tự do cho những nhà hoạt động xã hội, những người tù lương tâm và những người biểu tình đang còn bị giam nhốt;

4/ Thiết tha kêu gọi Tăng Ni và Phật tử Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại, tùy theo khả năng và hoàn cảnh, nhân danh Giáo Hội, nhân danh các tổ chức Phật giáo, hoặc nhân danh tư cách là người con Phật, mạnh dạn cất lên tiếng nói Bi-Trí-Dũng của mình trước các hiểm họa của đất nước, thiết thực đóng góp tài sức, thời gian và vật sản của mình để ủy lạo, cứu giúp đồng bào nạn nhân đang lâm cảnh ngặt nghèo khốn khó vì thảm họa biến độc, cá chết.

*Phật Lịch 2560, ngày 17 tháng 5 năm 2016*  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu

Chánh Văn Phòng  
**Hòa Thượng Thích Bôn Đạt**  
Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Canada

**Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa**  
Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ

**Hòa Thượng Thích Bảo Lạc**  
Hội Chủ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi—Tân Tây Lan

**Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt**  
Đệ nhất Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu

## VỚI BỨC TRANH PHẬT VÀ HOA SEN

*Bức tranh ở bên tôi mỗi ngày  
Mặt Phật  
Với đôi mắt nhắm  
Và những cánh sen nở  
Chiếc cầu đưa tôi tới người là âm thanh của ánh sáng  
Một niềm tin bình minh*

*Tôi đã vẽ theo bao nhiêu, bao nhiêu lần  
nét vẽ khuôn mặt ấy  
những cánh hoa ấy  
Tôi đã niệm không nguôi niệm tĩnh tại ấy  
Mà sao con đường để tới Người  
Vẫn xa diệu vợi  
Và hương thơm của những bông sen  
Vẫn lung linh ngoài tầm tay tôi với...  
Phải chăng, vì âm thanh trong tôi, bóng tôi?*

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

## WITH A BUDDHA PAINTING AND THE LOTUS FLOWERS

Close to me everyday – the painting  
Buddha face  
with eyes closing  
and lotus petals opening  
The bridge takes me to Buddha is the sound of light  
A faith dawning

So many many times  
I have drawn alongside  
the traces of that face  
and those lotus petals  
I have kept mindful of that peacefulness  
Yet still a very long way  
on the path to Him I would complete  
Yet still away from my hand's reach  
the swaying fragrance of lotus flowers...  
Because of a sound inside me, a darkness?

PHAN TÂN HẢI dịch

thơ

# ẢO TƯỢNG

TN. Như Thủy

## CÂY ĐÈN ĐÃ TẮT

Xưa, có một chú bé bị mù cả hai mắt. Mỗi khi đi đâu chú đều phải cầm gậy dò đường. Ngày và đêm chú đều sống trong bóng tối như nhau.

Một hôm chú bé đến thăm bạn. Lúc ra về trời đã tối. Người bạn đốt một chiếc đèn lồng trao cho chú, chú bé cười nói:

- Tối hay sáng đối với tôi đều như nhau, anh trao đèn cho tôi làm gì?

- Đèn để anh không cần đèn nhưng người khác phải nhờ cây đèn này mới không đâm bổ vào anh chứ.

Chú bé mù cầm cây đèn ra về; đi được một quãng chú bị người khác đụng phải, chú bé tức giận quát:

- Bộ đi sao mà không thấy cây đèn của người ta?

Người kia cười to:

- Đèn của anh tắt rồi anh đi đi!

*Em thân mến!*

*Giá trị của cây đèn là do ánh sáng, thiếu ánh sáng thì cây đèn chỉ là một vật vô dụng mà thôi. Một pháp môn hay nhất là chỗ nó giúp hành giả thấu rõ thực tướng của mình và muôn pháp, tiêu sạch phiền não, đem lại an lạc cho mình và người chung quanh.*

*Nếu chúng ta cứ cho rằng mình đã dưng vào hàng ngũ xuất gia, thuộc vào hàng tông môn chính phái, thầy tổ là bậc chân tu lỗi lạc, bạn bè mình là hạng anh tài xuất chúng... chúng ta đã được học những pháp môn tối thượng thừa, cao siêu hi hữu... và chúng ta cho thế là đủ, sạch tặc khen mình chê người, phiền não mỗi ngày một tăng trưởng thì... coi chừng chúng ta sẽ giống cậu bé mù trên đây, cầm một cây đèn lồng thật tốt, thật đẹp... nhưng... tắt queo cho mà coi!*



## NGÀY MAI ĂN KHỎI TRẢ TIỀN

Xưa, có một ông già bán kẹo, để trên thùng xe như thế này: "Ngày mai ăn khỏi trả tiền." Trẻ con xem thấy thích lắm, rủ nhau mua kẹo và định bụng rằng: "Ngày mai mình sẽ ăn kẹo đã thềm. Vì ông bán kẹo đã nói vậy mà."

Nhưng ngày mai, ngày mai... ngày mai rồi ngày mai. Ông bán kẹo vẫn bắt bọn trẻ phải đưa tiền mới trao kẹo cho. Vì ngày mai là một ngày không bao giờ có.

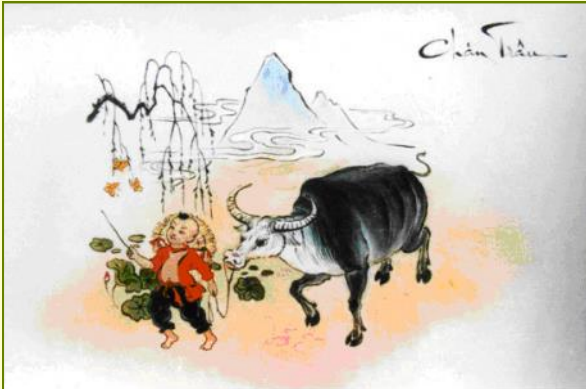
*Em thân mến!*

*"Ngày mai ăn khỏi trả tiền" chỉ là một lời nói gạt trẻ con, vì ngày mai sẽ không bao giờ đến, thật chẳng là chính cái khoảnh khắc ngăn ngại hiện tại này đây.*

*Nếu ta bảo rằng: "Ngày mai ta sẽ học hành đàng hoàng, sẽ giúp đỡ người này kẻ nọ, sẽ bắt đầu tu hành cẩn thận, sẽ thực thi những cái cách vĩ đại v.v... và v.v... thì coi chừng đó có thể là lời hứa hẹn suông để ta được phép duy trì tình trạng bê bối hiện tại... cho khỏi áy náy, cắn rút lương tâm mà thôi.*

*Ngày mai rồi sẽ y hệt như ngày hôm nay. Vậy thì, những gì có thể làm được bây giờ, chúng ta hãy một, hai, ba, bắt tay làm liền chứ đừng hẹn vào ngày mai, là một ngày chỉ có trong ảo tưởng mà thôi.*

# LỤC BÁT CHĂN TRÂU



## 1- Mất trâu

Trâu ta bao thuở đi hoang  
Dọc ngang khắp nẻo, rừng thâm lạc bầy  
Đường về mờ mịt chân mây  
Lối xưa từng đã tro ngày tháng trông

## 2- Tìm trâu, thấy dấu

Non cao núi thẳm nao lòng  
Mòn chân rảo bước dấu dần hiện ra  
Ven rừng suối chảy chim ca  
Nắng chiều rớt hạt mắt sa dặm trường

## 3- Thấy trâu

Ngẩng đầu nhìn ánh chiều buông  
Bỗng nghe tiếng gọi bên sườn non xanh  
Giờ đây trâu đã hiện hình  
Dừng chân thở nhẹ gió lành thoảng hương

## 4- Được trâu

Đến bên đôi nẻo tỏ tường  
Từ đây thôi hết sàu vương kiếm tìm  
Tình thâm nghĩa trọng ghi tim  
Dõi theo lối cũ lặng nhìn quê xưa

## 5- Chăn trâu

Mạ non lúa tốt rau dưa  
Của người hôm sớm nắng mưa nhọc trồng  
Khéo chăn đừng để trâu vương  
Gìn hòm dí mõm dẫn đường canh nom

## 6- Cỡi trâu về nhà

Tay cầm dây mũi, lo dòm  
Cỡi trâu qua khỏi ruộng đồng mênh mông  
Nhẹ nhàng từng bước thung dung  
Trở về tắm gội vui cùng gió trăng

## 7- Quên trâu còn người

Đêm nằm ngủ giấc an lành  
Nhọc nhằn vui hết thân tâm nhẹ nhàng  
Bình minh thức dậy nắng lên  
Mím cười hoa nở, trâu quên, còn người

## 8- Người, trâu đều quên

Có-không, không-có quanh hoài  
Một đời rong ruổi nhạt nhoà cõi tâm  
Bản lai rờ rờ trắng rằm  
Người, trâu quên hết thênh thang đất trời

## 9- Trở về cội nguồn

Cội nguồn rạng chiếu khắp nơi  
Đâu đâu cũng thấy thành thoi vô cùng  
Tha hồ mặc sức thọ dùng  
Niêm hoa vi tiểu hoà chung pháp mầu

## 10- Thông tay vào chợ

Dắt diu lăm kẻ sàu đau  
Tùy duyên hóa độ nêu câu thệ nguyện  
Mà không vương bận ưu phiền  
Thông tay vào chợ, dạo miền chân như!

thơ CHÚC HIỀN







# KHIẾN CHO DANH HIỆU PHẬT VÀ TÂM NIỆM CHÚNG TA HỢP NHẤT

LÂM THANH HUYỀN

*Minh Chi* dịch

Có người miệng thì niệm Phật nhưng hành vi vẫn ác xấu. Niệm Phật như vậy sẽ không có hiệu quả. Mà phải làm cho danh hiệu Phật và tâm niệm chúng ta thống nhất với nhau.

Cũng như thiền định không nhất định phải ngồi thiền mới có kết quả. Mỗi người, trong cuộc sống thường ngày của mình, đều có thể đạt được thiền định. Một người lắng nghe âm nhạc, một người chuyên tâm suy nghĩ, đến mức người ngoài gọi mà không hay, sự chuyên chú ấy cũng giúp họ đạt được định tâm. Người nhập thiền chân chính cũng là như vậy, tức là không bị ngoại cảnh làm xao động.

Nhờ chuyên chú nên đạt tới cảnh giới quên mình, đó là một loại định, nhưng loại định này không được sâu sắc sáng láng như tam muội định, hơn nữa nó là từ ở bên ngoài vào, thí dụ, nhờ vào tiếng nhạc mới có định. Chỉ có định khai thác từ bên trong mới có được kiến địa (chỗ thấy), có kiến địa mới có Bát Nhã.

Chuyên chú là một phương pháp để nhập định. Sự chuyên tâm sâu sắc vào cảnh giới định

có thể giúp làm cho tâm thần được thống nhất. Chúng ta không phải từ bỏ cảm quan như là một cái gì xấu, mà chúng ta phải biết lợi dụng cảm quan của chúng ta. Các pháp môn thiền định đều dựa vào cảm quan mà tu hành. Trong sinh hoạt, giờ phút nào cũng là tu hành. Như vậy, trong một ngày, 24 tiếng đồng hồ, lúc nào cũng giữ được trạng thái giác ngộ rất tốt bất cứ ở đâu và khi nào cũng ở trạng thái tỉnh giác đó thì sẽ có một ngày bỗng nhiên bừng sáng, khai ngộ.

Các vị đại Thiền sư ngày xưa cũng giác ngộ theo kiểu như vậy. Sự giác ngộ của các vị ấy không phải do thiền định, mà là do trong mỗi giờ phút họ đều giữ được tâm trạng tỉnh giác.

Người tu tập phương pháp bốn môn của Mật giáo đều biết tu theo phương pháp bốn môn thì phải quán tưởng, trì chú, bắt ấn, có người mỗi ngày tu hành vài giờ như vậy, cảm thấy rất đủ rồi, kỳ thực vẫn chưa đủ.

*(trích từ "TIN TỨC TỪ BIỂN TÂM")*

# thơ THÍCH VIÊN THÀNH

## HÃY NHÌN LẠI

*Khắp thế giới môi trường đang ô nhiễm  
Riêng Việt Nam cá chết dài dài  
Hết Đồng Nai (Vedan) nay Vũng Áng đại  
tai (Formosa)  
Cá không chết chắc Người phải trả giá?*

*Lo mưu sinh không kể gì nhân quả  
Lợi riêng mình hại chúng chẳng quan tâm  
Vì “tự tư tự lợi” mãi sai lầm  
Phá hết rừng nay nhiễm ô biển cả!*

*Trong lòng đất tài nguyên nhiều khôn tả  
Đã cạn dân khai thác chẳng nương tay  
Sống hôm nay nhưng cái chết từng ngày  
Đang đến với những người đầy tham vọng*

*Do con người đang giết dần sự sống  
Hãy ngừng tay đừng phá hoại môi trường  
Sống “ít muốn” chia sẻ lắm tình thương  
Luôn “biết đủ” để chan hòa hạnh phúc*

*Nước Bhutan mọi người đang tán phục  
Sạch môi sinh giữ xanh mãi rừng già  
Dân hạnh phúc đó mục đích quốc gia  
Ít ô nhiễm nghĩ ngợi trời trong sạch*



*Nước Việt Nam oai hùng đầy kiêu hãnh  
Bốn ngàn năm văn hiến sử vang danh  
Ai cũng mong đất nước mãi trường thành  
Nhưng hạnh phúc phải là điều nghĩ lại!*

*Theo vật chất hay tâm linh cần phải?  
Sống hài hòa thân thiện với thiên nhiên  
Tuy bất khuất nhưng tâm tánh thiện hiền  
Nhờ Phật Giáo cho dân tu tập thiện*

*Lòng từ bi trí tuệ luôn phát triển  
Dân tộc ta chí nguyện rất kiên cường  
Trần Nhân Tông giúp đất nước an khương  
Tống Nguyên Mông ba lần đều chiến thắng*

*Giáo lý Phật dạy con người ngay thẳng  
Dựa vào dân vũ trụ sống hòa cùng  
Đơn giản thôi phụng sự cho của chung  
“Hãy nhìn lại” để sống cho xứng đáng!*

Những ngày tịnh dưỡng, nhưng không khỏi chạnh lòng, khi nghe quê hương, môi trường đang bị ô nhiễm. Cá hôm nay chết là một sự cảnh báo cho mọi kế hoạch phát triển công nghiệp, nếu không để ý đến bảo vệ môi trường, tất cả đều phải trả giá rất đắt, có thể bằng cái chết của đồng bào và sự hủy hoại môi sinh trên bình diện quốc tế. Tội lỗi này rất lớn, quả phải trả cũng rất ư là tội tề và khốc liệt. Rất mong những người có lương tri và trách nhiệm với dân tộc cũng như nhân loại “HÃY NHÌN LẠI,” “bảo vệ thiên nhiên” để cứu sống được muôn loài, trong hiện tại và tương lai.

An Lạc thất, ngày 5/5/2016



# KHỞI NGUYÊN VÀ TRUYỀN BÁ CỦA PHẬT PHÁP

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA & NI TRƯỞNG THUBTEN CHODRON

*Huyền Kim Quang* dịch

(tiếp theo kỳ trước)

## Phật Giáo Tại Trung Hoa

Phật Giáo du nhập vào Trung Hoa trong thế kỷ thứ nhất tây lịch, đầu tiên là qua Con Đường Tơ Lụa từ các lãnh địa vùng Trung Á nơi mà Phật Giáo đã thịnh hành và sau đó bằng đường biển từ Ấn Độ và Tích Lan. Vào thế kỷ thứ 2, một tu viện Phật Giáo Trung Hoa đã có mặt, và việc phiên dịch kinh điển Phật Giáo sang tiếng Trung Hoa đã được thực hiện. Những bản dịch lúc đầu sử dụng thuật ngữ không tương xứng nhau, dẫn tới một số hiểu lầm tư tưởng Phật Giáo, nhưng vào thế kỷ thứ 5, các thuật ngữ phiên dịch trở nên ổn định hơn. Đầu thế kỷ thứ 5 cũng đánh dấu sự phiên dịch các bộ luật nhiều hơn. Qua nhiều thế kỷ, các vị hoàng đế bảo trợ cho các nhóm phiên dịch, vì thế nhiều kinh, luận, và sơ giải Phật Giáo từ Ấn Độ và Trung Á được dịch sang tiếng Trung Hoa.

Phật Giáo Trung Hoa vẫn còn giữ sự đa dạng của các tông phái. Một số quan điểm và hành trì thông dụng cho tất cả mọi tông phái, trong khi những quan điểm và hành trì khác chỉ dành cho các tông phái riêng biệt. Một số tông phái khác nhau dựa trên trên các giáo nghĩa triết học của họ, những tông phái khác dựa trên phương thức hành trì, còn những tông phái khác nữa thì do các kinh văn chính của họ. Theo lịch sử, có 10 tông phái chính phát triển tại Trung Hoa.

1/ Thiền được mang đến Trung Hoa bởi vị thiền sư Ấn Độ là Bồ Đề Đạt Ma [Bodhidharma] vào đầu thế kỷ thứ 6. Ngài là tổ thứ 28 tại Ấn Độ và là sơ tổ thiền tông tại Trung Hoa. Hiện nay, có 2 thiền phái còn tồn tại: Lâm Tế [Linji, J. Rinzai] và Tào Động [Caodong, J. Soto]. Lâm Tế chủ yếu sử dụng công án [koan] -- những câu nói khó hiểu để thách thức hành giả vượt qua giới hạn của tâm thức khái niệm -- và nói đến sự hốt nhiên giác ngộ. Tào Động tập trung nhiều hơn vào việc "chỉ đang ngồi" và từ từ đi xa hơn nữa.

Chư vị thiền sư lúc đầu dựa vào Kinh Lăng Già [Lankavatara Sutra] và Kinh Bát Nhã

[Prajnaparamita Sutra] như Kinh Kim Cang [Vajracchedika Sutra], và một số vị sau đó dựa theo ý tưởng Như Lai Tạng [tathagatagarbha], hay "Phật tính." Kinh Thủ Lăng Nghiêm [Surangama Sutra] là phổ biến trong Thiền Tông Trung Hoa. Ngày nay hầu hết những hành giả Thiền tại Hàn Quốc và một số hành giả Thiền Trung Hoa học Trung Quán -- triết lý Trung Đạo. Thiền Sư Đạo Nguyên [Dogen Zenji] và Thiền Sư Minh Am Vinh Tây [Myoan Eisai] đã góp phần vào việc đem Thiền vào Nhật Bản trong thế kỷ 13.

2/ Tịnh Độ Tông dựa vào 3 bộ Kinh Tịnh Độ -- Tiểu và Đại A Di Đà Kinh hay Vô Lượng Thọ Kinh [Sukhavativyuha Sutra] và Kinh Quán Vô Lượng Thọ [Amitayurdhyana Sutra]. Tông này nhấn mạnh đến việc trì tụng danh hiệu đức Phật A Di Đà và tinh tấn cầu nguyện để được vắng sinh về tịnh độ của Ngài, mà ở đó có đủ tất cả hoàn cảnh cần thiết để thực hành Chánh Pháp và đạt tới giác ngộ viên mãn. Tịnh độ cũng có thể được xem như tự tánh thanh tịnh của chính tâm mình. Chư vị đại sư Trung Hoa như Trí Khải [Zhiyi], Hám Sơn Đức Thanh [Hanshan Deqing], và Ngẫu Ích Trí Húc đã viết các bộ luận về sự tu tập Tịnh Độ, trình bày cách đạt được sự an lạc và giác ngộ bản chất của thực tại trong khi chú tâm vào Phật A Di Đà. Sau thế kỷ thứ 9, sự tu tập Tịnh Độ nhập vào nhiều tông phái khác tại Trung Hoa, và ngày nay nhiều tu viện Trung Hoa tu tập cả Thiền và Tịnh Độ. Ngài Pháp Nhiên đã mang giáo nghĩa Tịnh Độ truyền vào Nhật Bản vào cuối thế kỷ thứ 12.

3/ Thiền Thái Tông được thành lập bởi Huệ Tư [Huisi] (515-76). Đệ tử của ngài là Trí Khải (538-97) thiết lập tiến trình tiệm tu từ dễ tới sâu nhất, với giáo nghĩa tối hậu được chứa đựng trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa [Saddharmapundarika Sutra], Kinh Đại Bát Niết Bàn [Mahaparinirvana Sutra], và Đại Trí Độ Luận [Mahaprajnaparamita-upadesa] của ngài Long Thọ. Tông phái này quân bình giữa tu và học.

4/ Hoa Nghiêm Tông dựa vào Kinh Hoa Nghiêm [Avatamsaka Sutra], được dịch sang



tiếng Trung Hoa vào khoảng năm 420. Đại sư Đồ Thuận [Dushun] (557-640) và đại sư Tông Mật [Zongmi] (781-841) là những vị tổ của Tông Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm Tông nhấn mạnh đến sự tương duyên của tất cả con người và hiện tượng và mối tương nhập với vũ trụ. Cả nhân ảnh hưởng thế giới, và thế giới ảnh hưởng cá nhân. Triết

lý Hoa Nghiêm Tông cũng nhấn mạnh đến Bồ tát hạnh đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh trong thế giới.

5/ Tam Luận Tông hay Trung Quán Tông được thành lập bởi nhà phiên dịch Ấn Độ vĩ đại Cưu Ma La Thập [Kumarajiva] (334-413) và trên nguyên tắc dựa vào Trung Quán Luận Tụng [Mulamadhyamakakarika] và Thập Nhị Môn Luận [Dvadasanikaya Sastra] của ngài Long Thọ [Nagarjuna] và Bách Luận [Satake Sastra] của ngài Đề Bà [Aryadeva - Thánh Thiên]. Đôi khi Đại Trí Độ Luận của ngài Long Thọ được thêm vào bộ luận chính thứ 4 của Tam Luận Tông. Tam Luận Tông dựa vào Kinh Bát Nhã [Prajnaparamita Sutra] và theo sau là Kinh Vô Tận Ý Sở Thuyết [Aksayamatiridesa Sutra] trong việc khẳng định rằng những bộ kinh này tuyên thuyết ý nghĩa tối hậu của giáo pháp Phật Đà.

6/ Du Già Tông [cũng gọi là Duy Thức Tông hay Pháp Tướng Tông] dựa vào Kinh Giải Thâm Mật [Samdhinirmocana Sutra] và Luận Du Già Sư Địa [Yogacaryabhumi Sastra], Luận Thành Duy Thức [Vijnaptimatrāsiddhi Sastra], và các bộ luận khác của Ngài Di Lặc [Maitreya], ngài Vô Trước [Asanga] và Ngài Thế Thân [Vasubandhu]. Ngài Huyền Trang [Xuanzang] (602-64) đã dịch những kinh luận quan trọng này và thành lập tông này sau khi ngài trở về Trung Hoa từ Ấn Độ.

7/ Kim Cang Thừa [Vajrayana] [hay Mật Tông] dựa vào Kinh Đại Nhật Như Lai [Mahāvairocana Sutra], Kinh Kim Cang Đỉnh [Vajrasekhara Sutra], Kinh Lý Thú Bát Nhã [Adhyardhasatika Prajnaparamita Sutra], Kinh Tô Tất Địa [Susiddhikara Sutra], giải thích sự tu tập du già mật tông. Chưa bao giờ được truyền bá rộng rãi tại Trung Hoa, tông này được mang qua Nhật Bản bởi đại sư Không Hải [Kukai] (774-835) và vẫn còn tồn tại ở đó tới nay.

8/ Luật Tông được thành lập bởi ngài Đạo Tuyên (596-667) và trên nguyên tắc dựa vào Luật Đàm Vô Đức [Dharmaguptaka vinaya], được dịch sang tiếng Trung Hoa vào năm 412. Bốn bộ luật khác cũng được dịch sang tiếng

Trung Hoa.

9/ Thành Thật Tông dựa vào Luận Thành Thật [Satyasiddhi Sastra], thuộc loại văn học A Tỳ Đàm nói về tánh không và những đề tài khác. Một số người cho rằng nó nhấn mạnh đến Thanh Văn Thừa, còn những người khác thì nói nó là nhịp cầu giữa Thanh Văn Thừa và Bồ Tát Thừa. Tông phái này hiện không còn.

10/ Câu Xá Tông dựa trên Luận Câu Xá [Abhidharmakosa] được viết bởi ngài Thế Thân [Vasubandhu] và được giới thiệu vào Trung Hoa bởi ngài Huyền Trang. Trong khi tông phái này thịnh hành vào thời kỳ "kỷ nguyên vàng son của Phật Giáo" của triều đại nhà Đường (618-907), hiện nay nó còn rất ít ảnh hưởng.

Một số trong 10 tông phái hiện vẫn còn tồn tại như các tông phái riêng biệt. Giáo nghĩa và sự tu tập của những tông phái đó không được đưa vào trong các tông phái hiện có mặt. Dù Luật Tông không còn như là tông phái riêng biệt hiện nay, sự nghiêm trì giới luật được thực hiện thống nhất trong những tông phái còn lại, và tăng già đang hưng thịnh tại Đài Loan, Hàn Quốc, và Việt Nam. Trong khi không còn là những tông phái riêng biệt, triết lý Câu Xá, Duy Thức, và Trung Quán vẫn được nghiên cứu và tu tập trong các tông phái Trung Hoa bản địa cũng như tại Hàn Quốc, Nhật Bản, và Việt Nam.

Nhiều thay đổi trong xã hội vào đầu thế kỷ hai mươi đã thúc đẩy cải cách và hiện đại hóa Phật Giáo tại Trung Hoa. Sự thoái trào của triều đại Nhà Thanh vào năm 1917 đã chấm dứt sự bảo hộ và ủng hộ của triều đình đối với tăng già, và các cơ chế chính quyền, quân đội, và giáo dục muốn tịch thu tài sản của nhà chùa để dùng cho các mục đích thế tục. Các Phật Tử tự hồi Phật Pháp có thể đóng vai trò gì trong cuộc đổi mới với văn minh hiện đại, khoa học, và các nền văn hóa ngoại quốc.

Sự thay đổi xã hội này đưa tới những phản ứng không đồng nhất. Ngài Thái Hư (1890-1947), có lẽ là vị tu sĩ Phật Giáo Trung Hoa nổi tiếng nhất vào thời đó, đã canh tân lại việc nghiên cứu Trung Quán và Duy Thức và bắt đầu xây dựng những viện giáo dục cho tăng già sử dụng các phương pháp giáo dục hiện đại. Ngài cũng phối hợp sự tối hảo từ kiến thức thế tục và thúc giục hàng ngũ Phật Tử dấn thân nhiều hơn vào xã hội. Du hành sang Âu Châu và Á Châu, ngài đã gặp gỡ tiếp xúc với các Phật Tử của những truyền thống khác và thành lập các chi nhánh của Viện Nghiên Cứu Phật Giáo Thế Giới. Ngài khuyến khích người Trung Hoa tới Tây Tạng, Nhật Bản và Tích Lan để nghiên cứu, và ngài đã thành lập các Phật Học Viện tại Trung Hoa để dạy kinh điển tiếng Tây Tạng, Nhật Bản, và Pali. Ngài Thái Hư cũng hình thành "Phật Giáo Nhân Văn," mà trong đó các hành giả nỗ lực làm thanh tịnh thế giới bằng việc thực hành Bồ tát hạnh ngay bây giờ cũng như thanh tịnh tâm bằng thiền định.

Nhiều tu sĩ Trung Hoa trẻ nghiên cứu Phật Giáo tại Tây Tạng vào thập niên 1920s và

1930s. Pháp Tôn [Fazun] (1902-1980), đệ tử của ngài Thái Hư, một tu sĩ tại Tu Viện Drepung Monastery [Triết Bạng], nơi ông ấy học và sau đó dịch nhiều bộ luận Ấn Độ sang tiếng Trung Hoa và một số tác phẩm của ngài Tông Khách Ba [Tsongkhapa]. Vị tu sĩ Năng Hải [Nenghai] (1886-1967) học tại Tu Viện Drepung và, sau đó trở về Trung Hoa, xây dựng nhiều chùa thực hành theo giáo lý của ngài Tông Khách Ba. Ngài Bích Tòng [Bisong] (Xing Suzhi 1916-) cũng học tại Tu Viện Drepung và vào năm 1945 trở thành tu sĩ Trung Hoa đầu tiên đậu bằng geshe lharampa [tiến sĩ Phật Học cao nhất].

Học Giả Lộc Thành [Lucheng] liệt kê các tác phẩm kinh văn tiếng Tây Tạng và Trung Hoa để dịch sang các thứ tiếng khác để truyền bá tài liệu Phật Giáo đến những hành giả và học giả Trung Hoa và Tây Tạng. Nửa đầu thế kỷ 20, các Phật tử Trung Hoa đã gia tăng sự thích thú đối với Phật Giáo Tây Tạng, đặc biệt với mật tông, và đã mời nhiều vị thầy Tây Tạng đến Trung Hoa để dạy. Những vị thầy này và các đệ tử Trung Hoa của họ đã dịch hầu hết các tài liệu mật tông.

Đệ tử của ngài Thái Hư là ngài Ấn Thuận (1906-2005) là một học giả uyên bác đã nghiên cứu kinh và luận tiếng Pali, Trung Hoa, và Tây Tạng. Là một tác giả viết rất nhiều, ngài Ấn Thuận đặc biệt thích thú với những giải thích của ngài Tông Khách Ba. Nhờ sự minh giải của ngài Ấn Thuận đối với Trung Quán và Kinh Bát Nhã, nhiều Phật tử Trung Hoa có hứng thú mới mẻ trong các giáo nghĩa này. Ngài đã phát triển sơ đồ của các hệ thống triết lý chính tại Phật Giáo Trung Hoa ngày nay: (1) Tâm huyền hoặc là quan điểm Duy Thức. (2) Tâm chân thật là giáo nghĩa như lai tạng, được phổ biến tại Trung Hoa và có ảnh hưởng mạnh đến truyền thống tu tập. (3) Không, giả danh là quan điểm Trung Quán dựa vào Kinh Bát Nhã. Ngài Ấn Thuận cũng khuyến khích Phật Giáo Nhân Văn.

### **Phật Giáo Tại Tây Tạng**

Phật Giáo Tây Tạng được bắt rễ từ trong các đại học Phật Giáo Ấn Độ như Đại Học Nalanda. Vào các thế kỷ đầu kỷ nguyên tây lịch và kéo dài cho tới đầu thế kỷ thứ 13, Đại Học Nalanda và các đại học khác gồm có nhiều vị học giả và hành giả uyên bác nhấn mạnh đến nhiều bộ kinh khác nhau và chấp nhận sự đa dạng của các giáo thuyết Phật Giáo.

Phật Giáo lần đầu tiên đến Tây Tạng vào thế kỷ thứ 7 qua hai vị phu nhân của quốc vương Tây Tạng Songtsen Gampo (605 hay 617-649). Một vị phu nhân là công chúa của Nepal và vị khác là công chúa của Trung Hoa, là người mang các tượng Phật Giáo tới Tây Tạng. Kinh văn Phật Giáo bằng tiếng Phạn và Trung Hoa cũng được đưa tới Tây Tạng chẳng bao lâu sau đó. Từ cuối thế kỷ thứ 8 trở về sau, người Tây Tạng thích các kinh văn đến trực tiếp

từ Ấn Độ, và những kinh văn này đã hình thành số lượng lớn nền văn học Phật Giáo được dịch sang tiếng Tây Tạng.

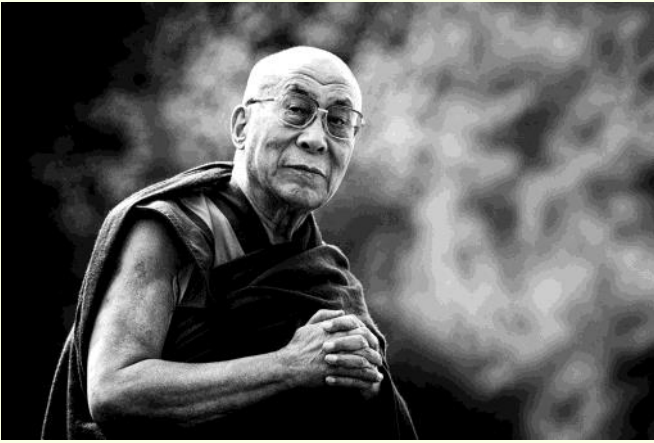
Phật Giáo hưng thịnh tại Tây Tạng trong triều đại Vua Trisong Detsen (khoảng 756 tới 800 tây lịch), là người tinh chur tăng, triết gia về Trung Quán, và nhà luận lý Santaraksita [Tịch Hộ] từ Đại Học Nalanda và nhà du già mật tông Ấn Độ Padmasambhava [Liên Hoa Sinh] đến Tây Tạng. Santaraksita truyền giới cho các tu sĩ Tây Tạng, thiết lập tăng già tại Tây Tạng, trong khi Padmasambhava truyền trao giáo pháp mật tông.

Santaraksita cũng khuyến tấn vua Tây Tạng hỗ trợ trong việc dịch kinh điển Phật Giáo sang tiếng Tây Tạng. Vào đầu thế kỷ thứ 9, nhiều dịch phẩm đã được hoàn tất, và một ủy ban học giả Tây Tạng và Ấn Độ tiêu chuẩn hóa nhiều thuật ngữ và biên soạn từ điển thuật ngữ. Tuy nhiên, Phật Giáo đã bị bức hại trong triều đại Vua Langdarma (838-842), và nhiều học viện đã bị đóng cửa. Kể từ đó kinh văn Phật Pháp đã không còn phổ biến, sự tu tập của người dân trở thành rời rạc, và họ không còn biết cách làm sao để thực hành tất cả giáo lý đa dạng như một thể thống nhất.

Ở thời điểm quan trọng này ngài Atisa [A Đê Sa] (982-1054), một học giả và hành giả từ truyền thống Nalanda, được thỉnh sang Tây Tạng. Ngài dạy một cách lăm bác, và điều chỉnh những quan điểm sai lầm, ngài viết Bồ Đề Đạo Đăng Luận [Bodhipathapradipa], giải thích rằng cả giáo lý hiện mật đều có thể được thực hành bởi một người trong phương thức có hệ thống, không mâu thuẫn nhau. Kết quả, con người hiểu rằng giới luật thiên môn của Luật Tạng, lý tướng bồ tát của Kinh Thừa [Sutrayana], và những tu tập chuyển hóa của Kim Cang Thừa [Vajrayana] có thể được thực hành trong phương cách hỗ tương lẫn nhau. Nhiều tu viện lại được dựng lên, và Phật Pháp hưng thịnh tại Tây Tạng.

Phật Giáo tại Tây Tạng trước Atisa được biết như là Nyingma [Hồng Phái] hay phái "cựu dịch." Dòng mới của giáo pháp du nhập vào Tây Tạng bắt đầu trong thế kỷ thứ 11 trở thành phái "tân dịch" (sarma) và những phái này lần hồi kết tinh để hình thành các truyền thống Kadam, Kagyu, và Sakya. Dòng Kadam cuối cùng được biết như là truyền thống Gelug [Hoàng Phái]. Tất cả 4 truyền thống Phật Giáo Tây Tạng đang hiện hữu ngày nay – Nyingma, Kagyu, Sakya, và Gelug – đều nhấn mạnh Bồ Tát Thừa, hành trì theo hiền và mật giáo, và đều có tư tưởng triết lý Trung Quán. Theo kiểu mẫu của ngài Santaraksita, nhiều tu viện Tây Tạng tham gia nghiên cứu và tranh luận nghiêm ngặt cộng thêm với thiền.

Một số thuật ngữ dùng sai trong quá khứ - thuật ngữ "Lạt Ma Giáo," "Phật sống," và "vua thần" - không may vẫn tiếp tục còn. Nhiều người Tây Phương tiếp xúc với Phật Giáo Tây Tạng trong thế kỷ thứ 19 gọi nó là Lạt Ma Giáo,



thuật ngữ lúc đầu được tạo ra bởi người Trung Hoa, có lẽ bởi vì họ thấy quá nhiều tu sĩ Tây Tạng và tin sai rằng tất cả những tu sĩ đó đều là Lạt Ma (những vị thầy). Hay có thể họ thấy những đệ tử tôn kính thầy của họ và nghĩ sai lầm họ tôn sùng thầy họ. Trong cả hai trường hợp, Phật Giáo Tây Tạng không nên được gọi là Lạt Ma Giáo.

Lạt ma [lama] và những vị thầy tái sinh [tulku] (được xác nhận là tái sinh của vị thầy tâm linh) thì khác nhau trong xã hội Tây Tạng. Tuy nhiên, trong vài trường hợp những danh xưng này chỉ đơn giản là những địa vị xã hội, và việc gọi một số người là thầy tái sinh, hóa thân, hay Lạt Ma dẫn tới sự hư hỏng. Điều làm cho tôi buồn là người ta đặt quá nhiều giá trị lên những danh xưng. Phật Giáo không là giai cấp xã hội. Xét tài năng và đức độ trước khi nhận người nào đó làm thầy hướng dẫn tâm linh mình thì quan trọng hơn nhiều. Các vị thầy phải tu tập tinh tấn và xứng đáng để được kính trọng, dù họ có danh vị hay không.

Một số người tin sai rằng kể từ khi thầy tái sinh được thừa nhận như là tái sinh của những vị đạo sư Phật Giáo vĩ đại lúc trước, họ phải là những vị Phật và vì vậy gọi họ là "Phật sống." Tuy nhiên, không phải tất cả các vị thầy tái sinh đều là Bồ Tát, hãy để chư Phật riêng ra.

"Vua thần" có thể bắt nguồn với báo chí Tây Phương và được gán cho ngôi vị của Đạt Lai Lạt Ma. Kể từ khi người Tây Tạng xem Đạt Lai Lạt Ma như là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm [Avalokitesvara], vị Bồ Tát của lòng từ bi, các ký giả này cho rằng ngài là vị "thần," và kể từ khi ngài là nhà lãnh đạo chính trị của Tây Tạng, ngài được xem như là vị vua. Tuy nhiên, từ khi tôi giữ ngôi vị của Đạt Lai Lạt Ma, tôi thường xuyên nhắc nhở mọi người rằng tôi là một tu sĩ Phật Giáo đơn giản, không còn gì nữa. Đạt Lai Lạt Ma không phải là vị thần, và kể từ khi Chính Phủ Tây Tạng Trung Ương đặt tại Dharamsala, Ấn Độ, hiện được lãnh đạo bởi một vị thủ tướng, thì ngài không phải là vua.

Một số người nghĩ sai ngôi vị của Đạt Lai Lạt Ma giống như một giáo hoàng Phật Giáo. Bốn truyền thống chính của Phật Giáo Tây Tạng và nhiều chi nhánh phụ của họ hoạt động

một cách độc lập nhiều hay ít. Chư vị tu viện trưởng, hóa thân, và những vị thầy tôn quý khác, gặp nhau lẫn nào cũng thảo luận những vấn đề của lợi lạc hỗ tương dưới sự che chở của Bộ Tôn Giáo và Văn Hóa của Chính Phủ Tây Tạng Trung Ương. Đạt Lai Lạt Ma không kiểm soát những quyết định của họ. Tương tự như thể Đạt Lai Lạt Ma không lãnh đạo bất cứ 4 truyền thống nào. Phái Gelug được lãnh đạo bởi Gaden Tripa, ngôi vị xoay vần, và các truyền thống khác có những phương thức chọn các vị lãnh đạo của riêng họ.

### Sự Tương Đồng và Đa Dạng Của Chúng Ta

Đôi khi người ta tin tưởng sai rằng Phật Giáo Tây Tạng, đặc biệt Kim Cang Thừa, là riêng biệt với phần còn lại của Phật Giáo. Khi tôi thăm Thái Lan nhiều năm trước đây, một số người lúc đầu nghĩ rằng người Tây Tạng có tôn giáo khác. Tuy nhiên, khi chúng tôi ngồi lại với nhau và thảo luận về luật, kinh, luận, và các đề tài như ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tứ thiên, tứ không xứ định, tứ thánh đế, và bát thánh đạo, chúng tôi thấy rằng Theravada và Phật Giáo Tây Tạng có nhiều hành trì và giáo lý tương đồng.

Với Phật Giáo Trung Hoa, Hàn Quốc, và nhiều Phật tử Việt Nam, người Tây Tạng chia sẻ truyền thống tu viện, Bồ Tát giới, kinh điển tiếng Phạn, và những tu tập theo Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền, và Phật Dược Sư. Khi Phật Tử Tây Tạng và Nhật Bản gặp nhau, chúng tôi thảo luận về Bồ Tát giới, về các bộ kinh như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Với Chân Ngôn Tông Nhật Bản chúng tôi chia sẻ những hành trì mật chú của Kim Cang Giới mạn đà la [Vajradhatu mandala] và Tỳ Lô Giá Na Viên Mãn Chánh Giác [Vairocana-bhisambodhi].

Trong khi có những khác biệt trong kinh văn chứa đựng trong mỗi tạng, thì có sự chông chéo của tài liệu được thảo luận trong đó. Trong những chương kế tiếp chúng tôi sẽ khảo sát tỉ mỉ sâu xa hơn một số những điều này, nhưng sau đây là vài thí dụ điển hình.

Đức Phật đã dạy từ lâu về những tổn hại của giận dữ và thuốc giải độc đối với nó trong các kinh điển Pali (thí dụ, Samyutta Nikaya [Tương Ứng Bộ Kinh] 11:4-5). Giáo Pháp để vượt qua sân hận trong Bồ Đề Hành [Bodhicaryavatara] của ngài Tịch Thiên cũng lập lại những điều này. Bộ Kinh (Samyutta Nikaya 4:13) kể lại chuyện đức Phật trải nghiệm cơn đau dữ dội vì bàn chân của ngài bị một mảnh đá cắt đứt. Tuy nhiên, ngài không đau khổ, và khi bị kích động bởi quỷ Marena, ngài nói, "Ta trải lòng từ bi cho tất cả chúng sinh." Đây là lòng từ bi phát sinh khi nhập thiền và xả thiền (Tây Tạng gọi là tonglen) được dạy trong truyền thống Sanskrit [Bắc truyền], nơi mà hành giả quán tưởng nhận lấy khổ đau của những người khác vào mình và rồi trao cho

người khác hạnh phúc của chính mình.

Thêm nữa, mục đích lợi tha của bồ đề tâm rất nổi bật trong truyền thống Sanskrit là sự mở rộng của bốn vô lượng tâm [brahmaviharas], được dạy trong kinh điển Pali. Các truyền thống Pali và Sanskrit chia xé nhiều ba la mật [parami, paramita] tương tự. Các phẩm đức của một đức Phật, như thập lực, tứ vô úy, và thập bát bất cộng pháp của một đấng giác ngộ được mô tả trong các kinh điển của cả hai truyền thống. Cả hai truyền thống đề nói đến vô thường, khổ, vô ngã, và không. Truyền Thống Sanskrit tự thấy chứa đựng giáo lý của truyền thống Pali và xây dựng trên một số điểm chính -- chẳng hạn, việc giải thích diệt đế theo Kinh Bát Nhã và đạo đế theo Kinh Như Lai Tạng và một số mật giáo.

Các thuật ngữ Phật Giáo Thái, Phật Giáo Tích Lan, Phật Giáo Trung Hoa, Phật Giáo Tây Tạng, Phật Giáo Hàn Quốc, vàng vâng, là những ước lệ xã hội. Trong mỗi trường hợp, Phật Giáo trong một quốc gia không phải là một nguyên khối và chứa đựng nhiều truyền thống hành trì và hệ thống giáo lý Phật Giáo. Trong số này, có những nhóm phụ gồm nhiều tu viện hay vị thầy với những liên kết khác nhau. Một số truyền thống phụ nhấn mạnh đến việc nghiên cứu, trong khi những truyền thống khác nhấn mạnh đến thiền định. Một số nhấn mạnh sự tu tập định (samatha), một số khác chú trọng tu tập tuệ (vipassana, vipasyana), và những truyền thống khác thì chủ trương tu tập cả hai.

Trong khi một quốc gia có thể có nhiều truyền thống trong đó, thì một truyền thống cũng có thể được hành trì tại nhiều quốc gia. Theravada được hành trì tại Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cam Bốt, và cũng được thấy tại Việt Nam. Ngay trong các quốc gia theo truyền thống Theravada, một số theo Phật Giáo thời sơ kỳ -- duy chỉ kinh điển - không dựa vào những luận giải quá nhiều, trong khi những số khác theo các giải thích trong truyền thống luận tạng. Ngay cả y áo trong một quốc gia hay trong một truyền thống cũng khác nhau.

Tương tự, Thiền được hành trì tại Trung Hoa, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, và Việt Nam. Trong khi các hành giả Thiền tại những quốc gia này dựa vào những kinh giống nhau, giáo lý và kiểu thiền lại khác nhau.

Tại các nước Tây Phương, Phật Giáo từ nhiều truyền thống và quốc độ khác nhau đang có mặt. Một số nhóm gồm những di dân A Châu đầu tiên, và chùa chiền của họ đều là những trung tâm tôn giáo và cộng đồng nơi mà người dân có thể nói tiếng mẹ đẻ, ăn thực phẩm giống nhau, và dạy con em của họ văn hóa của quê hương họ. Những nhóm khác tại Tây Phương được bao gồm hầu hết là những người cải đạo Tây Phương. Một ít thì pha trộn.

Là những Phật Tử, hãy giữ những khác biệt này trong tâm và đừng nghĩ rằng mọi thứ



## THINH LẶNG

*nhìn quanh lá trúc mùa đông  
đập bầm rêu rã cơn giông gấm gừ  
ngheh lời sỏi đá tàn dư  
sao đêm soãi cánh bay từ cuộc chơi.  
nghiên xưa phác thảo mây trời  
sắc màu đôi dạng lặn trôi vô tình  
chẳng cùng ta kịp ru quên  
thời khắc nào biệt bên miền tiêu dao  
đóa hương tình lự vườn đào  
em/tôi mở cánh cửa vào yên nguyên.*

thơ

LÊ PHƯƠNG CHÂU

(Sài Gòn tháng 4/2016)

mà chúng ta nghe hay học hỏi về truyền thống khác áp dụng cho mọi người trong truyền thống đó. Tương tự không phải mọi thứ chúng ta nghe về phương cách Phật Giáo được hành trì tại một quốc gia đặc biệt áp dụng cho tất cả các truyền thống hay chùa chiền trong đất nước đó.

Thực tế chúng ta là một đại gia đình Phật Giáo đa dạng đi theo cùng một bậc Thầy trí tuệ và từ bi là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi tin rằng sự đa dạng của chúng ta là một trong những sức mạnh của chúng ta. Nó cho phép Phật Giáo truyền bá trên khắp thế giới và làm lợi lạc cho hàng tỉ người trên hành tinh này.

*(Trích dịch Chương Thứ Nhất của Tác Phẩm  
"Buddhism - One Teacher, Many Traditions  
[Phật Giáo - Một Vị Thầy, Nhiều Truyền Thống]  
- Wisdom Publications, USA, 2014, pages 1-15)*

# *thơ* TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

## **Huyền ảo**

*Chim huyền vút cánh qua đêm  
Vô thanh, không hát, nổi niềm rải rơi  
Ánh trăng ảo mộng treo trời  
Mối tình cảm lặng bóng soi trở mình.*

## **Bên bờ**

*Trên bờ hoang vắng sông trôi  
Gửi theo những nỗi ngâm ngùi đi xa  
Mai sau nỗi nhớ về nhà  
Bên bồi bên lở cùng hòa nhịp vui.*

## **Nghe Beethoven**

*Đồng quê, Định mệnh. Thánh ca.  
Trâu xưa nghe khúc nhạc hòa bên tai  
Vĩ cầm ngày hội thiên thai  
Dương cầm tàn tích âm giai vọng về.*

## **Kiều hãnh**

*Còn lại khoảng cách mong manh  
Mà như xa thăm trời xanh chim trời  
Trui trong lửa đỏ tình người  
Ngày mai kiêu hãnh với đời cô đơn.*

## **Bất chợt**

*Một ngày chờ đợi thiên thu  
Bình minh ló dạng, sương mù tan bay  
Trùng khơi nhớ đất vui vầy  
Bạc đầu bất chợt đen dày hồi sinh.*

## **Chuông nguyện hồn ai**

*Dấn thân bầu bạn chiến trường,  
Lao đao khói lửa vẩn vương mối tình  
Nhịp cầu đổ gãy mong manh  
Hồi chuông cầu nguyện một mình đôi cao.*

## **Sông bảy màu**

*Xanh bèo dạt, đỏ phù sa  
Đen bùn, vàng cát giăng hà vãn trôi  
Tìm biêng biếc tận cuối trời  
Trắng phau nỗi nhớ, còn tôi bạc tình.*

## **Tiếng đàn ca**

*Ngón đau vượt nhấn phím đàn  
Nổi lòng da diết trở âm gửi người  
Đêm dài tình khúc chơi vơi  
Sớm mai thảng giáng tiếng lời hoan ca!*

## **Pháp nạn**

*Quê hương chia cắt hận thù  
Nâu sông thanh tịnh cửa chùa bất an  
Khóc cho huynh đệ tương tàn  
Cà sa nhuộm máu sắc vàng bi thương!*

## **Tôi dành cho tôi**

*Đi trong giông tố sấm rền  
Cuối đường chấp choạng tắt đèn vô minh  
Duyên tàn phước mỏng mong manh  
Cũng từ nghiệp báo tôi dành cho tôi!*





## KINH ĐẮC QUẢ KHI TỪ TRẦN, VÀ KINH TÁI SINH NHƯ LỬA THEO GIÓ

*Nguyên Giác*



Lời Đức Phật dạy rất mực thâm sâu. Kinh nào cũng cần nghiền ngẫm, cần tu học với từng lời dạy một.

Trong đó có nhiều kinh liên hệ tới sự chết. Nơi đây, bài viết này sẽ dịch hai kinh: Ud 7.10 và SN 44.9. Cả hai kinh đều dẫn tới nhiều suy nghĩ cho người học Phật.

Kinh Ud 7.10 kể chuyện 500 phụ nữ trong nội cung vua Udena bị chết cháy. Chư tăng hỏi Đức Phật rằng, 500 nữ cư sĩ đó sanh về đâu. Đức Phật nói rằng, tất cả 500 nữ cư sĩ đó đều đắc quả thánh khi lia đời trong trận hỏa hoạn, có bà đắc quả thánh Nhập Lưu (Tu Đà Hoàn), có bà đắc quả Nhất Lai (Tứ Đà Hàm), có bà đắc quả Bất Lai (A Na Hàm).

Điều để suy nghĩ rằng, không vị nữ cư sĩ nào trong 500 phụ nữ chết cháy thất bại trên đường tu. Trong hậu cung, nghĩa là nơi của các vị quý phi, hầu thiếp, nữ tỳ, hay nấu bếp, vân vân. Nơi đó là của nhan sắc, của đàn hát, của sơn phấn, và (cho dù là nữ Phật tử có tu học) hẳn là phải đua sắc, tranh tài với nhau.

Trong hoàn cảnh như thế, đắc quả thánh, phải nói rằng Phật pháp vi diệu. Như thế, trong cõi đời của chúng ta, các nhạc sĩ, ca sĩ, người mẫu, diễn viên... cũng có thể tự tin rằng, khi tinh tấn tu học, tất nhiên cũng sẽ đắc quả thánh. Tuy là khó so với những vị có hoàn cảnh thuận lợi tu học ở các trú xứ tịch lặng, nhưng Kinh Ud 7.10 cho thấy một điển hình, ngay nơi náo động của sắc thanh, người tu vẫn đắc quả

thánh được.

Suy nghĩ thêm: nhóm 500 phụ nữ nơi hậu cung chết cháy, tất nhiên phải đau đớn, có thể hiểu là chạy tán loạn... Trong cảnh như thế, vẫn giữ được tâm chấp trì pháp Phật hẳn là tinh tấn khác thường. Nếu người đời nay giữ được kiên tâm tu học nơi Phật pháp, chuyện đắc quả như người xưa tất cũng có thể thành tựu.

Điểm suy nghĩ nữa: nhóm 500 phụ nữ này khi sinh thời hình như chưa từng đắc quả thánh nào, và khi lia đời là tất cả đều đắc quả thánh, tuy thứ bậc ba thánh quả có khác, nhưng cũng cho thấy, nói theo như người xưa rằng Phật pháp oai lực vô biên vậy.

Trong khi đó, Kinh SN 44.9 kể lời Đức Phật giải thích rằng đối với những người phải tái sanh, khi bỏ thân này để thọ thân sau, là vì có tham ái, cũng y hệt như ngọn lửa chuyển từ nơi này sang nơi kia là vì gió. Nên nhắc rằng, trong một số kinh khác, Đức Phật từng nói rằng khi lia tham ái, sẽ đắc quả Bất Lai.

Điểm suy nghĩ nơi Kinh SN 44.9 là đối với câu hỏi, "khi thân này chết đi và khi chưa thọ thân sau, nhiên liệu nào nuôi dưỡng..." Đức Phật trả lời là do tham ái.

Vấn đề có thể nêu lên: "khi thân này chết đi và khi chưa thọ thân sau" có phải là "thân trung hữu" hay có nơi còn gọi là "thân trung ấm"... Hay gọi đơn giản theo nhân gian phổ biến là "hương linh"?

Thực ra, ngôn ngữ sử dụng chữ "thân"

trong “thân trung hữu” hay “thân trung ấ” là chưa chính xác, vì “hương linh” trong giai đoạn đó (theo Phật Giáo Tây Tạng và Bắc Tông) là chưa có “thần”... Trong khi đó, Nam Tông bác bỏ thân trung ấ, vì cho là sẽ tức khắc thọ thân sau.

Như thế, nhìn lại Kinh Ud 7.10, trong 500 nữ cư sĩ đắc quả thánh khi chết trong trận hỏa hoạn, có nữ cư sĩ nào đắc quả khi ở trong thân trung ấ? Chúng ta không có câu trả lời, vì Kinh này không nêu chuyện này.

\*\*\*

Sau đây là bản dịch Kinh Ud 7.10, dựa theo bản Anh dịch của Thanissaro Bhikkhu, có tham khảo bản của Bhikkhu Bodi.

#### **Udena Sutta: About King Udena**

**I have heard that on one occasion the Blessed One was staying near Kosambī at Ghosita's monastery. And on that occasion the inner quarters of King Udena's royal park had burned down, and 500 women, headed by Sāmāvatī, had died.**

**Then in the early morning, a large number of monks adjusted their under robes and — carrying their bowls & robes — went into Kosambī for alms. Having gone for alms in Kosambī, after the meal, returning from their alms round, they went to the Blessed One and, on arrival, having bowed down to him, sat to one side. As they were sitting there, they said to the Blessed One, "Lord, the inner quarters of King Udena's royal park have burned down, and 500 women, headed by Sāmāvatī, have died. What is the destination of those female lay followers? What is their future course?"**

Kinh Udena: Về Quốc Vương Udena

Tôi từng nghe rằng, có một lần Đức Thế Tôn đang ở gần Kosambī, nơi tu viện của Ghosita. Lúc đó, nội cung hoàng cung của Quốc Vương Udena bị cháy rụi, và 500 phụ nữ, dẫn đầu bởi Sāmāvatī, đã chết.

Rồi, vào buổi sáng sớm, nhiều vị sư điều chỉnh y áo — mang bát vào Kosambī khất thực. Khất thực xong ở Kosambī, sau bữa ăn, trở về từ buổi khất thực, các sư tới gặp Đức Thế Tôn, đảnh lễ và ngồi sang một bên. Khi chư tăng ngồi đó, mới bạch với Đức Thế Tôn, “Bạch Thế Tôn, nội cung hoàng cung của Quốc Vương Udena đã bị cháy rụi, và 500 phụ nữ, lãnh đạo bởi Hoàng hậu Sāmāvatī, đã chết. Nơi đến của các nữ cư sĩ đó là ở đâu? Tương lai của họ ra sao?”

**"Monks, among those female lay followers are stream-winners, once-returners, & non-returners. All of those female lay followers, monks, died not with-**

**out [noble] fruit."**

**Then, on realizing the significance of that, the Blessed One on that occasion exclaimed:**

**Bound round with delusion, the world only appears to be competent.**

**Bound with acquisitions, foolish, surrounded by darkness, it seems eternal, but for one who sees, there is nothing. (1)**

“Các tỳ kheo, trong các nữ cư sĩ đó là các vị Nhập Lưu, các vị Nhất Lai, và các vị Bất Lai. Tất cả các nữ cư sĩ chết mà vẫn có kết quả tốt.”

Và để nhấn mạnh ý nghĩa đó, Đức Phật dịp này thốt lên:

Bị si trói buộc, thế gian chỉ trông như là vững vàng xinh đẹp

Bị tham trói buộc, kẻ ngu bị vây bởi bóng tối.

Nó như đường vĩnh cửu, nhưng với kẻ đã thấy, tất cả chỉ là không. (Hết bản Việt dịch Ud 7.10)

\*\*\*

Tiếp theo, sau đây là bản dịch Kinh SN 44.9, dựa theo bản Anh dịch của Thanissaro Bhikkhu, có tham khảo bản của Bhikkhu Bodhi.

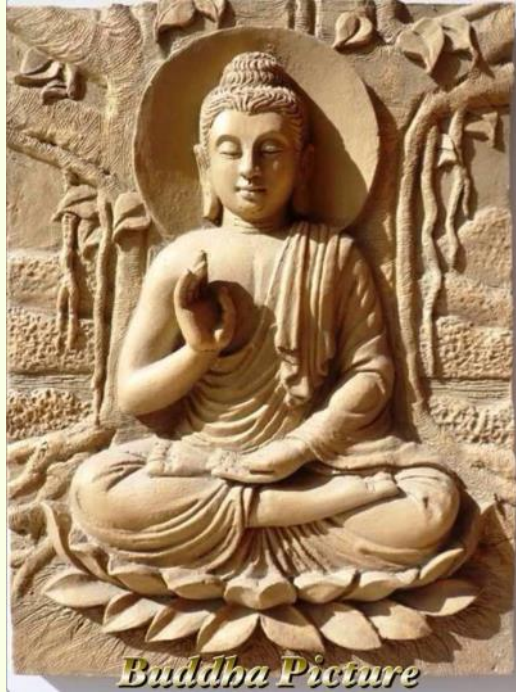
#### **Kutuhalasala Sutta: With Vacchagotta**

**Then Vacchagotta the wanderer went to the Blessed One and, on arrival, exchanged courteous greetings with him. After an exchange of friendly greetings & courtesies, he sat to one side. As he was sitting there, he said to the Blessed One, "Master Gotama, a few days ago a large number of contemplatives, brahmans, and wanderers of various sects were sitting together in the Debating Hall when this conversation arose among them: 'This Purana Kassapa — the leader of a community, the leader of a group, the teacher of a group, honored and famous, esteemed as holy by the mass of people — describes a disciple who has died and passed on in terms of places of rebirth: "That one is reborn there; that one is reborn there." Even when the disciple is an ultimate person, a foremost person, attained to the foremost attainment, Purana Kassapa describes him, when he has died and passed on, in terms of places of rebirth: "That one is reborn there; that one is reborn there."**

Kinh Kutuhalasala: Với Vacchagotta

Lúc đó, du sĩ Vacchagotta tới gặp Đức Thế Tôn, nói lời chào mừng lễ độ, và ngồi sang một bên. Khi ngồi xong, du sĩ bạch Đức Thế Tôn, “Kính bạch Thầy Gotama, mới vài ngày trước, nhiều thiên gia, bà la môn, và du sĩ từ nhiều phái ngồi với nhau trong Hội Trường Tranh

Luận, lúc đó cuộc nói chuyện này khởi lên với họ: "Vị Purana Kassapa này – lãnh đạo của một cộng đồng, lãnh đạo của một nhóm, thầy của một nhóm, được tôn vinh và nổi tiếng, được đám đông dân chúng ngưỡng mộ như bậc thánh – kể về một môn đồ, người này mới chết chuyển sang thọ thân sau: "Người đó tái sinh nơi kia, người đó tái sinh nơi kia." Ngay cả khi môn đồ đó là một người tuyệt hảo, một người hàng đầu, thành tựu được thành tựu hàng đầu, Purana Kassapa kể rằng khi người đó từ trần đã tái sinh qua thân sau: "Người đó tái sinh nơi kia, người đó tái sinh nơi kia."



has died and passed on in terms of places of rebirth: "That one is reborn there; that one is reborn there." But when the disciple is an ultimate person, a foremost person, attained to the foremost attainment, Gotama the contemplative does not describe him, when he has died and passed on, in terms of places of rebirth: "That one is reborn there; that one is reborn there." Instead, he describes him thus: "He has cut through craving, severed the fetter, and by rightly breaking through conceit has made an end of suffering & stress."

**"This Makkhali Gosala... This Nigantha Nataputta... This Sañjaya Velatthaputta... This Pakudha Kaccana... This Ajita Kesakambala – the leader of a community, the leader of a group, the teacher of a group, honored and famous, esteemed as holy by the mass of people – describes a disciple who has died and passed on in terms of places of rebirth: "That one is reborn there; that one is reborn there." Even when the disciple is an ultimate person, a foremost person, attained to the foremost attainment, Ajita Kesakambala describes him, when he has died and passed on, in terms of places of rebirth: "That one is reborn there; that one is reborn there."**

"Vị Makkhali Gosala này... Vị Nigantha Nataputta này... Vị Sañjaya Velatthaputta này... Vị Pakudha Kaccana này... Vị Ajita Kesakambala này -- lãnh đạo của một cộng đồng, lãnh đạo của một nhóm, thầy của một nhóm, được tôn vinh và nổi tiếng, được đám đông dân chúng ngưỡng mộ như bậc thánh – kể về một môn đồ, người này mới chết chuyển sang thọ thân sau: "Người đó tái sinh nơi kia, người đó tái sinh nơi kia." Ngay cả khi môn đồ đó là một người tuyệt hảo, một người hàng đầu, thành tựu được thành tựu hàng đầu, Ajita Kesakambala kể rằng khi người đó từ trần đã tái sinh qua thân sau: "Người đó tái sinh nơi kia, người đó tái sinh nơi kia."

**"This contemplative Gotama – the leader of a community, the leader of a group, the teacher of a group, honored and famous, esteemed as holy by the mass of people – describes a disciple who**

"Vị thiền gia Gotama – lãnh đạo của một cộng đồng, lãnh đạo của một nhóm, thầy của một nhóm, được tôn vinh và nổi tiếng, được đám đông dân chúng ngưỡng mộ như bậc thánh – kể về một môn đồ, người này mới chết chuyển sang thọ thân sau: "Người đó tái sinh nơi kia, người đó tái sinh nơi kia." Nhưng khi môn đồ đó là một người tuyệt hảo, một người hàng đầu, thành tựu được thành tựu hàng đầu, thiền gia Gotama không kể về môn đồ đó, khi môn đồ đó chết và rời thân, theo nơi tái sinh: "Người đó tái sinh nơi kia, người đó tái sinh nơi kia." Thay vào đó, thiền gia Gotama mô tả về môn đồ kia thế này: "Vị đó đã cắt đứt tham ái, đã cắt đứt phiền não, và hoàn toàn phá vỡ ngã chấp nên đã đoạn tận khổ đau và phiền muộn."

**"So I was simply befuddled. I was uncertain: How is the teaching of Gotama the contemplative to be understood?"**

**"Of course you are befuddled, Vaccha. Of course you are uncertain. When there is a reason for befuddlement in you, uncertainty arises. I designate the rebirth of one who has sustenance, Vaccha, and not of one without sustenance. Just as a fire burns with sustenance and not without sustenance, even so I designate the rebirth of one who has sustenance and not of one without sustenance."**

"Do vậy, con chưa thấy sáng tỏ. Con có ngờ vực: Làm sao có thể hiểu được lời dạy của Thầy Gotama?"

"Di nhiên là người chưa rõ, Vaccha. Dĩ nhiên là người ngờ vực. Khi có một lý do để chưa sáng tỏ trong người, ngờ vực sẽ khởi dậy."

Vaccha, ta nói rằng có sự tái sinh của một người còn có nhiên liệu nuôi dưỡng, và nói không có tái sinh của một người đã không còn nhiên liệu. Cũng hết như lửa cháy với nhiên liệu, và không cháy khi hết nhiên liệu, ngay cả như thế, ta nói rằng có tái sinh của người còn nhiên liệu, và không có tái sinh của người không còn nhiên liệu.

**"But, Master Gotama, at the moment a flame is being swept on by the wind and goes a far distance, what do you designate as its sustenance then?"**

**"Vaccha, when a flame is being swept on by the wind and goes a far distance, I designate it as wind-sustained, for the wind is its sustenance at that time."**

"Nhưng , bạch Thầy Gotama, vào khoảnh khắc ngọn lửa bị gió thổi bạt đi và bay một khoảng cách xa, thầy nói gì về nhiên liệu khi đó?"

"Vaccha, khi một ngọn lửa bị gió thổi bạt đi một khoảng cách xa, ta nói rằng gió nuôi dưỡng [ngọn lửa], vì gió là nhiên liệu lúc đó."

**"And at the moment when a being sets this body aside and is not yet reborn in another body, what do you designate as its sustenance then?"**

**"Vaccha, when a being sets this body aside and is not yet reborn in another body, I designate it as craving-sustained, for craving is its sustenance at that time." (2)**

"Và ở khoảnh khắc, khi một chúng sinh lià thân này, và chưa tái sinh ở thân khác, thầy nói gì về nhiên liệu nuôi dưỡng lúc đó?"

"Vaccha, khi một chúng sinh lià thân này, và chưa tái sinh ở thân khác, ta nói rằng chính tham ái nuôi dưỡng, vì tham ái là nhiên liệu lúc đó cho nó." (Hết bản Việt dịch SN 44.9)

\*\*\*

Có nghĩa là tham ái là nhiên liệu cho giữa hai thân? Có nghĩa là, có thân trung hữu? Theo ý của đoạn văn đáp cuối vừa nêu là như thế.

Trong khi đó, bản dịch của Bhikkhu Bodhi viết:

"When, Vaccha, a being has laid down this body but has not yet been reborn in another body, I declare that it is fuelled by craving. For on that occasion craving is its fuel." (Dịch: Vaccha, khi một chúng sinh đã chết nhưng chưa tái sinh trong thân khác, ta tuyên bố rằng nó được nuôi dưỡng bởi tham ái. Trường hợp đó, tham ái là nhiên liệu.)

Có phải là có một thân trung hữu (thân trung ấm) giữa hai thân, khi một chúng sinh chết đi ở thân này và chưa tái sinh ở thân sau?

Đức Phật đã nói như thế. Nhưng bao lâu?



## BẾN XUÂN CHỜ

*Năm nay tuổi đã sáu lăm rồi  
Muôn dặm đường trần, mấy ngược xuôi  
Sóng bụi thời gian vương ý sóng  
Trái lòng năm tháng lấy niềm vui.  
Mượn câu nhân thế - xem nhân thế  
Thấy việc người đời - ngắm sự đời.  
Vinh nhục trao tay bờ mộng-thực  
Nước mây, chừ cũng một dòng trôi!*

*Dòng trôi, như đã tự bao giờ...  
Những nợ tầm, nên phải trả tở!  
Nếu ánh trăng khuya tràn lối mộng  
Thì trời mây tạnh bạt sương bờ.  
Nghe trong vị muối lừng hương biển  
Thấy cả tâm tình lạc suối thơ.  
Cuộc lữ, chen thơm lời cát bụi  
Bước sen về lại bến xuân chờ.*

New Orleans, tháng 2. 2016

*thơ* MẠC PHƯƠNG TỬ

Có phải thời lượng rất ngắn? Hay có phải 7 ngày, hay 49 ngày? Kinh này không nêu lên các vấn đề đó.

### GHI CHÚ:

(1) Kinh Ud 7.10. Bản của Thanissaro Bhikkhu. Xem: <http://www.accesstoinight.org/tipitaka/kn/ud/ud.7.10.than.html>

Bản của Bhikkhu Bodhi: <https://suttacentral.net/en/ud7.10>

(2) Kinh SN 44.9. Bản của Thanissaro Bhikkhu. Xem: <http://www.accesstoinight.org/tipitaka/sn/sn44/sn44.009.than.html>

Bản của Bhikkhu Bodhi: <https://suttacentral.net/en/sn44.9>

# TÌM MỘT NIỀM TIN

*Ngọc Bảo*

Trong một viện dưỡng lão ở một tiểu bang hẻo lánh bên Mỹ, một ông già Việt Nam đang trải qua những ngày cuối cùng trong cuộc đời. Mấy ai biết được ông già nhỏ bé, tiêu tụy ấy khi xưa đã từng một thời oanh liệt, đã có những giây phút vinh quang nhất, mà cũng khốn khổ nhất trong cuộc đời. Tất cả giờ đây chỉ còn là giấc mộng, đến rồi đi, có đó rồi mất đó, như ảo ảnh, như sương khói. Thực tế hiện tại chỉ là sự tàn hoại, rã rời của một thân thể đang cạn kiệt nguồn sinh lực. Tiền tài, danh vọng chẳng còn ý nghĩa gì, điều ông cần hiện tại chỉ là tình thương, và trên hết, là một niềm tin để nương tựa. Trong trí ông chợt gợi lên hình ảnh mơ hồ của những ngày còn bé theo mẹ đi chùa. Tiếng chuông chùa âm vang hòa với tiếng tụng kinh trầm bổng đem lại một cảm giác an bình, ấm áp. Ông nhận thấy từ trước đến nay, cả đời ông chưa bao giờ biết đến tôn giáo là gì, chưa bao giờ có một niềm tin trong tâm, và trở trêu thay, đó lại là điều dường như ông đang cần nhất trong hiện tại. Nhận thức đó dần dà trở thành một nỗi ám ảnh, cho đến một lúc ông đã tỏ lộ với ban quản trị viện dưỡng lão điều mong ước cuối cùng, là làm sao có một vị sư Phật giáo đến thuyết pháp và cầu nguyện cho ông. Điều đó có vẻ như không tưởng, vì ở một nơi xa xôi với cộng đồng người Việt như thế này, làm sao thỉnh một vị sư Phật giáo đến viện dưỡng lão được? Thế nhưng ước nguyện của ông dường như đã được cảm ứng, nên tình cờ có một vị Phật tử Việt Nam đang công tác ở địa phương nghe chuyện đến thăm hỏi, đem bằng niệm Phật đến tặng, và cùng ông đọc tụng kinh A Di Đà bên giường bệnh. Hạt giống Phật bị che lấp lâu ngày được khai mở muện màng, nhưng cũng đủ làm cho ông có những giây phút an bình cuối cùng, và ra đi trong sự nhẹ nhàng, thanh thản.

Câu chuyện trên nhắc nhở một điều rằng, trong suốt một cuộc đời từ khi sinh ra cho đến lúc già, rất ít người trong chúng ta có được một niềm tin tâm linh, và khi nhận ra được sự thiết yếu của điều đó thì thường là đã quá muộn. Chúng ta bận rộn với những trò chơi thế gian, những cạnh tranh, chiến đấu cho tình tiền danh vọng, bị cuốn hút trong sự mê hoặc của trần cảnh. Ta quá kiêu mạn với kiến thức và lý luận mà không biết đến sự cần thiết của niềm tin trong tâm, vì thấy điều đó dường như là huyền hoặc và xa vời với thực tế. Ngay cả có

những người lui tới những nơi chốn tôn giáo, chùa chiền, nhưng cũng chẳng có niềm tin, chỉ nhằm cầu phước, cầu lợi hơn là tìm hiểu đạo pháp để có được sự an lạc thực sự. Cứ thế ta sống trôi nổi theo dòng đời, như con thuyền vật vờ theo dòng nước, mà không biết rằng con thuyền đó vốn đã có tay lái để ta có thể chèo chống qua những khúc quanh, những cơn sóng gió chập chùng. Rồi bỗng nhiên một ngày nào đó mọi sự đều trở nên huyền ảo như giấc mộng, những người thân, bạn bè và những gì tha thiết với ta đều xa dần, và trước mắt chỉ là một tương lai đen tối của tuổi già, bệnh hoạn và cái chết. Làm sao ta vượt qua được những nỗi cô đơn và lo sợ, nếu không có một niềm tin trong tâm để nương tựa vào?

Thực ra, trong vũ trụ bao la này, thân phận con người rất bé nhỏ và mong manh, nên từ thuở hoang sơ nhân loại đã cần đến một niềm tin, như một bản năng để tồn tại, khởi đầu từ sự trấn áp những nỗi sợ hãi với thiên nhiên, với môi trường sống. Niềm tin vào sự gia hộ của một đấng tối cao nào đó, hay nơi những thần thánh có năng lực nhiệm mầu. Các tôn giáo ra đời phần nhiều dựa trên những huyền thoại do con người đặt ra để đáp ứng nhu cầu này.

Những nghiên cứu về niềm tin cho thấy người có tín tâm thường được những lợi ích như sau:

- Về thể chất, người hay thực hành tu tập, cầu nguyện thường có sức khỏe tốt hơn người không có niềm tin. Họ ít bị những bệnh tim, gan, huyết áp cao, và bình phục nhanh chóng hơn nếu phải bị giải phẫu hay chữa trị ung thư. Những người có niềm tin bị bệnh kinh niên thường có tỷ lệ tử vong ít hơn và mức đau đớn thấp hơn người thường. Năng lực của sự cầu nguyện có thể làm giảm cơn đau và tăng sức mạnh để đối phó với tình trạng bệnh tật.

- Về tinh thần, người có niềm tin thường suy nghĩ tích cực, có sức mạnh nội tại, sự vững chãi để đối phó với những tình huống khó khăn như bệnh nan y, hay những thay đổi vô thường trong đời sống. Họ ít bị các chứng tâm bệnh như trầm cảm, lo âu, tự tử v.v..

Niềm tin đem lại hi vọng, cho ta mục đích cứu cánh trong đời sống, do đó cũng đem lại sự an vui, hạnh phúc. Người có niềm tin thường có lòng hào tâm và tử bi với người khác, tham gia nhiều hoạt động xã hội, và không dễ bị quyến rũ bởi những thói hư tật xấu.

Tuy nhiên, niềm tin cũng có thể làm cho người ta trở thành thiển cận, cực đoan, cố chấp vào niềm tin của mình và bác bỏ niềm tin của người khác. Đó là niềm tin đặt trên giáo điều một cách mù quáng. Lịch sử nhân loại đã có bao nhiêu cuộc chiến tranh tôn giáo, bao nhiêu cuộc xung đột đẫm máu mà cho tới nay còn chưa chấm dứt, gây ra những thảm họa ngập tràn cho con người.

Có những tôn giáo đặt trọng tâm nơi thần quyền, đưa con người vào vị trí thụ động, ở

trong quyền năng xếp đặt của một đấng tối cao nào đó. Đó là tôn giáo ràng buộc con người. Đạo Phật là một tôn giáo giải thoát, trong đó con người ở vào vị trí chủ động, tự mình cứu mình ra khỏi những đau khổ tất yếu của kiếp người, qua sự hiểu biết và thực hành giáo lý căn bản nhất: bốn chân lý về sự khổ, nguyên nhân gây khổ, sự diệt khổ và con đường Bát Chánh Đạo đưa đến an lạc giải thoát. Niềm tin trong đạo Phật đặt nền tảng trên sự hiểu biết và chứng nghiệm những chân lý về đời sống mà Đức Phật đã chỉ ra, và sự sùng kính đối với Đức Phật không phải như đối với Thượng đế hay Đấng tối cao, mà là sự kính ngưỡng và tri ân của một người con đối với bậc Tử phụ, một đệ tử đối với bậc Đạo sư đã đưa đường chỉ lối cho mình thoát ra những phiền não của cuộc đời, những mê lộ của luân hồi sinh tử.

Khía cạnh nhân bản của đạo Phật đặt trọng tâm nơi con người đã thể hiện ngay trong câu nói truyền thuyết của Đức Phật Thích Ca trong ngày đản sanh của ngài, khi ngài còn là hài nhi mới sinh như sau:

Trên trời dưới đất chỉ có Ta là trên hết  
(*Thiên thượng thiên hạ duy Ngã độc tôn*)

Tất cả trên thế gian đều phải sinh ra, già, bệnh rồi chết

(*Nhất thiết thế gian sinh lão bệnh tử*)

Người ta thường hiểu "Ta" hay "Ngã" theo ý nghĩa xấu của một con người ích kỷ và kiêu mạn, chỉ biết đến mình và bất kể người khác. Vì thế, đạo Phật nói đến "vô ngã" để phá đổ mọi chấp trước vào con người ngũ uẩn của ta. Tuy nhiên, con người chúng ta có hai phương diện: tánh và tướng. Tánh là không sinh diệt, và tướng là sinh diệt, tuy đối nghịch nhau nhưng là một, không hai. Cũng vậy, theo như kinh Đại Bát Niết Bàn diễn giải, Ngã là thể tánh thường hằng của Như Lai, và Vô Ngã là bản chất sinh diệt vô thường của ngũ uẩn, tuy đối nghịch nhau nhưng là một, không hai trong con người.

Ở đây, ta có thể hiểu "Ta" (hay Ngã) tương trưng cho con người với tất cả mọi phương diện



ưu và khuyết điểm, tuy ở trong bùn nhơ của vô minh và ái dục, nhưng lúc nào cũng có sẵn tiềm năng để thành Phật, vì tánh Phật vẫn luôn luôn hằng hữu, bao trùm trong sự hiện diện của chúng ta, không bao giờ mất. Tánh Phật ấy vốn như hư không, không từ đâu sinh ra nên cũng không diệt, vượt ra ngoài sinh tử luân hồi của mọi chúng sanh trên thế gian này. Được sinh ra làm người là một cái phước, và con người là trên hết tất cả, vì chỉ có con người mới có khả năng tự quán chiếu, tự sửa đổi và chọn hướng đi cho mình. Tiến trình thành Phật là một tiến trình thăng tiến tâm linh chuyển hóa con người từ phàm sang thánh, từ vô minh qua giác ngộ, và chính những đau khổ, những vấp ngã trong cuộc đời là động cơ để con người đi tìm sự chuyển đổi, giải thoát cho chính mình và cho người khác. Không có Phật Thánh nào có thể từ trên trời xuống ban phước giáng họa cho con người, mà chính con người phải tự khai ngộ Phật Thánh nơi chính mình. Tâm lý của con người thường bị mê hoặc bởi những gì siêu nhiên thần diệu, như những phép lạ, những thần thông biến hóa khác thường. Đạo Phật nhấn mạnh đến khía cạnh thực tiễn, không xem trọng những phép lạ nhiệm mầu, ngược lại còn thấy chúng là chướng ngại cho sự giác ngộ giải thoát, vì làm tăng thêm sự vọng cầu bên ngoài.

Khi được hỏi có phép lạ nhiệm mầu hay không, Đức Phật đã nói như sau:

*"Đó không phải là phép lạ nhiệm mầu hay sao, khi một người đã tạo bao lầm lỗi có thể chuyển hóa thành một vị thánh, khi họ đã giác ngộ được chân lý và từ bỏ được những thói xấu của lòng vị kỷ? Người phát tâm tu hành, buông bỏ lòng tham muốn những lạc thú phù du của thế tục cho sự an lạc thanh thiên vĩnh cửu, đã làm một phép lạ đúng nghĩa của nó."*

Đối với những người muốn tìm kiếm một niềm tin nhưng vẫn còn đầy nghi ngờ, Đức Phật không thuyết phục người ấy phải theo mình, mà chỉ ra những lý lẽ để người ấy tự phán xét và quyết định, như trong kinh Kalama:

*"Đừng tin một điều gì vì nghe nói lại. Đừng tin một điều gì vì đó là tập quán lưu truyền. Đừng tin một điều gì vì được nhiều người nhắc đi nhắc lại. Đừng tin một điều gì vì đó là bút tích của thánh nhân. Đừng tin một điều gì do ta ước đoán, suy diễn hay thấy hợp với thành kiến của mình. Đừng tin một điều gì vì đó là do một vị thầy có uy tín dạy."*

Mà hãy tự mình chứng nghiệm và biết rõ: những việc gì là bất thiện, đáng chê trách và đem đến khổ đau thì hãy từ bỏ chúng; và những việc gì là thiện, không bị chê trách, được tán thán và đem lại hạnh phúc thì hãy cố gắng thực hành để đạt đến an lạc."

Thực ra, có được một niềm tin đã khó, mà tìm được một vị thầy chân chính để học hỏi và gói gắm niềm tin, để được hướng dẫn cho có chánh tín lại còn khó hơn. Ngay cả thời xa xưa, một vị thiên sư Nhật Bản đã nói rằng: "Tìm

được một chân sư khó như tìm sao trên trời giữa buổi trưa”, hướng chỉ trong trong thời đại mạt pháp như của chúng ta ngày nay, vàng thau lẫn lộn, chánh ít tà nhiều. Vì vậy người học đạo phải biết dùng trí phân biệt để phán xét xem người thầy ấy có nói, và làm đúng theo lời Phật dạy hay không.

Trong Phật Pháp có câu:

*Theo giáo pháp, không theo người*

*(Y pháp bất y nhân)*

*Theo nghĩa lý, không theo lời nói văn tự*

*(Y nghĩa bất y ngữ)*

*Theo trí tuệ, không theo cảm tính của vọng thức*

*(Y trí bất y thức)*

*Theo nghĩa lý rất ráo, không theo nghĩa lý không rất ráo.*

*(Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa)*

Đức Phật Thích Ca đã dặn dò bà Gotami, nữ mẫu trước kia của ngài như sau:

*"Nếu pháp môn nào đưa đến khát vọng mong cầu, ngã mạn, ưa thích chốn phồn hoa náo nhiệt, không làm cho an vui, không gợi lên niềm tôn kính, không làm cho tinh tấn và có trí tuệ đạo hạnh, pháp môn ấy không phải là Chánh Pháp, không phải là Giới Luật của Như Lai.*

*Còn bất luận pháp môn nào không đưa đến khát vọng mong cầu, không ngã mạn, làm cho an vui, ưa thích nơi yên tĩnh thanh tịnh, gợi lên niềm tôn kính, làm cho tinh tấn và có trí tuệ đạo hạnh, thì đó đúng là Chánh Pháp, là Giới Luật của Như Lai."*

Như vậy, ta thấy niềm tin trong đạo Phật không đến từ sự áp đặt, mà từ sự tự do chọn lựa của con người biết suy nghĩ, biết phán đoán thế nào là xấu hay tốt, nên làm hay không nên làm. Niềm tin đó là kết tinh của một quá trình tìm hiểu, suy xét và thực hành (văn, tư, tu), không còn ở trong phạm vi của tư tưởng hay ý niệm trừu tượng, mà trở thành sống động, đi liền với những kinh nghiệm đời sống của con người, trong mọi hành động, lời nói và ý nghĩ. Đó là niềm tin trước nhất nơi con người của chính mình, nơi tánh Phật và khả năng thành Phật, là ánh sáng chiếu soi nâng đỡ, khích lệ, và là người bạn đồng hành với ta trên con thuyền lướt trên dòng đời, giúp vượt qua những trở ngại, những giai đoạn khó khăn trong cuộc hành trình.

Và cũng như lời nói đầu trong ngày ra đời giáng thế, lời nói cuối của Đức Phật với đệ tử A Nan khi nhập Niết Bàn cũng biểu lộ niềm tin của ngài nơi con người:

*"Hãy coi chính mình là hải đảo, là nơi nương tựa. Hãy xem Giáo Pháp là hải đảo, là nơi nương tựa. Giáo Pháp và Giới Luật là đạo sư của chúng con. Không cần tìm sự nương tựa ở bên ngoài. Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi".*

**Ngọc Bào**

Phật Đản PL 2560, Tháng 4, 2016  
(Nguồn: ngocbao.org)



## ĐÊM, NGÀY

*Đêm ngời chánh niệm Quan Âm  
Xả buông thế tục mê lâm trần ai  
Nẻo về mẫu nhiệm Như Lai  
Thấy sen dưới bóng tượng đài nở hoa*

*Ngày trôi như cánh chim qua  
Trang kinh Chánh Pháp Di Đà hiện thân  
Tiếc chi một cõi hồng trần  
Ba ngàn thế giới xa gần tại tâm...*

*Đêm ngào ngạt, khói hương trầm  
Hồi chuông Bát Nhã thanh âm diệu kỳ  
Suối nguồn vô lượng từ bi  
Pháp ngôn bất khả tư nghì trước, sau*

*Ngày trông đợi, đêm chờ nhau  
Nghiep duyên cũng một chuyến tàu tử sinh  
Ngàn năm cát bụi an bình  
Bay trong trời đất lượng tình Hoa Nghiêm...*

## LANG THANG

*Người một đời vì đạo  
Ta một đời vì đời  
Cùng chung trong cánh giới  
Hai lòng ở hai nơi*

*Thời kinh ngời Chánh pháp  
Văn thơ buồn miên man  
Bóng ai về Tây trúc  
Ta nẻo đời lang thang...*

thơ

XUYÊN TRÀ

# QUÁN CHIẾU

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT  
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Mới bắt đầu vào hè mà không khí Cam Lâm quá nóng bức nhất là những Xã cận sơn này, làm tôi nhớ đến một trưa hè cách đây đã hơn mười năm, trên đường Đông Hà vào Huế! Ai ở xứ Quảng Trị - Thừa Thiên tất đã quá biết cái nóng "nảy lửa" ở đây. Mỗi lần có ngọn gió Lào thổi thì sức nóng lại được bồi thêm và cát bụi trời.

Hôm đó tôi và Quang Châu - người bạn cùng sinh hoạt trong Gia đình Phật tử Hướng Thiên đi từ Đông Hà vào Huế trong buổi trưa hè (vì có duyên sự đành phải đi vào lúc này). Hai anh em trên chiếc xe Honda, Quang Châu lái, trời nóng bức đã đành, cái nóng của đường nhựa lại cứ hắt vào người nữa. Thịnh thoảng cũng có một cơn gió nhưng chỉ để tạt thêm sức nóng oi bức, bụi tung mù trời.

Quang Châu bảo:

- Giờ anh hãy quán chiếu sao cho có được luồng gió mát thổi qua, quán chiếu sao cho trên đường đi êm ả thoải mái.

Tôi cười:

- Ngày xưa khi La hầu La đi khất thực, bọn trẻ tinh nghịch bốc cát bỏ vào bát, đến giờ thọ trai La hầu La ngồi buồn rầu dưới gốc cây. Đức Phật ân cần hỏi: "Sao con ngồi ủ rũ vậy?" La hầu La nghiêng bát cho Đức Phật xem rồi òa khóc, Ngài dịu dàng bảo: "Thế Tôn đã dạy con cách quán chiếu rồi mà!" La hầu La liền đáp: "Con đã quán chiếu mãi mà cát vẫn là cát." Ngài cười: "Ta có dạy con quán chiếu để cát hóa thành cơm đâu?!"

Quang Châu cười ngắt nghéo.

Đi được một đoạn, phía bên kia đường có một bà đầu đội cái nón đã xơ vành, áo quần đã quá bạc màu, chân mang

đôi dép mỏng tanh vì đế đã quá mòn, quày một gánh nặng toàn là sắt phế thải và thùng cát-tông hư nát.

Tôi liền bảo:

- Quang Châu nhìn bà đó thật kỹ đi rồi quán chiếu, sẽ thấy mình đang đi trong gió mát, honda đang lướt nhẹ thong dong.

Châu chăm chú nhìn bà ta rồi cất tiếng:

- Đúng rồi! Mình còn thấy được mây đứa con của bà đang vui vẻ trong bữa cơm chiều nay vì có thêm được một số thức ăn quý giá, ít nhất có rau lang chấm nước mắm chanh đường và ít con cá cơm kho chứ không như những ngày qua, chỉ có rau hỗn tạp dọc bụi bờ chấm nước muối.

- Vâng, cái thấy nó cũng do "quán chiếu" nhưng lại là trong phạm trù suy tưởng; cái thấy anh em mình đang đi trong gió mát mới đúng là "quán chiếu." Có người thấy cái vỏ chuối trên nền xi măng, nhặt lên ngay vì thấy được cái vỏ chuối ấy có thể giết chết một mạng người. Cái đó là tư duy qua trái nghiệm chứ chưa hẳn là "quán chiếu" vì quá khứ đã từng có một phụ nữ trượt vỏ chuối mà đã bị sẩy thai.

Thưa anh chị em, để quán chiếu chúng ta phải có cái nhìn sâu thẳm, dĩ nhiên là nhìn bằng tâm thức, không thể nhìn bằng mắt trần, nhìn với "Pháp trí" chứ không phải nhìn với "thế trí," để thấy rõ cái gì đã từng xảy ra, nhìn thấy những nguyên nhân này liên kết với những nguyên nhân kia, nhìn rõ cả một chuỗi nhân duyên sinh diệt để rồi đi đến cái hậu quả sau cùng (những nhân duyên ấy

lắm lúc tinh tế và phức tạp, bình thường khó mà nhận ra được). Chúng ta phải luôn luôn an trú trong chánh niệm, phải biết vận dụng giáo lý "duyên sinh vô ngã" vào "chánh tư duy."

Anh chị em chúng ta đã từng học phép quán chiếu, nhưng còn phải biết cách quán chiếu. Trước một thực trạng hay trước một vấn đề nan giải (kể cả sự khó khăn trong việc tu học bản thân), chúng ta phải quán chiếu thật sâu mới có thể tự tìm ra cách giải tỏa.

Có lắm người, hạnh phúc đang trong tầm tay của mình mà không thấy, mãi thở than, rên rĩ vì họ chẳng biết quán chiếu và không có được cái "tri túc," luôn luôn chạy theo ảo ảnh xa vời.

Đối với tập thể, trước một vấn đề gay gắt, phức tạp chúng ta phải bình tâm quán chiếu thật sâu, muốn quán chiếu được sâu, chúng ta phải biết cùng nhìn về một hướng và cần nhất là "đồng tâm nhất trí," không ngại khó khăn.

Thân ái,  
**BBT**







# “GẶP PHẬT GIẾT PHẬT”

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT  
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa các bạn,  
Không biết các bạn có nghe câu nói này không? “Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ.” Đây là câu nói của một vị Tổ (thiền sư Phật giáo) chứ không phải của một người ghét hay oán hận Phật giáo nói đâu, và chúng ta có thể cũng đã từng nghe tên cuốn sách có nhan đề là “IF YOU MEET THE BUDDHA ON THE ROAD, KILL HIM!”

Có người thắc mắc rằng Phật là đấng Giáo chủ tôn kính của các hàng Tăng Ni Phật Tử, sao lại có những người tín đồ Phật Giáo lại nói những lời bất kính đó? —Xin thưa, chữ “giết” ở đây không phải là giết một đức Phật bằng súng đạn, gươm dao và chữ “Phật” ở đây cũng không phải là đức Phật Thích Ca hay đức Phật nào khác. Xin các bạn chịu khó nghe những lời chia sẻ của người viết để hiểu rõ ý nghĩa.

Đạo Phật có khác hơn các tôn giáo khác một chút, đó là như đức Phật đã tuyên bố: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành,” nghĩa là “khi mê là chúng sanh, khi ngộ là Phật.” Tất cả mọi chúng sanh đều có Phật tánh hay “hạt giống Phật;” khi mê thì hạt giống đó bị chôn vùi rất sâu như châu báu đang ở trong đất (đất Tâm); khi phát tâm tu hành tinh tấn, quyết chí theo Đạo Giải thoát, loại bỏ Tham Sân Si để thanh lọc tâm ý thanh tịnh thì hạt giống đó sẽ hiển lộ.

Bước đầu vào ĐẠO, phải quy y Tam Bảo. Quy y là quay về và nương tựa Tam Bảo là “3 ngôi báu” PHẬT, PHÁP, TĂNG.

PHẬT là người Thầy/Đạo sư, người hướng dẫn chúng sanh đi theo con đường giải thoát khỏi khổ đau phiền não, v.v... Đó là đức Phật Thích Ca—

là đức Phật lịch sử, được chúng sanh thờ phụng bái lạy... Tuy nhiên, nếu chỉ đi chùa, lạy Phật, dâng hương, cúng dường v.v... mà không lo tu các hạnh lành Từ bi, Trí tuệ, Tinh tấn, Hỷ xả, Thanh tịnh thì không bao giờ giác ngộ (tỉnh mộng). Các thiền sư Phật Giáo hay nói rằng, đó là “nấu cát, không bao giờ thành cơm” và chỉ biết thờ lạy tượng Phật thì ông Phật đó là “ông Phật ngoài đường” (the Buddha on the road). Ông Phật trong Tâm mỗi người mới đáng quy y—nghĩa là trở về với bản thể Thanh Tịnh của ta (Phật tánh hay Tâm Phật).

PHÁP là những lời Phật dạy, những lời dạy này không do đức Phật sáng tác, mà là những định luật, nguyên lý của thiên nhiên, vũ trụ... đã có tự ngàn xưa và cho đến ngàn sau, quả đất có thể tan ra thành tro bụi nhưng những định luật này vẫn còn đứng đến vô tận. Đó là những định luật Nhân Quả, Vô thường, Vô ngã, Duyên khởi v.v... Các định luật này dù chư Phật có ra đời hay không, vẫn tồn tại. Sống thuận theo các định luật của thiên nhiên, vũ trụ thì có an lạc, hạnh phúc, nếu đi ngược lại thì phiền não sẽ xảy ra ngay.

PHÁP còn có nghĩa là tất cả mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên và tâm linh, từ con người đến loài vật hay đồ vật, các loại hữu tình và vô tình v.v... đều là PHÁP cả, và thế giới của các Pháp, bao gồm trái đất của chúng ta, được gọi là Pháp giới. Mỗi Pháp đều có thể dạy cho chúng ta nhiều điều bổ ích nếu chúng ta muốn học hỏi. Một bầu trời xanh, một lá

cây, một hòn sỏi, một rừng cây, một bãi biển, một dòng sông... đều có thể dạy ta nhiều điều nếu chúng ta biết lắng nghe, biết quan sát. (Đức Phật đã dạy như vậy và qua cuộc sống, chúng ta có thể kiểm chứng rất rõ ràng)

TĂNG là đoàn thể của những người xuất gia, nguyện trọn đời sống theo đời sống Tỉnh Thức của đức Phật, tinh cần thực hành 5 Hạnh lành: Từ Bi, Trí Tuệ, Tinh Tấn, Thanh Tịnh và Hỷ Xả. Tăng không phải là một tu sĩ Phật giáo mà là một đoàn thể tăng sĩ từ 4 người trở lên, cùng ở một nơi, cùng áp dụng và thực hành cùng một số Giới (Luật), tu tập Giới, Định, Tuệ và làm những điều lợi ích cho chúng sanh.

Phật giáo định nghĩa Giới, Định, Tuệ (Huệ) như sau:

TÂM ĐỊA CHĂNG QUỶ => TỰ TÁNH GIỚI

TÂM ĐỊA CHĂNG LOẠN => TỰ TÁNH ĐỊNH

TÂM ĐỊA CHĂNG SI => TỰ TÁNH HUỆ

Đến đây chúng ta đã hiểu rõ vì sao phải giết Phật ngoài đường – nghĩa là không chấp trước, chạy theo tướng bên ngoài mà phải quay về với Phật trong tâm.

Quy y Tam Bảo chân chính là quy y Phật tánh, tánh Giác trong Tâm. Quy y Pháp là sống đúng theo những quy luật của thiên nhiên, của vũ trụ mà Tâm ta cảm nhận dễ dàng dù ta không biết đọc, không biết viết. Quy y Tăng là quy y bản tánh Thanh tịnh, tinh tấn, hòa hợp, của bản Tâm, hoàn thành nhiệm vụ làm lợi ích cho tha nhân. Đó là quy y Phật Pháp Tăng vốn có sẵn trong Tâm.

Trân trọng,  
**NAL**



# HOA ƯU ĐÀM NƠI CỎI TA-BÀ

*Lá Thư Đầu Tuần:*

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Anh chị em Lam viên thân mến,  
Giờ này trên toàn thế giới, mọi người con Phật đang hân hoan chào đón ngày ĐẢN SANH. Vào thời điểm này cách đây 2640 năm, một đóa Ưu đàm nở trên cỏi Ta bà.

Đóa hoa Ưu đàm đã là quá quý hiếm lại nở trên mảnh đất Ta bà thì lại vô cùng hy hữu. Vậy mà đến giờ vẫn còn ngát hương.

Những chiếc lá bên đóa hoa làm nổi bật và tô điểm thêm cho hoa. Biết ngắm hoa đẹp, biết thưởng thức hoa thơm, chúng ta cũng cần lưu ý đến thổ nhưỡng. Vậy hôm nay chúng tôi kính mời anh chị em bình tâm, lắng lòng cùng chúng tôi chiêm ngưỡng đóa hoa Ưu đàm trên "thổ nhưỡng" Ta bà.

## MỘT CUỘC TÌNH DUYÊN TRONG SÁNG VÀ ĐẸP ĐẼ

"Điện hạ còn món nữ trang nào dành cho em không?"

Đó là câu nói của một công nương thướt tha diễm lệ mà đoan trang dịu hiền trong chiếc sari màu trắng thanh nhã toát lên sự trong sáng diệu kỳ.

### Những chuỗi ngọc dành cho cuộc thi sắc phục phụ nữ:

Cũng như bao nhiêu lần trước, Thái tử Siddhatta là người đứng ra phát thưởng trong những buổi nhạc hội, vũ hội. Điều mà chàng chẳng muốn chút nào nhưng Hoàng hậu Gotama cứ mãi nặn nỉ, có lúc như ép buộc.

Những lễ hội này thường tổ chức với dụng ý chọn một mỹ nhân "lọt mắt" Thái tử.

Từ Vua cho đến cả hoàng tộc và luôn cả triều đình đều muốn thái tử lập gia đình, cốt giữ chân chàng lại để làm một vị "chuyển luân thánh vương" chứ đừng làm một tăng sỹ, dù có đạt đến tột cùng "cứu giúp nhân loại" như lời tiên đoán của A tư Đà.

Tất cả những thiếu nữ trong thành Kapilavatthu đều được mời tham dự lễ hội thi sắc phục phụ nữ.

Trời bắt đầu vào đêm những hoa đăng rực rỡ làm mờ đi ánh trăng đầu tuần, khí trời vẫn mát dịu. Âm nhạc dân tộc được chọn làm âm thanh nền tảng cho buổi lễ hội nên không khí vừa thanh trong, vừa êm ả.

Bên góc trái của tuyến đài, thái tử Siddhatta trong bộ quốc phục, trẻ trung và chêm chệ.

Trước mặt chàng một chiếc bàn nhỏ trải khăn nhung vàng, trên đó rất nhiều những xâu

chuỗi ngọc óng ánh đủ màu.

Trên khán đài danh dự, chính giữa là vua và hoàng hậu, tiếp theo hai bên là các quan lớn và các vị đại diện hoàng tộc. Mở rộng ra, sau bục cao là quan khách, có đến hàng ngàn các thiếu nữ dự thi ngồi vào hàng ghế phía phải của quan khách.

Thiếu nữ đầu tiên là Soma con của một vị vương tử, theo sự hướng dẫn của người phụ trách, một thiếu nữ khi bước lên lễ đài, tiến tới trước mặt vua và hoàng hậu vái chào rồi ngược lên chào quan khách trước khi qua bàn phát giải.

Bộ y phục của Soma rất lộng lẫy, dáng đi thật tha thướt.

Rồi tiếp đến là Rohim và cứ thế hết người này đến người khác, ai cũng xiêm y sắc sỡ, muôn màu muôn vẻ, dáng đi nào cũng duyên dáng thướt tha. Người phát giải hình như cũng không có ý lựa chọn, cầm lên xâu chuỗi nào, trao xâu chuỗi đó. Cứ vậy mà kéo dài đến mười giờ đêm.

Sela là thiếu nữ sau cùng, không kém phần diễm lệ, trên bàn còn đứng một xâu chuỗi cuối cùng để trao cho nàng. Ngờ đâu, sau Sela lại còn một công nương, thông thả, diễm đạm, bước lên khán đài làm mọi người đều ngạc nhiên. Nàng lướt qua hàng danh dự trên khán đài mà như một làn gió thoảng.

Sắc phục của nàng không sắc sỡ, cũng chẳng rực rỡ như những sắc phục của các cô gái dự thi khác mà chỉ là những sari màu trắng thanh nhã đơn sơ diễm tô cho sự trong sáng bình dị. Nàng tiến đến trước Siddhatta mỉm cười hồn nhiên: "Điện hạ còn món nữ trang nào để cho em không?"

Siddhatta im lặng một giây rồi nghiêng mình đáp lễ, với vẻ bối rối nhưng lại bình tĩnh và nhận rằng, dù có còn đi nữa cũng chẳng món nào xứng đáng với con người đẹp để mà thanh thoát đang đứng trước mặt chàng.

Bất chợt Siddhatta mỉm cười, tự tay tháo xâu chuỗi ngọc đang đeo ở cổ, nhìn xâu chuỗi long lanh trên tay rồi cũng mỉm cười nhìn Yasodhara.

- Đây là món quà tặng cho công nương.

Nàng lắc đầu:

- Em làm đẹp cho điện hạ còn chưa hết, lòng mà lại lấy món trang sức của điện hạ.

- Mẹ ta hoàng hậu Gotama thường nói là ta chẳng cần đồ trang sức, càng đeo vào càng xấu thêm ra.

Nói xong chàng ra hiệu cho Yasodhara lại gần và cúi đầu xuống. Chàng mang chuỗi ngọc long lanh "như ngũ sắc" vào cho nàng.

Tiếng hoan hô vang lên, vang rền, tưởng chừng như không dứt. Ai ai cũng lộ vẻ mừng vui.

### **Cô gái khuê các dẫn thân vào giai cấp bần cùng:**

Có ai biết được cô gái khuê cát ấy đã từng tự tay mình tắm rửa, băng bó những ghê lở, chăm sóc các em bé trong xóm nghèo ở ngoại thành. Không ai ngờ được trong xã hội quá phân chia giai cấp lại có một công nương đang hăng say làm việc này.

Siddhatta có lần âm thầm dạo chơi thăm viếng các xóm nghèo, nhờ vậy từng gặp Yasodhara tận tụy vui vẻ với công việc từ thiện.

### **Có kẻ tri âm:**

Thời niên thiếu Siddhatta cũng được học kinh Vệ-đà nhưng Siddhatta lại thường kiểm cố du ngoạn để được tiếp xúc với những vị sa môn, vì họ là những người không thiết tha với vật chất, không màng đến quyền quý mà chỉ tha thiết đến vấn đề giải thoát khổ đau. Thái tử Siddhatta đã từng trầm lắng tư duy về chiều hướng này. Thái tử nhận thấy giáo lý Vệ-đà chỉ đem đến những khổ lụy những bất công, thái tử đã không chấp nhận ba điều căn bản của kinh này.

Cũng nhờ được tiếp xúc với Yasodhara nhưng trong những khung cảnh ấy, Siddhatta đã khám phá ra: mình đã có kẻ tri âm.

Yasodhara cũng được gia đình buộc học kinh Vệ-đà, vì theo truyền thống. Nhưng nàng vẫn có những tư tưởng phóng khoáng và ngấm ngấm phản đối tình trạng bất công xã hội, phản đối sự áp đặt tín ngưỡng của kinh Vệ-đà. Nàng cũng cảm thấy không có hạnh phúc trong địa vị quyền quý, trong giàu sang sự nghiệp. Ngược lại nàng cảm thấy ghê tởm những cuộc tranh chấp địa vị của những thành phần quý tộc ngay cả trong giới tăng lữ Ba la môn.

(Phỏng theo "Đường Xưa Mây Trắng" của Thích Nhất Hạnh)

Thân ái chào Anh chị em.

**BBT**

## **MỪNG TÂM TRONG ĐỨC PHẬT MỚI RA ĐỜI**

*Gió từ muôn phương lại  
Nặng từ ba ngàn thế giới qua  
Mắt sáng, tai thông, mũi tinh, lưỡi bén  
Và thân tâm ngũ uẩn lộng Ta Bà*

*Hôm nay ngày Đản Sinh đức Phật Thích Ca  
Ngài đã ra đời 2.600 năm về trước  
Gót sen hồng bảy bước nở hoa  
Vườn Ngự bình minh nắng sớm hoan ca*

*"Trên trời, dưới đất, độc nhất có ta!"  
Nghe gì không ông tiên A Tư Đà  
Thấy gì không bảy tầng trời Đâu Suất  
Ông Phật trong ta, ông Phật trong người là duy nhất*

*Không ai thay thế giùm ta  
Thành bại, ngộ thông tất cả kiếp thân này  
Tìm lại chính mình  
Thấy được chính mình là viên thông tất cả*

*Bạn hiền ơi những chân trời mới lạ  
Nhìn ngắm, thương yêu không ai thay thế cho ta  
An lạc, khổ đau chỉ có mình ném trái  
Biết tìm ai khác nữa ở ngoài ta*

*Hằng hà sa số sinh linh trong ba ngàn thế giới  
Là hằng hà sa số Phật, bồ tát, thanh văn tụ tại  
Phật trong anh, trong chị, trong tôi  
Phật là ta tìm đâu xa ra khỏi cuộc đời*

*Đức Thích Ca giảng kinh 49 năm nơi trần thế  
Rời ra đi trở lại nẻo quê xưa  
Nhưng vẫn có vô số người hiểu đạo  
Đâu sá gì dài ngắn một giác mơ*

*Mừng Khánh Đản trần gian về hiền ngự  
Đá sỏi cũng xô xao lộng lộng đất trời  
Bởi tánh Phật có trong từng hơi thở  
Đánh lễ trong ta một ông Phật mới ra đời.*

*thơ*

**TRẦN KIÊM ĐOÀN**

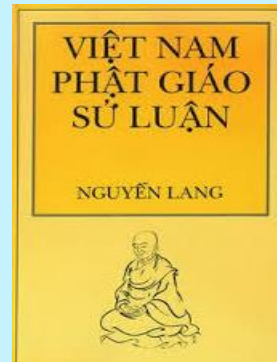
Sacramento, rằm tháng tư, Phật Đản 2560



# TRẦN NHÂN TÔNG VÀ THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

(Chương XII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



## Kỳ 2 (tiếp theo kỳ trước)

### TƯ TƯỞNG THIỀN HỌC

Trúc Lâm đã để lại những tác phẩm sau đây, mà hiện chúng ta chỉ còn những đoạn trích in lại trong sách Tam Tổ Thực Lục và Thánh Đẳng Lục:

- 1) Thiền Lâm Thuyết Chuyết Ngữ Lục
- 2) Trúc Lâm Hậu Lục
- 3) Thạch Thất My Ngữ
- 4) Đại Hương Hải Ấn Thi Tập
- 5) Tăng Già Toái Sự

Ba tác phẩm đầu, Thiền Lâm Thuyết Chuyết Ngữ Lục, Trúc Lâm Hậu Lục và Thạch Thất My Ngữ là những sách tập hợp các bài kệ tụng, những lời thiền ngữ và những đoạn văn đáp giữa Trúc Lâm và môn đệ. Đại Hương Hải Ấn Thi Tập tập hợp những bài thơ của Trúc Lâm, một số bài còn được giữ lại trong các tuyển tập như Việt Âm Thi Tập, và Toàn Việt Thi Lục nhờ tính cách ít từ ngữ Phật Giáo của chúng. Tăng Già Soái Sự chắc là một tập văn xuôi có tính cách thực dụng trong giới thiền giả.

Ngoài những tác phẩm chữ Hán kể trên, Trúc Lâm còn sáng tác bằng chữ Nôm nữa. Hiện chúng ta còn được một bài phú và một bài ca của Trúc Lâm viết bằng chữ Nôm (Cư Trần Lạc Đạo Phú và Đắc Phú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca). Hai bài này được giữ lại trong tác phẩm An Tử Sơn Trần Triều Trúc Lâm Thiền Tông Bản Hạnh của hòa thượng Chân Nguyên Đăng, ấn hành năm 1745.

Ngoài ra, Trúc Lâm còn viết bài Thượng Sĩ Hành Trạng nói về cuộc đời của Tuệ Trung và những kỷ niệm của vua đối với Tuệ Trung. Bài này in ở cuối sách Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục.

Về phương diện tư tưởng, Trúc Lâm chịu ảnh hưởng sâu xa của Tuệ Trung, nhưng nếu so sánh lối diễn đạt, ta sẽ thấy Tuệ Trung trực tiếp hơn, đơn giản hơn, hiện thực hơn, trong khi Trúc Lâm thiên trọng hơn về phương diện văn chương và hình ảnh. Về hình thái, Trúc Lâm chứng chạc hơn, nhưng ta ít thấy nói vua với sức sống tâm linh mãnh liệt toát ra từ những lời thiền ngữ như trong trường hợp Tuệ Trung.

Trúc Lâm được sống nhiều năm trong thiền viện và đã sinh hoạt theo thể thức và quy chế thiền viện. Vua đã nhiều lần kết hạ an cư, đăng đàn thuyết pháp và chủ tọa những buổi đại tham, tức là những cuộc tham vấn về thiền trong đó toàn thể đại chúng trong thiền viện được tham dự. Những buổi tham vấn nhỏ thì được gọi là tiểu tham. Trúc Lâm thường bắt đầu buổi đại tham bằng lễ niệm hương. Kế tiếp, vua nói một vài lời mở đầu, và sau đó trả lời những câu hỏi. Sau đây ta hãy đọc một đoạn kể lại một buổi đại tham như thể do thiền sư Pháp Loa chép lại trong cuốn Thiền Đạo Yếu Học;

"Ngày mồng chín tháng giêng năm Bính ngo (1306) tại Kỳ Lân Viện, Trúc Lâm Đại Tôn Giả khai mạc buổi vấn đạo ở thiền đường. Sư chỉ vào pháp tọa mà nói:

- Pháp tọa này là chiếc ghế giầy khúc lục [6] là kim nghề bảo tọa, ngồi thì như ngồi trên đầu lưỡi của Phật Tổ, ai là người dám ngồi?

Sư niệm hương như sau:

- Một nén hương này, khói lành thơm phức, hơi lành bay khắp, ngưng tụ được cả pháp thân ngũ phạm, phổ biến được phép cúng dường mẫu nhiệm tận mười phương đốt ở trong bình, khiến cho mười phương gia hộ, chí miếu ứng linh, ngọc lịch miên trường, hoàng đồ củng cố; một nén hương này, xông cũng không nóng, đốt cũng không tan, đập cũng không nát, lăn cũng không thành: nhìn vào thì con người khô héo, ngửi phải thì não cân tê liệt, đốt ở trong bình, dâng lên bậc vô nhị thượng nhân là Tuệ Trung Đại Sĩ, xin cho mưa pháp tưới ơn, cháu con thắm nhuần.

Thăng đường, vị thượng thủ bạch chùy, sư nói:

- Nay đại chúng, nếu nói tới đệ nhất nghĩa đế [7] thì vừa động niệm nhất đã sai, vừa há miệng đã lầm. Như thế làm sao tỏ bày chân lý, làm sao giảng bày phép quán? Hôm nay ta thử bắt đầu từ phía bên kia (đệ nhị đầu) xem thử có được hay không?

Nói lời ấy xong, nhìn hai bên tả hữu, rồi tiếp:

- Trong chúng có bậc đại tuệ nhãn hay không? Nếu có thì chỉ xin hai cặp lông mi dương lên một chút. Nếu không, bần đạo không phải

ba hoa mở miệng đem những lời hủ nát trình bày. Chỉ vì quý vị mà đưa ra một món đồ xưa thối vậy. Lắng nghe, lắng nghe: Đạo lớn bao la, làm sao ràng buộc bằng ý tưởng, thể tính lặng yên, không thiện không ác, hể phân biệt thì sẽ xuất hiện nhiều mối phức tạp; hể khởi ra một mảy mảy quan niệm thì tức khắc sẽ tan biến. Phạm và Thánh cùng chung một mối, thị và phi đâu phải hai đường; cho nên hãy biết rằng trong tự tính thì tội phúc vốn không, nhân quả chẳng thật, ai ai cũng có đủ thể tính ấy, người người đều đã viên thành. Phật tính và pháp thân như hình như bóng, tùy lúc chìm tùy lúc hiện, không phải một cũng không phải hai, ở ngay dưới mũi ta, trước mặt ta vậy, mà dương mắt nhìn không để gì trông thấy; bởi vì có ý đi tìm thì sẽ không bao giờ thấy đạo. Ba ngàn pháp môn đều ở trong gang tấc, hằng sa diệu dụng đều có sẵn ở nguồn tâm. Cái gọi là giới môn, định môn, tuệ môn, các vị không ai là không có đủ. Nên trở về quan sát nơi tự tâm: khi nghe âm thanh, khi thấy hình sắc, khi tay cầm, chân bước, thì đó là công dụng của thể tính nào? Tính ấy thuộc tâm nào? Tâm và tính cùng rõ ràng thì cái gì phải cái gì không phải? Pháp tức là tính, Phật tức là tâm, vậy tính nào không phải pháp, Tâm nào không phải Phật.



Phật cũng là Tâm; Pháp cũng là Tâm; nhưng vì Pháp vốn là không-Pháp, cho nên khi nói tới pháp là tâm thì cũng như nói tâm là không - tâm; tâm đã là không tâm thì khi nói tâm là Phật cũng như khi nói tâm là không Phật! Nay quý vị, thời gian đi qua mau chóng, mạng sống con người trôi chảy không ngừng, tại sao hàng ngày biết ăn cháo ăn cơm mà không tham khảo ngay vấn đề cái chén cái thìa như vậy.

Lúc bấy giờ có một vị lão tăng đứng dậy hỏi:

- Áo cơm những chuyện tầm thường nọ.

Cần chi phải tạo chuyện nghi nan?

Vị sư làm lễ xong đứng dậy hỏi: "Ở cảnh giới thiên thì không có ước muốn, không cần đến hỏi; ở cảnh giới ước muốn thì không có thiên, hỏi là hỏi gì?, xin cho biết?" "Sư lấy tay chỉ vào trong khoảng không. Vị sư nói: "Dùng thứ đàm giải do cổ nhân khắc nhổ ra thì có ích lợi gì?" Sư đáp: "Mỗi lần cầm đến là một lần đổi mới" (Thiền Đạo Yếu Học).

Trong lời mở đầu của Trúc Lâm, ta thấy vua nói đến thể tính giác ngộ sẵn có nơi mọi người và đến nguyên tắc tự mình trở về thực hiện lấy tự tính giác ngộ ấy bằng phương pháp không-truy-tầm tức là không đối tượng hóa tự tính giác ngộ ấy để chạy theo đuổi bắt ("có ý đi tìm đạo thì không bao giờ thấy đạo"). Đây là những điều mà Trúc Lâm tâm đắc từ Tuệ Trung. Cuối

bài phú Cư Trần Lạc Đạo, Trúc Lâm có viết một bài kệ nhắc lại nguyên tắc không-truy-tầm này:

Cư trần lạc đạo hãy tùy duyên  
Hể đối thì ăn, mệt nghỉ liền  
Châu báu đầy nhà đừng chạy kiếm  
Vô tâm đối cảnh, hởi chi thiên?  
(Cư trần lạc đạo thả tùy duyên  
Cư tắc xan hề, khổn tắc miên  
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch  
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên).

Trúc Lâm cũng như Trần Thái Tông, rất ý thức về tính cách vô thường của cuộc sống và thao thức thực hiện sự giải thoát đạt đạo. Vua

đã biết dùng thì giờ trong mọi hành động cử chỉ nhỏ nhặt để tham quán thiền đạo. "Này quý vị, thời gian qua đi mau chóng, mạng sống con người trôi chảy không ngừng, tại sao hàng ngày biết ăn cháo ăn cơm mà lại không biết tham khảo ngay vấn đề cái chén cái thìa?" Vấn đề cái chén cái thìa, theo vị sư đối thoại với Trúc Lâm là những vấn đề "tầm thường" không cần đặt ra; nhưng chính thiền sư mà chứng ngộ được là do ở sự tham quán thường trực về những chuyện "tầm thường" như vậy. Sự giác ngộ đạt đạo, theo Trúc Lâm phải được thực hiện ngay trong kiếp này. Thân mạng và cuộc đời vô thường, đời người như một mùa xuân sẽ qua. Mùa xuân này

không thể để cho nó trôi qua một cách vô ích; tiếng kêu thiết tha rơi máu của con chim đồ quyền nhắc ta điều đó. Trúc Lâm đã mở đầu một buổi đại tham tại chùa Sùng Nghiêm bằng một bài kệ:

Thân như hơi thở qua buồng phổi  
Kiếp tựa mây luôn đỉnh núi xa  
Chim khuyên kêu rã bạo ngày tháng  
Đâu phải mùa xuân để luông qua  
(Thư hư hô hấp ty trung khi  
Thế tự phong hành lĩnh ngoại vân  
Đồ quyền đề đoạn nguyệt như trú  
Bất thị tầm thường không quá xuân)

Để thấy tư tưởng thiền của Trúc Lâm, ta hãy đọc vài đoạn văn đáp sau đây trong buổi đại tham chùa Sùng Nghiêm:

"Sư đánh một tiếng chùy nữa mà nói:

- Chẳng có ai cả sao? Hãy trình diện ra! Hãy trình diện ra!

Một vị tăng bước ra hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Chấp y lối cũ là sai lạc.

Lại nói tiếp:

- Thế nào là pháp?

Sư đáp:

- Chấp y lối cũ là sai lạc.

Lại hỏi:

- Rồi cuộc là thế nào



Sư đáp:

- Tám chữ tháo tung trao bạn hết[8]  
Còn chi đâu nữa để trình bày?

Hỏi tiếp:

- Thế nào là tăng?

Sư đáp:

- Chấp y lỗi cũ là sai lạc.

Hỏi tiếp:

- Rốt cục thế nào?

Sư đáp:

- Tám chữ tháo tung trao bạn hết  
Còn chi đâu nữa để trình bày?

Hỏi tiếp:

- Thế nào là một việc {con đường }hướng  
thượng ?

Sư đáp:

- Khiên nhật nguyệt trên đầu gậy.

Hỏi tiếp:

- Dùng công án cũ mà làm gì?

Sư đáp:

- Mỗi khi dùng đến, lại thành mới tinh.

Hỏi tiếp:

- Thế nào là sự trao truyền ngoài giáo điển?

Sư đáp:

- Con ếch ương không nhảy ra khỏi rổ được  
đâu.

Hỏi tiếp:

- Nhưng sau khi nhảy ra rồi thì sao?

Sư đáp:

- Theo chân ếch nhái, cát bùn vấy thêm.

Hỏi tiếp:

- Vì vậy mà nhảy không khỏi phải không?

Điều Ngự lớn tiếng:

- Anh chàng mù kia, có thấy cái gì {đây}  
không?

Hỏi tiếp:

- Tôn đức lừa gạt người ta làm gì?

Điều Ngự suy; vị tăng đang suy nghĩ thì bị  
Điều Ngự đánh. Vị tăng định mở miệng hỏi,  
Điều Ngự liền hét. Vị tăng cũng hét. Điều Ngự  
nói:

- Lão tăng nghe người hét một tiếng. Nhưng  
đồng thời lão tăng cũng hét một tiếng, thế là hai  
tiếng. Vậy người hiểu về hai tiếng hét đó thế  
nào? Nói mau! Nói mau!

Vị tăng đang suy nghĩ thì Điều Ngự lại hét  
một tiếng khác và nói:

- Hồn con chồn hoang kia, bây giờ ở tại đâu,  
hãy mau mau tịnh dậy!

Vị tăng làm lễ và rút lui.

\*\*\*

Một vị tăng khác tiến lên hỏi:

- Gia phong của các đức Phật quá khứ thì  
thế nào?

Sư đáp:

- Vườn rừng vắng mặt người chăm sóc  
Lý trắng đào hồng tự nở hoa.

Hỏi tiếp:

- Gia phong của các đức Phật hiện tại thì thế  
nào?

Sư đáp:

- Bãi biển đợi triều, mây nhớ nguyệt  
Thôn chài nghe sáo, khách trông nhà.

Lại hỏi tiếp:

- Còn gia phong các đức Phật vị lai?

Sư đáp:

- Bãi biển đợi triều, mây nhớ nguyệt  
Thôn chài nghe sáo, khách trông nhà.

Lại hỏi:

- Còn gia phong của hòa thượng thì sao?

Sư đáp:

- Áo rách đùm mây đun cháo sớm  
Bình xưa đựng nguyệt nấu trà khuya.

Hỏi tiếp:

- Ngày xưa, khi Linh Vân thấy hoa đào nở  
mà chứng ngộ thì thế nào?

Sư đáp:

- Hoa nở hoa tàn tùy tiết nọ  
Gió đông đâu biết, hỏi mà chi?

Hỏi tiếp:

- Giết người mà không nhú mắt thì sao?

Sư đáp:

- Thì can đảm lắm chứ sao!

Hỏi tiếp:

- Bạc tu hành lớn còn có thể rơi vào vòng  
tròn nhân quả nữa không?

Sư đáp:

- Miệng tựa huyết hồng phun Phật Tổ.

Răng như gươm bén đốn thiên lâm

Sáng kia chết xuống a tỳ ngục

Vội niệm "Nam Mô Quan Thế Âm!"

Hỏi tiếp:

- Cỏ trắng xuống đồng ngàn điểm tuyết

Ngô đồng oanh đậu, một cành hoa.

ý thế nào?

Sư đáp:

- Câu ấy vốn không phải như thế.

Hỏi:

- Vậy câu ấy vốn thế nào?

Đáp:

- Cỏ trắng xuống đồng, ngàn điểm tuyết

Ngô đồng oanh đậu, một cành hoa.

Hỏi tiếp:

- Đó là chuyện của ai vậy?

Sư đáp:

- Nên biết lò tiên nhiều kỹ thuật

Nhân đơn vốn cũng tử chu sa.

Hỏi tiếp:

- Pháp thân thanh tịnh là gì?

Đáp:

- Đục vàng rơi đồng phân sư tử

Chim cô trên đỉnh Thiết Côn về.

Hỏi:

- Kẻ học nhân này không hiểu?

Đáp:

- Giá vốn đã hay, hàng bán khó  
Khổ khi buôn bán phải lừa nhau.

Hỏi tiếp:

- Viên mãn báo thân là gì?

Sư đáp:

- Cánh bằng liêng cao, sức gió mạnh

Lê Châu linh hoạt, sóng thần xanh

Vị tăng lễ bái. Điều Ngự nói tiếp:

- Nguyên lai đầy đủ muôn công dụng

Vì người nghiêng lệch mới không thành.

Hỏi:

- Còn thể nào là thiên bách ức hóa thân?

Đáp:

- Hồ phong hoá vũ chi cho lẫm

Mực nước hiền nhà vẫn giữ nguyên

Vị tăng:

- Đúng như vậy.

Điều Ngự:

- Hào hán nhóm mây trên đỉnh núi

Bốn bên địa ngục vẫn chờ trông!

Vị tăng lễ bái rồi lui".

Ta thấy gì trong hai cuộc tham khảo trên? Trong cuộc tham khảo thứ nhất, Trúc Lâm tránh né không để cho người đối thoại tạo tác những ý niệm về Phật, Pháp, và Tăng. Chủ đích đồng với chủ đích của Tuệ Trung, nhưng phương pháp không trực tiếp và mạnh bạo như của Tuệ Trung. Dù Trúc Lâm có dùng gậy đánh (Tuệ Trung không bao giờ dùng đến gậy) và tiếng hét, nhưng lối diễn tả của vua bao giờ cũng có tánh ước lệ bình thường hơn lối diễn tả của Tuệ Trung. Trong cuộc tham khảo thứ hai, Trúc Lâm dùng rất nhiều hình ảnh thi ca để nói về tam thân (pháp thân, báo thân và ứng thân), và khuyên người đối thoại đừng với theo những khái niệm giáo lý: nhóm mây trên đỉnh núi không làm tiêu tan được cảnh nuốt viên đồng đỏ cháy dưới địa ngục!

(còn tiếp)

### Chú thích:

[6] (70) Khúc lục thẳng sàng: ghế này dùng trong thiền viện

[7] (71) Đệ nhất nghĩa đế: chân lý tuyệt đối.

[8] (72) Tám chữ tháo tung: Tám chữ là "sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc" (sinh và diệt sau khi đã diệt rồi, thì đó là niềm vui niết bàn). Kinh Niết Bàn, phẩm Thánh Hạnh, kể chuyện Bồ Tát Tuyết Sơn hy sinh cho quý La sát ăn thịt để được nghe nửa sau của bài kệ, gồm có tám chữ. Toàn bài kệ như sau:

"Chư hạnh vô thường

Thị sinh diệt pháp

Sinh diệt diệt dĩ

Tịch diệt vi lạc".

## BÓN MÙA



### Xuân

*thướt tha*

*của ngàn hoa*

*đơm cánh mai vàng*

*đang đong đưa trước gió*

*tình quê phảng phất thơm tho*

*nghe câu thương nhớ thân thờ niềm xa*

### Hạ

*nông nàn*

*huơng cốm mới*

*những khi mùa tới*

*nắng mưa trải ruộng đồng*

*sáo diều bay lượn tầng không*

*gợi lên thương nhớ ngập lòng tiếng ru*

### Thu

*ngả màu*

*xanh xám tối*

*buồn nghe điệu vơi*

*khi bóng thu vàng bay*

*mang theo đi những tàn phai*

*để ta thương nhớ thêm dài mệnh mông*

### Đông

*bay về*

*mưa tuyết trắng*

*hơi lạnh ngập tràn*

*bóng tối phủ không gian*

*ánh chiều vội vã khuất ngàn*

*cho lòng nhung nhớ chứa chan bốn mùa*

*Xuân nở ngàn hoa*

*Hạ khoe phượng đỏ*

*Thu trải lá vàng*

*Đông tàn tuyết trắng.*

thơ TRẦN ĐAN HÀ

# NGÔN NGỮ LOÀI VẬT

*Huệ Trân*



Dù loài người không nghe, không hiểu được tiếng nói của loài vật, nhưng chắc cũng không thể phủ nhận là mỗi loài đều có ngôn ngữ riêng của chúng.

Ai cũng có lúc từng nhìn thấy trên bầu trời trong xanh, bất chợt một đàn chim đông đảo bay tới, mà từng đôi cánh vỗ nhịp nhàng theo đội hình tuyệt hảo như các nghệ sỹ phải tập luyện nhiều lần trước khi trình diễn.

Đàn chim không chủ ý trình diễn cho ai xem nên chắc chúng không cần tập luyện. Vậy mà chúng bay rất có thứ tự, lớp lang. Do đâu vậy, nếu không phải là chúng bảo nhau bằng ngôn ngữ riêng? Chẳng hạn "*Hướng tây nam, hình vòng cung nhé.*" Đoán thế.

Loài kiến, loài ong thì còn rõ rệt hơn. Kiểm được thức ăn ở đâu, kiến gọi nhau, đi từng đàn, không hối hả, không chen lấn. Có ai thấy kiến chạy bao giờ chưa?

Xã hội ong thì vượt bậc. Ong thợ cả trăm con vo ve mà tuyệt đối theo lệnh ong chúa, chăm chỉ xây tổ, tạo mật, đâu ra đó. Chúng phải có ngôn ngữ, bảo nhau và tương kính nhau mới có một xã hội lý tưởng như thế chứ!

Rồi chó, mèo, voi, ngựa, thú trên núi, thú trong rừng... hình như loài nào cũng có ngôn ngữ riêng bảo nhau để sống trật tự, thương yêu và hòa thuận.

Đời chẳng có chi tuyệt đối nên cũng có khi bất đồng! Hai con chim có lúc mổ nhau, hai con sóc có lúc rượt nhau, hai con chó có khi gầm gừ, nhưng rõ ràng, khi bất đồng là chúng "*nói thẳng, nói thật.*" Hồn hào với nhau thì "*thượng cẳng chân hạ cẳng tay,*" xong rồi thôi! Chúng đều biết rõ, sự không bằng lòng nhau ở việc ấy, lúc ấy, không hề phải đối trá quanh co, bày mưu lập kế, ném đá giấu tay gì cả!

Cũng có khi loài vật cố truyền đạt ngôn ngữ của chúng tới loài người. Chẳng hạn như chuyện bầy chó hoang cứu được một hài nhi bị mẹ bỏ trong đồng bùn.

Tin từ làng Bihar hẻo lánh, thuộc quận Samastipur bên Ấn Độ. Một sáng sớm, dân làng bị đánh thức bởi bầy chó hoang chạy lảng xăng và cùn sủa inh ỏi. Khi thấy người, chúng chạy về hướng một ụ đất ở ngoài đồng, vừa chạy vừa ngoái cổ lại như có ý bảo người chạy theo. Dân làng ra tới ụ đất thì thấy ba con chó khác đang đứng đó, vẫn đang vừa cào đất nhè nhẹ, vừa sủa. Tới gần, dân làng thấy một trẻ

sơ sinh đỏ hồng, quần sơ sài trong miếng vải, còn đang thoi thóp thở. Em bé đã bị mẹ cố tình chôn dưới bùn, vừa được bầy chó hoang bới lên và chạy vào làng báo cho người biết!

Bầy chó phải có ngôn ngữ bảo nhau để cùng hoàn tất hành động từ bi đó chứ! Chắc chắn phải thế!

Loài trên bờ như vậy, loài dưới nước thì sao?

Hàng năm, có khoảng 30 con cá voi bị mắc cạn tại bãi biển Mahia. Thường thì khi tai nạn xảy ra, dân địa phương phải tiêm thuốc giết chúng vì lý do nhân đạo, bởi cá voi lớn quá, kẹt trong hốc đá hay khúc vịnh hẹp sẽ rất đau đớn rồi chết dần, người không biết làm sao giúp chúng trở lại biển. Nhưng một lần, hai con cá voi mắc cạn, tại góc biển phía đông North Island. Cư dân quanh đó gọi nhau, cố gắng đẩy chúng ra biển nhưng chúng lúng túng với cồn cát chắn phía trước và vách đá chênh vênh ven bờ, cứ đẩy ra chúng lại dạt vào.

Gần hai tiếng đồng hồ như thế, người và cá đều tuyệt vọng, mệt đừ thì bỗng một con Bottlenose Dolphin xuất hiện. Loại cá này thường bơi theo những người tắm biển mà ta hay gọi là cá heo mỏ dài.

Lập tức, hai con cá voi phát ra âm thanh và con cá heo đáp lại. Càng lúc âm thanh càng ồn ào, dường như chúng gọi nhau, rồi kể lể sự tình, bàn bạc cách cứu nhau. Sau đó, chưa đầy mười phút từ lúc cá heo xuất hiện, cư dân tại bãi biển Mahia đã sửng sốt chứng kiến con cá heo hướng dẫn hai cá voi mắc cạn ra khỏi cồn cát một cách nhẹ nhàng, an toàn.

Thảm họa sóng thần tại tỉnh Ibaraki, Nhật Bản cũng ghi lại biết bao câu chuyện cảm động, can trường, của tình thương, đã thể hiện giữa ranh giới sống, chết, trong đó có câu chuyện con chó không bỏ bạn. Câu chuyện này đã lấy nước mắt biết bao người đọc, trên khắp toàn cầu.

Một nhóm phóng viên, đến nơi hoang tàn sau thảm họa sóng thần để thu lại những hình ảnh trung thực nhất. Họ bất ngờ thấy một con chó lông trắng, đốm đen. Con chó trông bơ phờ, mệt mỏi! Làm sao nó có thể sống sót sau cơn sóng thần?

Nhóm phóng viên tới gần thì nó run rẩy, nhưng không chạy. Khi ấy, mọi người nhận ra, bên cạnh nó còn một con chó khác, nằm bất



động! Con chó đốm đen, nhìn người, rồi đặt một chân lên mình bạn, khễ gừ gừ như trấn an bạn, như cầu cứu người, như muốn cho người biết quyết tâm bảo vệ bạn, không bỏ bạn, dù trong tình cảnh tuyệt vọng cho cả hai.

Ngay khi ấy, tình thương đã là gạch nối giữa người và vật.

Tất cả những diễn tiến cảm động và kỳ diệu này đều được nhóm phóng viên ghi lại qua ống kính và gửi lên mạng lưới toàn cầu. Thông tin được họ cập nhật thật nhanh sau đó, là hai con chó đã được tiếp cứu và đang được chăm sóc tại một trại thú y gần nhất.

Một người xem hình ảnh và bài tường thuật ngắn về câu chuyện cảm động này, đã gửi ngay lời chia xẻ như sau: "Trung thành là tính từ đúng nhất để miêu tả về loài chó. Chúng xứng đáng với danh hiệu là bạn tốt nhất của loài người."

Ngôn ngữ của loài vật, chắc chắn thuộc loại "có sao nói vậy người ơi". Chúng ta có thể tin như thế khi nhìn vào đời sống đơn thuần của chúng.

Những tin tức mới đây về hàng triệu, triệu con cá, đã và đang tiếp tục chết trắng xóa suốt dọc biển miền Trung Việt Nam đã không kịp gửi lại lời nhắn của sự thật "Tại sao chúng tôi chết". Tôm, cua, sò, ốc ..... mọi loài dưới biển cũng đang theo cá mà tức tưởi ra đi! Chim bay trên trời cũng chết, vì tìm mỗi nơi cá chết! Chúng không kịp có cơ hội nói lên sự thật về cái chết của chúng.

Loài người đang quần quanh nói thay cho chúng, theo những gì loài người muốn nói!

Tiếc thay, ngôn ngữ loài người rườm rà, đời sống loài người rắc rối, xã hội loài người phức tạp nên mới có những câu như: "Ngôn ngữ vong thân", hay "Nghe vậy, thấy vậy, mà không phải vậy" từ đây mới nảy sinh ra bao nghi ngờ, đổ kỵ, tỵ hiềm, sân hận, đầu mối của oan gia nối kết!

Tất nhiên, bên những rườm rà, rắc rối, phức tạp này vẫn có biết bao tình người thể hiện đẹp đẽ bằng tinh thần Ba-la-mật, để đời còn ý nghĩa của "hoa trong rác, sen trong bùn"

Mỗi đời sống đều chỉ có ý nghĩa khi hiển dâng trọn vẹn đời mình. Như đời nền, chỉ thực sự tỏa sáng khi nó được cháy lụn tới phần bắc cuối cùng. Như đóa hoa, chỉ đẹp khi được nở trọn vẹn sắc hương rồi mới tàn rụng, Như giọt sương hân hoan lóng lánh ánh kim cương trên lá, dù mặt trời lên thì nó sẽ biến tan.

Chợt đâu, dòng Kinh Hiền Ngu hiện lên trong tâm tưởng 4 câu mà nhà thơ Phạm Thiên Thư đã thi hóa trong thi phẩm "Ngọc nở thành sen":

"Suối rừng cất tiếng nao nao  
Sương mừng, rơi ướt hạt nào long lanh  
Dưới bờ dương liễu rờn xanh  
Chúng Tăng tịnh mặc kinh hành đạp hoa"

Người và vạn hữu cùng Cho và Nhận, sẽ an bình và hạnh phúc biết bao!



## NHỮNG TUYỆT LỘ BUỒN

*Năm bảy lăm em bỏ  
Lìa xứ sở quê nhà  
Thập tử nhất sinh cũng  
Vượt biên giới đi xa*

*Còn anh thì kẹt lại  
Nghiến răng quận buốt lòng  
Bơi sống trên đất nước  
Mà như kẻ lưu vong*

*Không được làm hay nói  
Chỉ biết câm điếc mù  
Bao nhiêu thiên tài chết  
Đành như khờ như ngu*

*Việt Nam sâu tê tái  
Cái bệnh viện không lồ  
Triệu triệu người khuyết tật  
Bên nắm mồ hư vô.*

thơ TÂM NHIÊN

Màn đêm tăm tối đang phủ trùm xuống mặt đất trần gian. Phố núi Pleiku, đêm 03.05.2016

Bất giác, lại nhớ lời chia xẻ đầy thiên vị của một vị Thầy, trong một mùa An Cư. Nhìn đàn kiến lặng lẽ bò dài theo bờ tường chánh điện, Thầy nói: "Kiến thiên hành về nghe kinh đó. Chúng bảo nhau, các sư cô ở đâu về, tụng kinh hay quá, chúng ta phải lên tận nơi mà nghe cho rõ."

Thử lắng tâm xem, biết đâu ta cũng nghe được như Thầy, vì chắc chắn, loài vật nào cũng có ngôn ngữ riêng của chúng.

Ài dám bảo ngôn ngữ này cần văn chương họa mỹ mới thể hiện được TÌNH THƯƠNG và DỮNG CẢM?

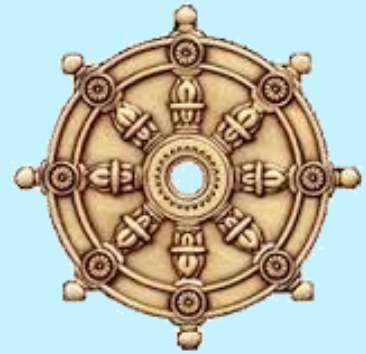
**Huệ Trân**

*(Tào-Khê tịnh thất, một ngày rục nắng)*

# THIÊN, TỊNH VÀ MẬT

## Ba pháp tu truyền thống của Phật Giáo Việt Nam

Thích Đức Trí



(tiếp theo kỳ trước)

### II. Tư tưởng Mật tông và Mật tông tại Việt Nam

#### Tư tưởng Mật tông

Chúng ta có thể khẳng định, tư tưởng Mật tông nền móng từ trong giáo lý Nguyên Thủy. Các vị tổ sư và luận sư Phật học triển khai con đường giải thoát từ chân lý Phật dạy thông qua giáo nghĩa Mật tông. Trong giáo lý Nguyên Thủy, vấn đề đọc chú, hay quán tưởng công đức Phật đều cảm ứng năng lực bảo hộ, giải thoát các chướng nạn trong đời sống. Kinh kinh Trường Bộ có thuật lại rằng, vì muốn bảo hộ cho đời sống cho người xuất gia và tại gia tu học, Tỳ-sa-môn (Vessavana) đã khuyến thỉnh Đức Phật dùng thần chú hàng phục chúng Dục Xoa, và được đức Phật cho phép.

Kinh chép như sau: “Bạch Thế Tôn, hãy học chú Atànàtiyarakkha (A-sá-nang-chi Hộ Kinh) để học được lòng tin, để các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tai họa... Thế Tôn im lặng chấp thuận.” [17] Một trường hợp khác, kinh Tạp A Hàm, bài kinh: Ưu-Ba-Tiên-Na, kể lại rằng: Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang ngồi thiền trong hang, bị một con rắn độc làm hại chết, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật về sự kiện này. Đức Phật nói một bài kệ dài, sau cùng đọc bài chú hàng phục rắn độc như sau: “Ô-đam-bà-lê, đam-bà-lê, đam-lục, ba-la-đam-lục, nại-tí, túc-nại-tí, chỉ-bạt-tí, văn-na-di, tam-ma-di, đàn-đế, ni-la-chỉ-thí, bà-la-câu-bế-ô-lê, ô-ngu-lê, tất-bà-ha” và Thế tôn dạy tiếp: “Này Xá-lợi-phất, nếu lúc ấy thiện gia nam tử Ưu-ba-tiên-na mà đọc bài kệ này, tụng những câu này, thì chắc chắn rắn độc không rơi trúng người và thân thể cũng không hủy hoại như đồng trấu nát.” [18]

Phải chăng, đây là năng lực thâm uyên của Pháp, về giáo Pháp, diệu dụng Pháp không thể nghĩ bàn mà các bậc tổ sư, các bậc giác ngộ triển khai tư tưởng Mật tông. Năng lực chú pháp trong Mật tông không chỉ yếu tố bảo hộ đời sống thông thường, mà phát huy theo mục

dịch thiên định, giải thoát.

Kinh điển Mật tông xuất hiện khá sớm tại Ấn Độ, nhưng chính thức thành tông phái từ thế kỷ thứ VII. Long Thọ (Nagarjuna, 600-650) được xem là vị tổ Mật Tông. Tiếp theo các thế hệ truyền thừa và có công phát triển giáo phái này là Long Trí (Nagabodhi), Kim Cương Trí (Vajrabodhi, 663-723), Bất Không Kim Cương (Amoghavajra, 750-774), Thiện Vô Uy (Subhakarasiṃha, 637-735), Nhất Hạnh (638-727, người Trung Hoa). Trên mặt giáo nghĩa thì được phân ra Chân ngôn thừa (Mantrayāna) và Kim cương thừa (Vajrayāna). Khi được truyền đến Trung Hoa, Mật Tông được kết hợp lý luận và thực tiễn, phát triển rộng rãi. Mật tông được truyền vào Tây Tạng và thế kỷ thứ VIII do ngài Liên Hoa Sinh (Padmasambhava), lập ra phái Ninh Mã (Nuyingmapa). Người có công cải cách và phát triển Mật tông Tây Tạng là Tông Khách Ba (1357-1419), người xứ Đông Bắc Tây Tạng, sáng lập tông phái Hoàng Mạo (Gelugpa). Tông Khách Ba đã tổng kết tư tưởng Mật tông với hai tác phẩm: Bồ đề thứ đạo (Lamrin Chenmo), tiêu biểu lối tu hiền giáo và Chân ngôn thứ đệ (Nagrim Chenmo), tiêu biểu pháp tu Mật giáo. Mật giáo được hình thành và phát triển vào giai đoạn thứ ba của Đại thừa tại Ấn Độ, sau hai thời kỳ Bát Nhã (Prajna) và Duy Thức (Vijnapti). Hai bộ kinh cơ bản của Mật giáo (cũng gọi là Mật tông) là *Kinh Đại Nhật* và *Kinh Kim Cương Đỉnh*. [19] Mật tông lấy tư tưởng Đại thừa Trung Quán Phái và Du Già Hành Phái làm cơ sở lý luận, biểu hiện pháp hành qua tụng thần chú, nghi lễ, tín ngưỡng về bốn tôn. *Kinh Đại Nhật* chủ yếu trình bày giáo nghĩa, các nghi thức và pháp hành, nghi thức cúng dường. Kinh Kim Cang Đỉnh, lấy Đại Nhật Như Lai làm thọ dụng thân, giải thích ý nghĩa “Ngũ Phật Hiện Ngũ trí”. Đại Nhật Như Lai ở trung ương (Chính Giữa) là bản thể pháp giới. A Súc Như Lai ở phương đông là Đại Viên Cảnh Trí. Bảo Sanh Như Lai ở phương nam là Bình Đăng Tánh Trí. Vô Lượng Thọ Như Lai ở phương tây là Diệu Quán Sát Trí. Bất Không Thành Tựu Như Lai ở phương bắc là Thành Sở Tác Trí. Giáo nghĩa Mật Tông, dùng Mandala là đối tượng

thiền quán và phát huy diệu dụng sự tu tập. Thái tạng giới Mandala là tánh thái tạng phát sanh mọi công đức; Kim cang giới Mandala biểu trưng trí tuệ viên mãn của Phật. Thái tạng là lý, Kim cang là trí. Yếu tố Mantra là thần chú, có sức mạnh siêu nhiên, chính nhờ đọc thần chú giúp tâm trong sạch và siêu thoát nghiệp lực. Mật Tông chân chánh là thực hành chú pháp để cầu gia trì và y vào đạo lý Bát Nhã để cầu khai ngộ, chủ trương "Tam mật tương ứng, sát na viên mãn". [20] Tụng thần chú gọi là "Khẩu Mật", quyết ấn và điều hòa thân gọi là "Thân Mật" và tâm ý quán tưởng gọi là "Ý Mật". Tam Mật thân khẩu và ý tương ứng tức thân thành Phật. Đó là triết lý căn bản của giáo nghĩa Mật tông.

### Mật tông Việt Nam

Kinh điển liên quan đến Mật tông xuất hiện khoảng đầu thế kỷ thứ 6. Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã dịch và phổ biến kinh *Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì* tại Việt Nam. Sự kiện phát hiện di tích trụ đá khắc bài chú Phật Đỉnh Tối Thắng Đà La Ni (*Usnisavijaya dharani*) tại Hoa Lữ, Ninh Bình, do Đỉnh Liên, con trai của Đỉnh Tiên Hoàng dựng năm 937. Về sau phát hiện thêm 14 trụ đá có khắc bài chú nổi tiếng này, chứng tỏ ảnh hưởng Mật tông đối với thời đại đó rất phổ biến. Các thế kỷ sau, thiền sư đã sử dụng thần chú. Như thiền sư Ma Ha Ma Ya (Mahamaya) nổi tiếng Pháp thuật, đã từng theo học với thiền sư Pháp Thuận. *Thiền Uyển Tập Anh* cũng có chép rằng: "Sư đến chùa Cổ Sơn thọ giáo với pháp sư Đỗ Thuận. Sư chuyên sám hối và trì đại bi tâm chú, trải qua ba năm chưa từng một chút biếng trễ bèn được Bồ Tát Quan Âm lấy nước sạch cảnh dương rưới lên đầu và mặt, mắt bỗng dưng sáng lên và lòng thêm thanh tịnh." [21] Thiền sư Đạo Hạnh (?-1117) cũng người giỏi pháp thuật thượng hành trì tụng chú đại bi. Trong *Thiền Uyển Tập Anh*, Lý Nhân Tông khen ngợi năng lực tu hành và khả năng pháp thuật của thiền sư Giác Hải và thiền sư Thông Huyền với bài thơ rất hay: "Giác Hải tâm như Hải. Thông Huyền đạo lại Huyền. Thần thông cùng biến hóa. Một Phật một thần tiên." [22] Thiền sư Vạn Hạnh (?-1025) cũng từng hành pháp Mật tông, *Thiền Uyển Tập Anh* chép: "Sư chuyên tập pháp quán tổng trì tam ma địa, lấy đó làm việc riêng của mình. Bấy giờ ông nói ra điều gì thiên hạ cho là phù sấm. Hoàng đế Lê Đại Hành hết lòng tôn kính sư." Sau khi Thiền sư Vạn Hạnh viên tịch, Lý Nhân Tông cũng thương tiếc và làm thơ tán: "Vạn Hạnh dung ba cõi, thật hiệp lời sấm xưa. Quê hương tên Pháp Cổ, Chông gậy trấn trần kinh đô." [23] Đó là bằng chứng cụ thể, ghi lại các thiền sư xưa kia đã từng tu pháp Mật tông.

Thời cận đại, có nhiều vị Tăng, Cư sĩ học giả đã có công tu trì và nghiên cứu, phiên dịch kinh sách để phát triển Mật tông tại Việt Nam. HT. Nhẫn Tế (1889), người tỉnh Bình Dương đã từng tham học với HT. Thích Tuệ Đăng, tại

chùa núi Thiên Thai, Bà Rịa Vũng Tàu, đã đi Ấn Độ và Tây Tạng theo học Mật tông. Từ năm 1928, ngài Khánh Hòa có thỉnh ba tạng kinh, có liên quan Mật giáo. Tiếp theo, có HT. Thích Thiên Tâm có dịch những bản kinh liên quan đến Mật tông, như *Kinh Đại Bi*, *Tôn Thắng Phật Đảnh*. Thầy Thích Đồng Hạnh dịch *Pháp Yếu căn bản Mật tông*, *Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni*. Ngoài ra, có cư sĩ Phi Bằng dịch *Thánh Cứu Độ Phật Mẫu Tu Trì Pháp*. Thầy Thích Quảng Trí và cư sĩ Huyền Thanh đang nỗ lực nhiều kinh điển liên quan Mật tông. Trước 1975, thầy Thích Viên Đức cũng âm thầm dịch thuật và sưu tập nhiều kinh điển Mật Tông v.v... Gần nhất có HT. Thích Viên Thành được ghi nhận là có tiếp nhận từ dòng truyền thừa Drukpa. Đây là dòng Mật tông có hệ phái truyền thừa, và lịch sử chép lại có nhiều vị đại sư chứng ngộ. Nhưng theo nhiều khảo cứu của một số học giả hiện nay nhận xét, tuy có một số cao tăng, học giả có tâm huyết nghiên cứu phát triển Mật tông, nhưng Mật tông Việt Nam chưa định hình thành một tông phái có hệ thống. Trong thiền môn nhật tụng Việt Nam và Trung Hoa thì thời công phu sáng có tụng Chú Lăng Nghiêm, Thập chú, chú Đại Bi, Ngũ Bộ Thần Chú, Lục Tự Đại Minh Chú, v.v... Đó là những chú đưa vào tu niệm hằng ngày. Ý nghĩa những chú đó có kinh điển giải thích rõ ràng, có nhiều lợi lạc trong đời sống tu tập, được chư Tăng và Phật tử đã thực hành lâu nay. Nhưng đó chỉ là một phần căn bản trích từ kinh điển Mật tông. Một người tu học chánh kiến, tụng kinh, tụng chú để giúp cho ba nghiệp thân, khẩu và ý thanh tịnh. Mục đích sau cùng của sự tu tập, chuyển hóa nghiệp thức, giác ngộ. Trong giáo lý Mật tông có nhiều cấp độ, triết lý rất thâm sâu, phong phú, cần hiểu giáo lý và có bậc thầy hướng dẫn thì sự tu tập mới mau thành tựu.

### III. Tịnh độ Việt Nam

Chánh tín về giáo nghĩa Tịnh độ

Tịnh độ là tông phái thuộc đại thừa Phật giáo, các tổ sư là những bậc thầy triết chân lý Phật dạy với nhiều phương diện đã xiển dương giáo lý siêu việt này. Kinh điển phổ biến là *Kinh Bát Chu Tam Muội*, *Kinh A Di Đà*, *Kinh Vô Lượng Thọ*, *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*, và *Vãng Sanh Tịnh Độ Luận*; còn có nhiều kinh luận khác trong văn hệ Đại thừa. Dù pháp môn này hình thành ở Trung Hoa, Việt Nam hay bất cứ quốc gia nào, vấn đề tu tập cũng lấy kinh luận làm tông chỉ. Đó là niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, niệm Phật chứng đắc Tam muội, đặc tuệ giải thoát. Niệm Phật chuyển hóa tâm thức, nghiệp chướng tiêu trừ, thăng hoa đời sống. Tịnh độ là pháp môn dễ dàng phổ cập mọi căn cơ, dễ tu hành. Nhưng thực chất nhận thức đúng về pháp môn này mới có niềm tin trọn vẹn. Chúng ta cần có tầm nhìn bao quát về kinh văn Nguyên Thủy và Đại Thừa để có quan niệm đúng về giáo lý Tịnh Độ. Những bài kinh

liên quan như *Kinh Đại Thiên Kiến Vương* [24], *Kinh Lôu Đài Của Nàng Chiên Đà La* [25], *Lâu Đài do Cúng Mè* [26], *Thiên Cung Sự* - trong Tiểu Bộ Kinh, v.v... Từ đó, mới biết pháp môn niệm Phật, quán tưởng công đức Phật, hay nương nhờ bốn nguyện Phật, hóa sanh hay vãng sanh trong giáo lý Đại thừa là đặc chất vi diệu của Phật bảo và Pháp bảo. Tịnh độ vận dụng đặc chất vi diệu đó mà mở bày hai yếu tố tự lực và tha lực trong sự tu tập. Nhận thức như thế, chúng ta tránh đi niềm tin mập mờ, thiếu căn cứ và có thái độ trân trọng triết lý thâm uyên của lý Tịnh Độ.

### Tịnh Độ Việt Nam

Vấn đề giáo lý Tịnh độ xuất hiện ở nước ta vào thế kỷ thứ V (TL), văn bản khảo cứu có tính thuyết phục là tác phẩm *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, tác giả Lê Mạnh Thát, có đề cập đến giáo lý Tịnh độ. Đó là hành trạng tu tập của Sa Môn Thích Đàm Hoảng tại miền bắc nước ta. "Cứ Cao Tăng truyện 12 tờ 405c19-28, cuộc đời và vụ tự thiêu của Đàm Hoảng như thế này: "Thích Đàm Hoảng, người Hoàng Long, nhỏ tu giới hạnh, chuyên sành luật bộ. Trong khoảng Tống Vĩnh sơ (420-422) nam dư Phiến Ngung, dừng lại ở chùa Đài, sau lại đến chùa Tiên Sơn của Giao Chỉ, tụng Vô lượng thọ và Quán kinh, lòng thề về An dưỡng." [27] Ngoài tài liệu này ra, Lê Mạnh Thát còn trích dẫn một đoạn văn từ *Vãng Sanh Tịnh Độ Truyện* do Giới Châu viết như sau: "Thích Đàm Hoảng, người Hoàng Long, hoặc nói là người Cao Bư của Quảng Lăng, trong khoảng Tống Vĩnh sơ, nam dư Phiến Ngung, dừng ở chùa Đài, sau đến chùa Tiên Sơn của Giao Chỉ. Ngoài việc đèn nhang, hoàn toàn không làm việc gì khác, chỉ tụng Vô lượng thọ và Quán kinh, không biết bao nhiêu lần. Hoảng mỗi lần niệm, nói: "Một thân muôn nỗi, niệm chính khó giữ, có thể nương niệm chính, mới sớm thấy Di Đà." [28] Theo *Phật Giáo Sử Luận* của Nguyễn Lang, Lý Thánh Tông, vào năm 1057 có một vị tướng đã phát tâm dựng một tượng Phật bằng đá cao hai thước rưỡi tại chùa Phật tích núi Lạn Kha, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh. Sau đó một trăm năm, có thiền sư Không Lộ (?-1141) tạo dựng tượng Phật A Di Đà tại chùa Quỳnh Lâm. Tác giả Nguyễn Lang cho rằng: "Trong câu chuyện về Không Lộ, ta nghe nói đến việc thiền sư tạo nên tượng Phật A Di Đà của chùa Quỳnh Lâm. Không Lộ mất vào năm 1141 nhưng trước đó 100 năm, vào năm 1057, một tượng Phật A Di Đà bằng đá cao hai thước rưỡi tây đã được lang tướng của vua Lý Thánh Tông thực hiện tại núi Lạn Kha, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tượng Di Đà này vẫn còn ở chùa Phật Tích, Bắc Ninh. Bia đá chùa Phật tích có nói về chuyện này." [29] Tịnh độ ảnh hưởng vào các Phái thiền, quan điểm Thiền tịnh song tu hay quan niệm niệm Phật thiền cũng có nhiều thiền sư áp dụng tu tập. Thiền sư Tịnh Lực (1112-1200), học trò của thiền sư Đạo Huệ

(?-1073), thuộc dòng thiền Vô Ngôn Thông tu chứng pháp Niệm Phật Tam Muội. *Thiền Uyển Tập Anh* chép: "Sư lên thẳng núi, cắt am cỏ, ở tu. Trong 12 thời, sư lễ Phật sám hối, thâm nhập được phép Niệm Phật Tam Muội." [30] Thiền sư Trần Thái Tông (1218-1277), khai thị về Pháp Niệm Phật, soạn lục thời sám hối, dạy về phương cách tọa thiền, đây là pháp tu hành thực tiễn. Chúng ta thấy, trong quá khứ vẫn đề tụng kinh và lễ Phật, niệm Phật đã được các thiền sư bắt đầu áp dụng hài hòa trong các tự viện. Tiếp theo, là phái thiền Nguyên Thiệu và phái Thiền Liễu Quán xuất hiện thì áp dụng giáo lý Thiền, Tịnh, Mật phổ biến trong thời khóa tu niệm cho chư Tăng và Phật tử.

Trong thời cận đại các chùa thuộc Bắc Tông phổ biến phương pháp tụng kinh và niệm Phật. Niệm Phật vãng sanh là hạnh hạnh của người xuất gia và tại gia. Các hành giả Tịnh độ còn sáng tác thơ, kệ tán dương công đức niệm Phật A Di Đà để khuyến tu. "Tu về Tịnh Độ sướng hơn tiên. Chẳng nhọc công phu, chẳng tốn tiền. Sáu chữ Di Đà tiêu nghiệp chướng, Một câu niệm Phật giải oan khiên." [31] Thực tế, các chùa Tịnh độ Việt Nam thường kết hợp Thiền, Tịnh và Mật. Đây là cách tu phổ biến, giúp cho việc phát triển Phật Giáo toàn quốc. Đặc biệt có các hội đoàn cư sĩ ra đời, chủ trương niệm Phật và làm từ thiện. Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội Việt Nam do ông Nguyễn Văn Bông (1886-1958) tỉnh Sa Đéc thành lập. Đến Năm 1935, ông được suy tôn là Tông Sư Minh Trí. [32] Hội Tịnh Độ Tông Việt Nam do ông Đoàn Trung Còn thành lập năm 1955, hội này phổ biến tinh thần ăn chay niệm Phật, tu phước, nguyện sanh Tịnh Độ. Về sau, có chủ trương thiền tịnh song tu, gọi là Thiền Tịnh Đạo Tráng do HT. Chơn Như Minh Trực (1895-1976) thành lập năm 1948 tại Sài Gòn. [33] Còn có pháp môn Tịnh Mật song tu do HT. Thích Thiền Tâm chủ trương tu học từ năm 1971 tại tỉnh Lâm Đồng. Nói tóm lại, từ xưa tới nay, pháp môn niệm Phật kết hợp được với pháp tu Mật, tu thiền một cách nhuần nhuyễn. Nhưng trên bình diện tinh ngưỡng quần chúng, pháp môn niệm Phật dễ được tiếp nhận. Ngoài ra, các tôn giáo khác ở Việt Nam, như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật Giáo Hòa Hảo đều áp dụng pháp môn niệm Phật và pháp môn thiền.

### IV. Kết Luận

Trong quá trình hình thành và phát triển Phật giáo, Phật tử Việt Nam tiếp nhận ba truyền thống Tu Tập chính yếu, đó là Thiền, Tịnh và Mật; nếu vận dụng tu tập đúng pháp thì có khả năng giải hóa mọi phiền não và được giải thoát. Ba pháp môn này là tư tưởng chủ đạo làm nên Phật giáo Việt Nam trong quá khứ cho đến hiện tại. Vấn đề thực hành, có hai cách lựa chọn: Một, người Phật tử có thể chọn một pháp môn duy nhất để tu niệm. Hai, có thể kết hợp ba phương pháp tu Thiền, Tịnh và Mật; nhưng phải chọn một pháp môn làm chính, hai

pháp môn kia làm phụ trợ. Nhưng dù tu theo Pháp môn nào, người Phật tử được ghi nhận trong kinh điển Nam Tạng và Bắc Tạng là: Thực hành ba pháp Quy Y Phật, Pháp và Tăng, tiếp nhận năm giới, mười giới, Bát Quan Trai giới... Về phương diện giáo Lý thì Đại thừa hay Nguyên Thủy đều có giáo lý Tứ Đế, Duyên Khởi, Tam Pháp Ấn, Giới Định Tuệ v.v... Điều chúng ta lưu ý, các pháp môn tu đều là phương tiện. Nhưng phương tiện nào mà chúng ta tu tập thích hợp, có sự an lạc, giải thoát thì nên áp dụng.

### Chú thích:

- (18) *Kinh Trường Bộ*, 32. Kinh A-Sá-Nang-Chi, HT. Thích Minh Châu dịch.
- (19) *Kinh Tạp A Hàm*, kinh 252 Ưu-Ba-Tiên-Na, Hán Dịch: Tống, Tam Tạng Cầu-Na-Bạt-Đà-La, Việt dịch: Thích Đức Thắng. *Hiệu đính & Chú thích: Thích Tuệ Sỹ*
- (20) *Tư Điển Phật Học*
- (21) Trần Sĩ Đông, *Nghiên cứu về Mật tông và Thiền tông*, Xuất xứ: Ngũ Đài Sơn Nghiên Cứu, 1993, Kỳ 3
- (22) Lê mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển hạ, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.107
- (23) Lê mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển thượng, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.78
- (24) Lê mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển hạ, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.113
- (25) HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ*, 1991
- (26) HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tiểu Bộ 2*, Lâu Đài Của Nàng Chiên-Đà-La, Nxb: Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, tr.119
- (27) Trần Phương Lan dịch, *Tiểu Bộ Kinh 2*, 1999
- (28) Lê Mạnh Thát, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa Huế, Chương X, Cuộc Đời Đàm Hoảng.
- (29) Lê Mạnh Thát, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa Huế, Chương X, Cuộc Đời Đàm Hoảng.
- (30) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1974, tr. 184
- (31) Kim Sơn, *Thiền Uyển Tập Anh*, Lê Mạnh Thát dịch, Nxb Đại Học Vạn Hạnh-Sài Gòn, 1976, tr. 78
- (32) Thích Huệ Đăng, *Tịnh Độ Chánh Tông Điển Giải*, 1993, tr.22 (sđd.. Trần Hồng Liên, Pháp Môn Tịnh Độ ở Nam Bộ Việt Nam)
- (33) Trần Hồng Liên, *Pháp Môn Tịnh Độ ở Nam Bộ Việt Nam*

## DƯỚI CÂY

1.  
*thế gian  
 như  
 con dế nhũi  
 trong túi càn khôn  
 như  
 hồn con cá nướng trui  
 bụi ngùi  
 nhờ em  
 đem hèm  
 nấu nồi cháo lú*

2.  
*trưa nghe chim chóc  
 nô đùa  
 đòi xem nhan sắc  
 bốn-mùa giai nhân  
 giết mình  
 tóc dựng mây phân  
 ngời lên ngã xuống  
 phân vân lạ kỳ*



## TẶNG EM

*tặng em tay trắng hai bàn  
 bên xanh sỏi đá  
 bên vàng lá khô  
 trèo lên ngọn đá xô bồ  
 lao xao chim chóc  
 ngậy ngô quay về*

*tặng em rũ rượi con mè  
 đêm hôm mộng寐  
 chán chê một đời  
 hôm nay  
 chào gọi em về  
 mai kia một nọ  
 ngủ nghe ngậm ngùi*

*tặng em ta tặng lá cây  
 một ngày hiu quạnh  
 đong đây quạnh hiu*

*thơ*

QUẢNG TÁNH TRẦN CÀM

# VƯƠNG NAN TỖ LƯU LY DIỄN RA LÚC PHẬT CÒN TẠI THẾ HAY KHI NGÀI ĐÃ NIẾT BÀN?

*Chúc Phú*

Sự kiện vua Tỳ Lưu Ly (Sanskrit: Virūdhaka - विरूढक; Pāli: Viḍḍabha) giết hại gần như toàn bộ dòng họ Sākya là một sự kiện hiện còn bằng chứng lịch sử[1], được nhiều nguồn tư liệu từ Hán tạng và Nikāya xác tín[2].

Trước đây, trong khi khảo cứu về sự kiện này[3], chúng tôi đã từng trần trở trước phát ngôn được cho là của Đức Phật, khi nói với vua Tỳ Lưu Ly: *Bóng cây của thân tộc Ta khiến cho Ta mát mẻ*[4]. Nguyên gốc bản Hán: 親族之蔭故勝外人[5]; kinh văn Pāli cũng ghi nhận: ñātakānam chāyā nāma sītala[6]. Liên hệ đến những quan điểm cơ bản của Đức Phật như vô ngã, bình đẳng, vị tha... thì dường như lập ngôn nêu trên chưa phản ánh đúng tầm mức một bậc vĩ nhân như Đức Phật.

Trong khi trầm tư về điều này, chúng tôi gặp được sự đồng cảm qua nhận định mang tính suy đoán của Giáo sư Hajime Nakamura: *Điều hợp lý là cuộc tàn sát như vậy đã xảy ra sau khi Đức Phật diệt độ*[7]. Cơ sở để nêu lên đoán định này của Giáo sư Hajime Nakamura là: Không có một tư liệu nào trong các tiểu sử Đức Phật, trong kinh điển và Luật tạng của Nikāya đề cập, mà duy nhất chỉ có một bản kinh Hán dịch[8]. Giáo sư Hajime Nakamura chỉ dừng lại ở đó mà không dẫn thêm tư liệu nào để củng cố cho quan điểm của mình. Theo ông: *Có thể người đời sau tưởng tượng những gì Đức Phật đáng lẽ đã làm nếu cuộc tàn sát như vậy đã thực sự xảy ra trong cuộc đời Ngài và vì thế huyền thoại phát sinh*[9].

Từ những trần trở của riêng bản thân cũng như những gợi mở mang tính đoán định của Giáo sư Hajime Nakamura, đã thôi thúc chúng tôi nỗ lực làm sáng tỏ tồn nghi này.

Tỳ Lưu Ly là con trai của vua Pasenadi và bà Vāsabha Khatṭiyā [10]. Cuộc thảm sát

vương tộc Sākya không thể diễn ra khi vua Pasenadi còn tại vị. Khảo cứu về cuộc đời và sự nghiệp vua Pasenadi đã chứng tỏ điều này.

## 1. Vương nạn Tỳ Lưu Ly không thể diễn ra khi vua Pasenadi còn tại vị

Quan điểm này được xây dựng trên cơ sở truyền thống đạo đức của vương triều Kolala nói chung và của vua Pasenadi nói riêng, cũng như sự hùng mạnh của quốc gia Kosala về nhiều phương diện.

Trước hết, vua Pasenadi là một trong những vị vua ở Ấn Độ được kinh điển Phật giáo, cụ thể là kinh *Tương ưng* dành nguyên một chương để ghi lại. Từ những sự kiện giản đơn trong đời sống, cho đến những ưu tư trong lãnh vực trị nước an dân, và cả những trao đổi Phật pháp giữa vua Pasenadi với Đức Phật... đều được kết tập lại, gọi là *Tương ưng Kosala*[11]. Phần lớn những nội dung tương tự như *Tương ưng Kosala* cũng được phát hiện trong kinh *Tạp A-hàm*, quyển 46, thuộc Hán tạng[12]. Ở đây, nếu như con trai mình là Tỳ Lưu Ly gây ra thảm họa cho vương tộc Sākya, thì ít nhất phải có một vài dấu hiệu liên quan đến sự kiện ấy xuất hiện trong chương này. Vương nạn Tỳ Lưu Ly không xuất hiện trong *Tương ưng Kosala* và bản kinh chữ Hán tương đương, điều đó cho thấy sự kiện này có khả năng xuất hiện về sau.

Thứ hai, vua Pasenadi thương mẹ, thương dân, quần thần, ngay cả kẻ thù và nghiêm mình trong phép nước. Sở dĩ như vậy có lẽ do Đức Phật đã từng dạy *Thập vương pháp* cho vua Pasenadi[13]. Đầu tiên, khi hay tin mẹ già quá vắng, vua Pasenadi rất đau khổ, ông ước như có thể thay thế cái chết của mẹ bằng một con voi báu, một thôn ấp hay một quốc độ... ông cũng nguyện làm[14]. Với dân chúng, khi trả lời câu hỏi của hoàng



hậu Malikā, đã chứng tỏ lòng thương dân của ông chất ngất: *Nếu có một sự biến dịch đổi khác xảy đến cho dân chúng nước Kāsi và Kosala, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sâu, bi, khổ, ưu não?*<sup>[15]</sup> Chuyện tiền thân số 195 ghi rằng, vua Pasenadi tha chết cho một trọng thần, vì đã lỡ phạm tội thông dâm với nữ nhân trong cung nội<sup>[16]</sup>. Và ngay sau khi đánh bại, bắt sống Ajātasattu, vua Pasenadi không những tha chết, mà còn gả con gái duy nhất Vajirī Kumārī cho vua Ajātasattu<sup>[17]</sup>, nhằm đem lại hạnh phúc và bình yên cho muôn dân trăm họ<sup>[18]</sup>. Đối với pháp luật, ông rất cẩn trọng và cẩn nhắc<sup>[19]</sup>, không để ai phạm phải án oan và cực kỳ sáng suốt trong phân xử<sup>[20]</sup>. Đối với những kẻ phạm trọng tội, vua Pasenadi đã dành cho họ những hình phạt nghiêm khắc và nặng nề<sup>[21]</sup>. Tất cả những điều đó của vua Pasenadi đã làm nên sự hùng mạnh của vương quốc Kosala.

Thứ ba, vương tộc Kosala có truyền thống kính tín Tam bảo, tử người chị ruột, con ruột của vua Pasenadi, thậm chí cả nghịch tử Tỳ Lưu Ly. Theo *Trường lão Tăng kệ* và *Trường lão Ni kệ*, vua Pasenadi có một người chị gái, tên là Sumanā, nguyện chăm nom mẹ già. Sau khi mẹ vua Pasenadi quá vãng vào tuổi 120, Sumanā phát tâm xuất gia và đã chứng đắc Thánh quả, dù tuổi đã già<sup>[22]</sup>. Tương tự, vua Pasenadi còn cho phép con trai Brahmadata xuất gia và Tôn giả này đã chứng đắc quả vị A-la-hán<sup>[23]</sup>. Không những vậy, nhằm giúp cho chị mình là Sumanā và chư Ni ở kinh đô nói chung có chỗ lưu trú, vua Pasenadi đã phát tâm xây một tinh xá gọi là Rājākārāma<sup>[24]</sup> (*Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là Vương Tự, hay Vương Lâm, người viết gọi là Chùa Vua*). Tinh xá này cũng xuất hiện trong *kinh Giáo giới Nadaka*, thuộc *kinh Trung bộ*, số 146. Trong một vài lần tham vấn Đức Phật, vua Pasenadi cũng dẫn theo Tỳ Lưu Ly, căn cứ vào những đối thoại Phật pháp giữa Tôn giả Ānanda và tướng quân Tỳ Lưu Ly trong *kinh Kaṇṇakatthala* đã cho thấy, Tỳ Lưu Ly cũng am hiểu Phật pháp phần nào<sup>[25]</sup>.

Như vậy, với truyền thống mộ Phật của gia đình, cùng với sự anh minh tài trí của vua Pasenadi, đã làm cho Tỳ Lưu Ly khó có thể làm một điều gì đó trái đạo trong khi vua Pasenadi còn nắm vương quyền.

## 2. Tỳ Lưu Ly chưa soán ngôi khi Đức Phật và vua Pasenadi đã 80 tuổi

Giữa vua Pasenadi và Đức Phật có nhiều cuộc hội kiến, tuy nhiên cuộc hội kiến tại thị trấn Medatalumpa dường như là một hội kiến cuối cùng giữa hai người.

Theo *kinh Pháp trang nghiêm*<sup>[26]</sup>, số 89 thuộc *Trung bộ*, trong một dịp tuần du tại thị trấn Nagaraka, được biết Đức Phật đang ở gần đó, vua Pasenadi đã bảo tướng quân Dīgha-Kārāyana chuẩn bị ngựa xe để đến thăm Đức Phật.

Trong cuộc hội kiến này, vua Pasenadi đã kể lại lòng kính tín Tam Bảo của mình, thể hiện qua tám việc đặc thù với Đức Phật, giáo pháp và đệ tử của Ngài, gọi pháp truyền thống (*Dhammanvaya*) của bản thân. Đặc biệt, trong điều cuối cùng, vua Pasenadi đã khẳng định một vấn đề quan trọng: *Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi*<sup>[27]</sup> (*Bhagavāpi āsītiko, ahamipi āsītiko*). *Kinh Trung A-hàm* cũng xác chứng: *Con đã tám mươi tuổi, Thế Tôn cũng tám mươi tuổi* (我年八十,世尊亦八十)<sup>[28]</sup>. Cổ thư Tây Tạng không những xác nhận cả hai đều 80 tuổi mà còn bổ sung thêm, Đức Phật và vua Pasenadi cùng sanh trong một ngày<sup>[29]</sup>.

Như vậy, khi Đức Phật và vua Pasenadi đều 80 tuổi, thì vương tử Tỳ Lưu Ly vẫn chưa soán ngôi vua. Theo *kinh Đại-bát Niết-bàn*, cũng trong năm đó, Đức Phật đã nhập Niết-bàn tại Kusinārā<sup>[30]</sup>.

Cũng cần nói thêm rằng, thời điểm vua Pasenadi và Đức Phật gặp nhau tại thị trấn Medatalumpa khi cả hai đã 80 tuổi, sự kiện này đã mở ra một thông tin mới: Đức Phật đã ghé thăm quê nhà lần cuối trước khi diệt độ ở Kusinārā. Vì lẽ, xét về khoảng cách và lộ trình, thị trấn Medatalumpa của vương tộc Sākya rất gần với Kusinārā và cách Vesālī rất xa, khoảng 375 dặm, theo cách tính của T.W. Rhys Davids<sup>[31]</sup>. Trong điều kiện giao thông ngày nay, khoảng cách đó có thể ngắn hơn.

Theo *kinh Đại-bát Niết-bàn*, sau kỳ an cư cuối cùng tại làng Beluvā ở thành Vesālī, Đức Phật tuyên bố ba tháng nữa, Ngài sẽ nhập Niết-bàn, và lúc này Ngài đã 80 tuổi<sup>[32]</sup>. Từ Vesālī, Ngài đã lần lượt đi qua các thành phố và thôn ấp như Bhandagāma, Hatthigam, Ambagama, Jambugama, Bhoganagara, Pāvā, vượt sông Kakuthā, sông Hiraññavatī và đến rừng sāla, thuộc Kusinārā Upavattana. Với những thông tin từ *kinh Đại-bát Niết-bàn* cho thấy, đây là chuyến du hành cuối cùng, và có thể *kinh Niết-bàn* đã lược bỏ địa danh Medatalumpa thuộc vương quốc Sākya, nhưng được *kinh Pháp trang nghiêm* đã kịp thời ghi nhận.

Trở lại sự kiện vương nạn Tỳ Lưu Ly, theo chuyện tiền thân số 465, *chuyện Sāla - cổ thụ cắt tường* đã bỏ tước phần tiếp theo câu chuyện ở *kinh Pháp trang nghiêm*. Trong thời gian vua Pasenadi vào hầu chuyện với Đức Phật tại Medatalumpa, tướng quân Dīgha-Kārāyana đã trộm lấy năm tin vật của vương quyền rồi sau đó trốn về Sāvattthī, tôn Tỳ Lưu Ly lên làm vua. Sau khi kết thúc cuộc hội kiến và bái biệt Đức Thế Tôn, nhận ra tình hình nguy cấp, vua Pasenadi không quay trở lại Sāvattthī, mà ngay tức khắc cùng với người hầu gái cưỡi ngựa thẳng đến Rājagaha nhằm tìm sự trợ giúp từ vua Ajātasattu. Do tuổi già, do khoảng cách quá xa<sup>[33]</sup> và khi đến Rājagaha thì trời tối nên công thành đã đóng, chính vì vậy vua Pasenadi đã đột ngột băng hà trong công quán trước

cổng thành Rājagaha[34].

Theo tác giả J.P.Sharma trong tác phẩm *Republics in Ancient India: Có thể Đức Phật cũng viên tịch sau khi vua Pasenadi mất tại cổng thành Vương-xá, và đứa con đam mê quyền lực (Tỳ Lưu Ly- người viết chú) thì không mạn mà lằm với những việc như tôn giáo hay thần minh*[35]. Để xuất quan điểm này, tác giả J.P.Sharma nhằm lý giải sự vắng mặt của đại diện vương triều Kosala trong tang lễ của Đức Phật.



### 3. Sự vắng mặt của đại diện vương triều Kosala và sự hiện diện của vương tộc Sākya trong tang lễ của Đức Phật

Theo ghi nhận của kinh *Đại-bát Niết-bàn*, trong những đại diện quốc gia, cá nhân và khu vực đến thỉnh cầu xá-lợi Phật về phụng thờ, không có đại diện nước Kosala[36]. Điều này được lý giải theo nhiều hướng.

Căn cứ vào lịch sử cho thấy, ở Sāvattihī có đến ba tinh xá lớn, đó là Jetavanārāma, Pubbārāma và Rājakārāma thường được Đức Phật quang lâm. Theo thống kê, Đức Phật đã trải qua 18 kỳ an cư tại Kỳ-viên tinh xá (Jetavanārāma), 6 kỳ an cư tại Đông Viên tinh xá (Pubbārāma)[37] và thi thoảng thuyết giảng tại tinh xá Vương Lâm (Rājakārāma)[38]. Gần nửa sự nghiệp hoằng pháp gắn liền với Sāvattihī, có hàng ngàn đệ tử xuất gia và tại gia tại nơi này, thế nhưng khi Đức Phật nhập Niết-bàn thì không có đại diện của nước Kosala tham dự tang lễ. Điều đó chứng tỏ, cùng thời gian này đã có một biến động quan trọng nào đó từ giai tầng lãnh đạo, hoặc đất nước Kosala đang diễn ra nội loạn bên trong. Ở đây, việc đại diện vương triều Kosala không có mặt trong tang lễ của Đức Phật tại Kusinārā, một địa điểm rất gần so với Rājagaha hay Vesālī; hơn nữa, tang lễ kéo dài tới bảy ngày, nhờ đó mà Trưởng lão Mahā Kasspa đã kịp về dự lễ hỏa táng[39]. Do vậy, có thể nói sự vắng mặt của đại diện vương triều Kosala tại tang lễ Đức Phật dường như báo hiệu một sự bất ổn về chính trị đang diễn ra trong nước.

Dựa trên kinh thư khả tín của Tây Tạng, tác giả W. Woodville Rockhill trong tác phẩm *The life of The Buddha and the early history of His Order*, đã bổ sung thêm, sau khi đăng quang vương vị, Tỳ Lưu Ly yêu cầu thái tử Jeta, người cùng với thương gia Anāthapiṇḍika xây dựng Kỳ-viên tinh xá, cùng cất quân chinh phạt vương quốc Sākya, thái tử Jeta đã thắng thắn chối từ nên bị Tỳ Lưu Ly giết hại[40]. Việc tiếm đoạt vương quyền cũng như ổn định tình hình đất nước, và cân nhắc thời gian thuận lợi để khởi binh[41]... cũng đòi hỏi nhiều sức lực và thời gian. Thế nên theo chúng tôi, Tỳ Lưu Ly chưa

thể phát binh chinh phạt vương quốc Sākya ngay sau khi lên ngôi.

Bên cạnh sự vắng mặt không rõ lý do của đại diện vương triều Kosala, thì sự xuất hiện của vương tộc Sākya thuộc khu vực kinh đô Kapilavatthu, trong khi phân chia xá-lợi đã đồng thời khẳng định: khi Đức Phật nhập Niết-bàn thì vương tộc Sākya không những đang sống bình yên,

mà còn tỏ ra cường thịnh, khi đem xá-lợi Phật về xây tháp phụng thờ tại kinh đô Kapilavatthu.

Liên quan đến việc phụng thờ xá-lợi của vương tộc Sākya tại Kapilavatthu, theo ngài Huyền Tráng trong tác phẩm *Đại Đường Tây Vực ký*, quyển sáu, đã ghi nhận rằng, có hai bảo tháp thờ xá-lợi các vị cổ Phật quá khứ trong thành Kapilavatthu[42]. Một tháp cao hơn 30 thước và một tháp cao hơn 20 thước, bên cạnh tháp đều có trụ đá gắn đầu sư tử ở phía trên, kèm theo minh văn do vua Asoka ghi lại. Ở đây, cần lưu ý rằng, xá-lợi là của các vị Phật quá khứ, nhưng bảo tháp và trụ đá thì do vua Asoka dựng nên[43]. Mặc dù mãi đến hôm nay, các ngành khoa học hữu quan vẫn chưa phát hiện được xá-lợi Đức Phật Sākya cũng như của các vị cổ Phật tại Kapilavatthu, nhưng những nền móng tháp và trụ đá do vua Asoka xây dựng thì đã được phát hiện.

Từ sự kiện vương tộc Sākya ở Kapilavatthu nhận một phần xá-lợi Đức Phật để xây tháp phụng thờ, từ sự vắng mặt của đại diện vương triều Kosala trong tang lễ Đức Phật tại Kusinārā, đã bổ trợ thêm cho quan điểm, khi Đức Phật viên tịch thì vương nạn Tỳ Lưu Ly chưa xảy ra.

### 4. Nhận định

Wương nạn Tỳ Lưu Ly là một sự kiện có thực, vì ngoài phương diện tư liệu, sự kiện này còn được ngài Huyền Tráng xác tín bằng những di chỉ lịch sử.

Căn cứ vào lịch sử của vương triều Kosala nói chung và sự nghiệp của vua Pasenadi nói riêng, dựa trên sự kiện vương tộc Sākya có mặt tại thời điểm phân chia xá-lợi Đức Phật, đặc biệt là y cứ vào thông tin Đức Phật và vua Pasenadi đều thọ 80 tuổi ở kinh *Pháp trang nghiêm*; sau thời điểm đó, Tỳ Lưu Ly mới tiếm ngôi Pasenadi, đã cung cấp nhiều bằng chứng khả tín để kết luận: **Tỳ Lưu Ly thâm sát vương tộc Sākya sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.**

Từ sự thực mà chúng tôi đã minh chứng, đã đồng thời phủ định những huyền tích liên quan đến việc Đức Phật đã ba lần ngăn cản cuộc tiến công của Tỳ Lưu Ly, cũng như Ngài không hề tuyên bố: *Bóng của thân tộc, mát hơn người ngoài* (親族之塵故勝外人)[44], vì đây là lập ngôn



của một tư duy hữu ngã.

### Ghi chú:

[1] Đại tạng 51 冊 No. 2087 大唐西域記, 卷第六, 劫比羅伐  
窣堵國.

[2] **Hán tạng:** 大正藏第 02 冊 No. 0125 增壹阿含經, 卷第  
二十六, 等見品第三十四; 大正藏第 04 冊 No. 0198 佛說義足經,  
卷下, 維樓勒王經第十六; **Nikāya:** Thiền viện Viên Chiếu, *Tích  
truyện Pháp cú*, tập 1, NXB.Tôn Giáo, 2012, tr. 339-357.  
**Nguyên tác Anh ngữ:** Eugene Watson Burlingame. *Bud-  
dhist Legends*. Vol 29. *Viḍḍhabha wreaks vengeance on the  
Sākyas*. Cambridge, Massachusetts: Harvard University  
Press, 1921. p. 30-46; Jataka, No.7; Jataka, No.465.

[3] Xem thêm bài viết của chúng tôi: *Nghiên cứu về  
vương nạn Tỳ Lưu Ly và cuộc thiên di đến Gandhāra của  
dòng họ Thích*. Xem, Thích Chúc Phú, *Biện chính Phật học*,  
tập 1, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.77-97.

[4] *Kinh Tiểu bộ*, tập 7, chuyện Sala - cổ thụ cát  
tường, Trần Phương Lan dịch, Viện NCPHVN, 2002, tr.648.

[5] Đại tạng 02 冊 No. 0125 增壹阿含經, 卷第二十六, 等見  
品第三十四.

[6] V. Fausboll. *The Jātaka together with its commen-  
tary being tales of the anterior births of Gotama Buddha*.  
Vol 4. London: Luzac and Company Ltd., 1963. p.152.

[7] Hajime Nakamura, *Đức Phật Gotama – Một tiểu sử  
căn cứ vào những bản kinh uy tín nhất*, Trần Phương Lan,  
dịch, NXB. Phương Đông, 2011, tr.566. Nguyên tác tiếng  
Anh: Hajime Nakamura. *Gotama Buddha*. Trans. Gaynor  
Sekimori. Tokyo: Kosei Publishing Co., 2002, p.380.

[8] Theo chúng tôi thì có đến hai bản kinh chữ Hán  
cùng đề cập: 1. *Kinh Tăng nhất A-hàm*, phẩm đẳng kiến,  
kinh số 2; 2. *Kinh Nghĩa túc*, quyển hạ, *kinh Duy-lâu-lặc  
vương*.

[9] Hajime Nakamura, *Đức Phật Gotama – Một tiểu sử  
căn cứ vào những bản kinh uy tín nhất*, Trần Phương Lan  
dịch, NXB. Phương Đông, 2011, tr.566.

[10] *Kinh Tiểu bộ*, tập 7, *Chuyện Sala - cổ thụ cát  
tường*, Trần Phương Lan dịch, NXB. Viện NCPHVN, 2002,  
tr.648.

[11] *Kinh Tương ưng bộ*, tập 1, Thích Minh Châu dịch,  
NXB.Tôn Giáo, 2013, tr.135-174.

[12] Đại tạng 02 冊 No. 0099 雜阿含經, 卷第四十六.

[13] *Kinh Tiểu bộ*, tập 5, chuyện Đại vương Ja-  
nasandha, số 468, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.193.

[14] *Kinh Tương ưng bộ*, tập 1, Thích Minh Châu dịch,  
NXB.Tôn Giáo, 2013, tr.167-168.

[15] *Kinh Trung bộ*, kinh *Ai sanh*, tập 2, Thích Minh  
Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2012, tr.138.

[16] *Kinh Tiểu bộ*, tập 3, chuyện *Hòn núi đẹp*, số 195,  
NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.652.

[17] *Kinh Tiểu bộ*, tập 5, chuyện *Lợn rừng của thợ  
mộc*, số 492, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.366.

[18] Trường hợp này của vua Pasenadi rất giống  
trường hợp của vua Trần Nhân Tông. Theo lịch sử, vương  
triều nhà Lý và nhà Trần đã từng đánh bại quân Chiêm  
Thành, nhưng để xây dựng tình hòa hiếu, vua Trần Nhân  
Tông đã gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm Thành  
là Chế Mân. Chế Mân sau đó đã dâng hai châu Ô, Lý làm  
vật dân cưới. Xem, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB.  
KHXX, Hà Nội, 2004, tr.96-97.

[19] *Kinh Tiểu bộ*, tập 3, chuyện *Lời giáo giới cho vua*,  
số 151, NXB. Tôn Giáo, 2015, tr.516.

[20] *Kinh Tiểu bộ*, tập 5, chuyện *Bạn - thù*, số 473.  
NXB. Tôn Giáo, 2015, tr.214.

[21] *Kinh Trung bộ*, tập 2, kinh *Pháp trang nghiêm*, số  
89, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB. Tôn giáo, 2012, tr.  
148. Xem thêm, kinh *Tương ưng bộ*, tập 1, chương 3,  
*Tương ưng Kosala*, phẩm thứ nhất, kinh *Triền phược*, Thích  
Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1993, tr.177-178; *Kinh Tiểu  
bộ*, tập 5, chuyện *Tiền thân Đức Phật*, truyện *Nhà tù trôi  
buộc*, số 201, Trần Phương Lan dịch, NXB.TP.HCM, 2001,  
tr.412-413.

[22] *Kinh Tiểu bộ*, tập 2, *Trường lão Ni kê*, chương 1,  
Sumanā xuất gia khi tuổi già, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.536.

[23] *Kinh Tiểu bộ*, tập 2, *Trường lão Tăng kê*, chương

6, Brahmadata, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.361-362.

[24] *Kinh Tiểu bộ*, tập 3, chuyện *Nhảy mũi*, số 155,  
NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.530.

[25] *Kinh Trung bộ*, tập 2, kinh *Kannakatthala*, số 90,  
HT. Thích Minh Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2012, tr.159.

[26] *Kinh Trung bộ*, tập 2, kinh *Pháp trang nghiêm*, số  
89, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2012, tr.145-  
151.

[27] *Kinh Trung bộ*, tập 2, kinh *Pháp trang nghiêm*, số  
89, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2012, tr.150.

[28] Đại tạng 01 冊 No. 0026 中阿含經卷第五十九, 法莊嚴  
經.

[29] Rockhill, William Woodville. *The life of Buddha  
and the early history of his Order*. London: Trubner & Co  
Ludgate Hill, 1884, p.114. Cf: *I am aged and decrepit,  
fourscore years old, and the Blessed One is aged and de-  
crepit, and (nearly) fourscore years old*. And p.16: *At the  
same time as the Buddha was born a son was born to King  
Aranemi Brahmadata of Sravasti; from the whole country  
being illuminated at the time of his birth he was called  
Prasenajit*.

[30] *Kinh Trường bộ*, kinh *Đại-bát Niết-bàn*, số 16,  
Thích Minh Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, tr.336.

[31] T.W. Rhys Davids. *Buddhist India*. London: T.  
Fisher Unwin Adelphi Terrace - New York: G.P Putnam's  
Sons, 1911, p. 17.n.1

[32] *Kinh Trường bộ*, HT. Thích Minh Châu dịch,  
NXB.Tôn Giáo, 2013, tr.303.

[33] Theo tư liệu của T.W. Rhys Davids, sau khi quy  
đổi đơn vị tính từ do-tuần (yojanas) qua dặm (miles), thì  
khoảng cách từ vương quốc Sākya đến Rājagaha khoảng  
450 dặm; đến Vesālī khoảng 375 dặm; đến Sāvattthī  
khoảng 50-60 dặm. Xem thêm, T.W. Rhys Davids. *Buddhist  
India*. London: T. Fisher Unwin Adelphi Terrace - New York:  
G.P Putnam's Sons, 1911, p.17.n.1

[34] *Kinh Tiểu bộ*, tập 5, chuyện *Sala, cổ thụ cát  
tường*, số 465, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.171.

[35] J.P Sharma. *Republics in ancient India*. Leiden:  
E.J. Brill, 1968. p. 184-185. Cf, *Probably the death of the  
Buddha took place after King Pasenadi had passed away at  
the gates Rājagaha, and his power-loving son was not very  
enthusiastic about things religious and theological*.

[36] *Kinh Trường bộ*, kinh *Đại-bát Niết-bàn*, số 16,  
Thích Minh Châu dịch, NXB. Tôn Giáo, 2015, tr.348.

[37] H.W. Schumann, *Đức Phật lịch sử*, Trần Phương  
Lan dịch. NXB.TP.HCM, 2000, tr.252-253.

[38] *Kinh Tương ưng bộ*, tập 2, Thích Minh Châu dịch,  
NXB.Tôn Giáo, 2013, tr.736.

[39] *Kinh Trường bộ*, kinh *Đại-bát Niết-bàn*, số 16,  
Thích Minh Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.344.

[40] Rockhill, William Woodville. *The life of Buddha  
and the early history of his Order*. London: Trubner & Co  
Ludgate Hill, 1884, p.121.

[41] Đức Phật nhập Niết-bàn vào khoảng đầu mùa  
mưa. Khi mùa mưa đến thì không thể khởi binh, đó là căn  
nhắc của vua Pasenadi và cũng là thực tế dụng binh thời  
xưa. Xem, *kinh Tiểu bộ*, tập 3, chuyện *Một năm đậu*, số  
176, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.593.

[42] Hai vị Phật đó là, 迦羅迦牟尼佛, tức Đức Phật Câu-  
lưu-tôn (Krakucchanda-buddha), và 迦諾迦牟尼佛, tức Đức  
Phật Câu-na-hàm-mâu-ni (Konakāmoni-buddha).

[43] Đại tạng 51 冊 No. 2087 大唐西域記, 卷第六, 劫  
比羅伐窣堵國. Nguyên văn: 城東南窣堵波, 有彼如來  
遺身舍利.前建石柱,高三十餘尺,上刻師子之像,傍記寂  
滅之事,無憂王建焉... 次北窣堵波,有彼如來遺身舍利,  
前建石柱,高二十餘尺,上刻師子之像,傍記寂滅之事,  
無憂王建也. Xem thêm, Étienne Lamotte. *History Indian  
Buddhism*. Paris: Institut Orientaliste Louvain La Neuve,  
1988. p. 227.

[44] Đại tạng 02 冊 No. 0125 增壹阿含經, 卷第二十六, 等見  
品第三十四.

**MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY**

**MÌ XÀO GIÒN**

**Vật liệu:**

- 2 vắt mì tươi - chiên từng nửa vắt một - deep fry sẽ phồng giòn, cho ra napkin để ráo.
- Rau củ tùy thích: Asparagus, 3 trái ớt ngọt vàng-cam-đỏ, nấm đông cô nấu nở với 2 cups nước và gừng xắt chỉ với muối, cải ngọt và cà rốt bào sợi lớn trụng qua nước sôi, nấm king oyster xắt chỉ
- Nước sauce: nước nấu nấm đông cô, nước tương light soy sauce, Yoshida gourmet sauce, dầu mè, 1 Tbsp bột năng với chút nước = hoà tan  
4 miếng đậu hủ chiên sẵn, cắt cọng dài và bằng độ ngón tay.

**Cách làm:**

Cho chảo dầu xào đậu hủ rám mặt, tiếp cho rau củ khi xộp hết và nóng thì cho nước sốt vào - nhắm sên sệt và nêm vừa ăn là được.

Rưới lên mì chiên giòn. Để ngò lên mặt. Ăn với ớt saté, nước tương và giấm đỏ.

**Chờ Nghiêm (Chay Tịnh Quán)**



**Chú thích:** Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

# MỘT Ý HƯỚNG DẪN ĐẾN ĐOẠN ÁI BẰNG TUỆ TRÍ: TRUYỆN THƠ TRƯƠNG THIỆN HỮU

Nguyễn Văn Sâm

Cách nay hơn 10 năm, trong một lần xem tủ sách sưu tập của một nhân vật chơi sách tiếng tăm ở Saigon trên đường Trương Minh Giảng cũ, tôi được cho phép sao chép quyển truyện Nôm ít người biết đến: Trương Thiện Hữu Diễn Ca 張善有演歌. Bản văn viết bằng thứ chữ Nôm cực đẹp trên giấy mỏng của thời xưa gồm 40 tờ, mỗi tờ 2 trang viết một mặt, xếp đôi lại theo cách thông thường của sách xưa - như vậy sách gồm cả thảy là 80 trang.

Sách còn tốt, không bị cuốn góc, không mất chữ, chữ Nôm viết chân phương, gần như là không sai lỗi, lời văn giản dị. Mỗi trang mặt bên lẽ trái đều có hàng chữ nhỏ Tịnh Minh hiệu 並明号 (tên hiệu là Tịnh Minh) Nguyễn Quang tự lục 阮光字錄 (Nguyễn Quang chép chữ) Tuy vậy ở trang cuối cùng của sách lại có hàng chữ Nguyễn Thành Quang tự lục 阮誠光字錄. Như vậy người dịch và viết chữ Nôm truyện này là ông Nguyễn Thành Quang 阮誠光 tự hiệu Tịnh Minh. Ở trang đầu và trang cuối sách, có hàng chữ: Kỷ Hợi niên, thập nguyệt, thập lục nhật 己亥年拾月拾陸日 nghĩa là chép sách năm Kỷ Hợi, tháng 10, ngày 16. Tương ứng với năm Kỷ Hợi dương lịch phù hợp nhất với thời gian sách được chép có thể là các năm 1839, 1899 hay 1959. Biết đại cương là như vậy nhưng chưa vội phiên âm và giải quyết vấn đề chung quanh tác phẩm vì nghĩ đây là bản dịch/mô phỏng một truyện bình dân của Trung Hoa, phần tư tưởng của cá nhân ông Tịnh Minh chắc không có là bao, chúng tôi xếp cất, để thời giờ làm chuyện khác.

Gần đây người bạn đồng song ở trường Đại Học Văn Khoa Saigon thời đầu thập niên 60, anh Nguyễn Hiền Tâm, nguyên Giáo Sư trường Trung Học Hoàng Diệu, Sóc Trăng trong thập niên 60, có ý muốn hai đứa cùng bắt tay vào việc phiên âm và sơ chú với lý do bảo tồn di sản Việt, tôi nghĩ đó là việc đáng làm. Bất cứ công trình nào lớn nhỏ đối với văn

học Việt, văn hóa Việt, vẫn đáng thực hiện nếu có thời giờ và có cái tâm. Và chúng tôi đã bắt đầu...

**Trương Thiện Hữu** là tên người, cũng có thể là tên một truyện, trong tập *Kim Cổ Kỳ Quan* theo sự mách của người viết bản Nôm ở đầu sách.

*Kim Cổ Kỳ Quan*, là một sưu tập các truyện lạ lùng của Trung quốc được lưu truyền vào thời Minh (1). Ở miền Nam nước Việt ta, những năm thật sớm của đầu thế kỷ 20 nhiều truyện trong tác phẩm này đã được dịch sang quốc ngữ đăng trên tuần báo *Nông Cổ Mìn Đàm* - do Cavanaggio và Lương Khắc Ninh chủ trương - dưới ngòi bút của Nguyễn Chánh Sắt. Trên tuần báo *Lục Tỉnh Tân Văn* - do Nguyễn Văn Của, Trần Chánh Chiêu, Lê Hoàng Mưu chủ trương - cũng có vài bản dịch của Nguyễn Dư Hoài. Những bản dịch đó đều bằng văn xuôi quốc ngữ đã in trên báo, ai có phương tiện đều có thể tìm đọc được (2).

Bản *Trương Thiện Hữu Diễn Ca* 張善有演歌 này trái lại bằng văn vần, dưới dạng chữ Nôm, viết tay, chưa từng được khắc in cho nên chưa bao giờ được giới thiệu (3).

Hơn trăm năm rồi, hơi chậm - nếu con số 1899 là chính xác, không phải là năm 1830 hay 1959 (4) - nhưng đã đến lúc ta, nếu trong khả năng, nên đưa bản văn này ra ánh sáng.

Điểm quan trọng của truyện này là tư tưởng Phật giáo, biến thái ra thành một hình thức thật bình dân cho phù hợp với căn cơ của đại đa số dân chúng.

Chuyện kể về vợ chồng Trương Thiện Hữu. tuy giàu có nhưng mộ đạo, ăn chay làm lành, xây cầu đắp lộ, giúp người nghèo khó neo đơn, thế nhưng cuối đời lại không như ý!

Giàu quá họ *chơi sang* làm hòn non bộ có lan can bịt bạc để trang hoàng. Trong làng có người Triệu Ngụy Yên nhà nghèo quá đói, mẹ chết không tiền chôn cất nên đến cạy ăn cắp vài chỗ bịt bạc đó đem bán lấy tiền lo ma chay cho mẹ với lời nguyện kiếp này không trả lại được nguyện kiếp sau đầu thai lên làm con

của chủ nhân ra công làm mọi trả món nợ mà mình buộc lòng vay.

Cách đó không lâu sau, trong một lần đi hóa trai xin tiền xây dựng lại ngôi chùa mình tu đã mục nát theo thời gian, một thầy sãi ở núi Đài Sơn tới nhà vợ chồng Trương Thiện Hữu và đã trú ngụ qua đêm. Vì tin tưởng gia đình này như một gia đình *cư sĩ thiện tâm* nên thầy sãi Đài Sơn gởi lại đây số vàng 100 lượng mình đã *tởi hành* được của bá tánh để tiếp tục công việc hóa trai. Trương Thiện Hữu sau đó có chuyện phải vắng nhà, người vợ thấy tiền tối mắt đã từ chối trả lại vàng cho thầy sãi và thề bán mạng rằng mình chưa từng biết thầy, cũng chẳng có nhận giữ của cải gì của thầy gởi. Thầy sãi bỏ cuộc về chùa và chết sau đó không lâu, vì thất vọng quá sức do bị nói ngược khiến công việc chính trang chùa không thành.

Năm nợ vợ Thiện Hữu sanh đôi đặng hai thằng con trai. Lớn lên, một tên phá tiền như nước của cha mẹ, một đứa chăm chỉ cặm cụi làm ăn để cha mẹ giàu khá thêm mỗi ngày. Quá tuổi trưởng thành chút ít thì cả hai đều lần ra chết tức tưởi, đột ngột. Và rồi người vợ của Thiện Hữu cũng bị bệnh mù mắt, qua đời sau đó không lâu. Trương Thiện Hữu ngạc nhiên và bất bình về biến cố bị thương xảy đến cho gia đình mình, trong khi ông đã ăn chay làm phước bao nhiêu năm nay, nên đâm đơn kiện lên Thiên Tào.

Một hôm nợ ông đương ngủ, hồn được rước xuống Âm Ty để nghe giải trình sự việc. Diêm Vương cho biết rằng người vợ bị mù và chết sớm do kết quả việc làm sai trái của bà, hiện đang đền tội ở Âm Ty vì tráo trở giựt dục và mắc lời thề dối. Rằng hai đứa con ông vốn là hồn hai người lạ, một người đến để trả nợ và người kia đến để đòi nợ. Thiện Hữu hỏi hai người con của mình - bây giờ đã trở lại thành Ngụy Yên và thầy sãi Đài Sơn - họ đều xác nhận là đúng như vậy nghĩa là chỉ nhìn Thiện Hữu như *thần phụ* của họ trên cuộc đời trần gian của kiếp vừa qua mà thôi, chẳng phải *hồn phụ* miên viên cho nên xuống Âm Ty rồi thì nhìn nhau xa lạ -.

Trương Thiện Hữu bấy giờ mới hiểu ra lẽ nhân quả của đời sống, mới hiểu cán cân tạo hóa và sự thúc đẩy để vận hành cuộc đời, ông không thắc mắc nữa về chuyện biến thiên bị thương của gia đình mình, chỉ xin được chia sẻ nhục hình cho vợ nhưng Diêm Vương phán rằng: *Tội vợ, vợ chịu, chồng về dương gian*. Ai làm nấy chịu. Hồn Trương Thiện Hữu vì vậy được đưa trở lại dương thế, nhập vào xác.

Thiện Hữu tỉnh lại, ngộ ra lý chúng nhân quả cùng sự báo ứng ở đời này và cả ở chốn Âm Ty khi con người già từ dương thế, nên quyết tâm dứt bỏ tất cả của cải thế gian, giao tài sản cho làng giữ gìn việc cúng kiếng dòng họ mình, ông phân phát tặng người nghèo khổ tất cả mọi thứ từ nhà cửa đến vật dụng. Với hai bàn tay trắng còn lại ông quyết

lòng theo Phật đạo mong thoát kiếp luân hồi vì đã hiểu ra lẽ tạm bợ vô thường báo ứng.

Người viết truyện này muốn truyền bá luật nhân quả một cách thiết để hiểu để gây ấn tượng đối với đại đa số dân chúng,

(1) rằng ở đời nếu ta làm việc gian ác thì sau này sẽ bị đày đọa,

(2) rằng *con cái ta* phá gia chi tử hay xây dựng sự nghiệp nhà đều vốn là những kẻ xa lạ chẳng liên quan gì với ta, ta thiếu nợ nó hoặc nó thiếu nợ ta lúc nào đó kiếp này hay kiếp trước chưa thanh toán xong,

(3) rằng trong đời sống nếu ta làm điều sai trái vô nhân dẫu cả gia đình đều hưởng lợi nhưng khi chết đi thì tội tình chỉ một mình gánh chịu.

Truyện, như vậy sẽ giúp người nghe dứt bỏ được sự ràng buộc *quá đáng* của cha mẹ đối với con cái, chấm dứt sự thương yêu vô lý hay lo lắng tích trữ của cải vốn liếng quá hơn sự cần thiết của chúng, khiến bậc cha mẹ cố những hành vi như con bệnh tinh thần không còn biết phân biệt giữa tình thương và sự nô lệ mù quáng.

Sự trình bày như vậy có ích lợi đối với đời sống hằng ngày, nhờ tạo được những con người làm lành bỏ ác nhưng cũng có thể tạo ra thái độ lãnh cảm, đứng đưng, xa lạ hay lợi dụng giữa những người trong gia đình nếu nghĩ không thấu đáo thông điệp mà người viết truyện muốn trao truyền.

Ta nghĩ thế nào về sự lỏng lẻo của gia đình, của xã hội khi mọi người đều tin tưởng rằng *con là nợ, vợ là oan gia, cửa nhà là nghiệp báo*? Ta nghĩ thế nào về hành vi đợ vợ *bán* con cho kẻ baoại nhân ở tuốt những xứ xa xôi mình không bao giờ biết? Ta nghĩ thế nào khi nhìn những người cha người mẹ nhắm mắt bất nhân tạo cho con cái quyền kế thừa vô lý ăn trên ngồi trốc trong khi dân đen cả nước biết bao nhiêu người tài giỏi hơn, kinh nghiệm hơn? Vô cảm với số phận con cái hay bất công với người chung quanh để xây dựng cuộc đời chúng một cách quá đáng đều là những thái cực không đúng với vai trò của con người trong xã hội mà gia đình là nền tảng và con người là cá thể tự do. Nghĩ rằng sự có mặt của con cái như là *kẻ nợ mình / kẻ mình nợ* sẽ tổn thương rất nhiều đối với kết cấu của gia đình và xã hội.

Phải hiểu sự ra đi của vợ con như là kết thúc một *quá trình sanh-hoại* tự nhiên của tạo hóa để ta không bị ràng buộc do lòng thương xót quá đáng với những hình bóng cũ, ta dễ dàng cắt ái với những gì đã qua mà sống cho cái còn lại hiện tại, giống như câu ca dao xưa đã dạy: *Cái cuộc lặn lội bờ cù/ Sống lấy chết giả như ta lấy mình* (5). Trương Thiện Hữu hiểu điều đó nhờ sự giải thích của Diêm Vương (6), ông không còn nhớ thương hay giận hờn hai đứa con của mình nữa, ông không lo lắng về sự bị trừng phạt của vợ ông nữa, ông chú tâm tu dưỡng cái tâm mình trong giai đoạn mới của cuộc sống: Tu đạo Di Đà, trở về với chân tâm,

với bản lai diện mục của mình.

Nhưng mấy ai dừng lại được ở chỗ phải dừng và thấy đường hướng đúng phải đi như Trương Thiện Hữu? Người đời nghe chuyện nhân quả về vợ con trong chuyện Trương Thiện Hữu phần nhiều chỉ nghĩ đến người mắc nợ mình mà không nghĩ đến phần mình mắc nợ người. Họ nghe chuyện vợ con nguyên ủy là người xa lạ kết hợp kiếp này vì duyên nghiệp, vì tương ứng, thì lắc đầu xua đuổi ý nghĩ đó, biện minh bằng lý do dòng máu, núm ruột, chần gối tình nghĩa... và họ có thể làm bất cứ chuyện gì, kể cả thật ác độc với người chung quanh, với cả dân tộc nếu cần, để đem lợi lộc về cho con cái, cho người phối ngẫu. Họ thấy Trương Thiện Hữu xả phóng cả gia tài thiên vạn của mình, còn lại tay không đi tu chắc sẽ chê là không tưởng, mê tâm... Và cái thông điệp của truyện gợi đến nhân gian bao nhiêu năm nay - đối với con cái phải phải phân phân thôi, luôn luôn nhớ câu *nhà đều ăn cả tội mang một mình*, không làm bậy, biết *đoạn ái, cát tình đúng lúc* để tu dưỡng thân tâm của mình - chắc gì đã có người nghe, người theo?

Xuất hiện cuối thế kỷ 19 lại nằm im trong tủ sách bấy lâu nay, tác phẩm này cũng chỉ ảnh hưởng tới số người Việt Nam có thể đếm được trên đầu ngón tay. Điều đáng nói là sự hiện diện của nó cho thấy lòng tin nơi lý nhân quả báo ứng của người thời đó. Điều truyện muốn nói đã nói, nói có hữu lý hay không chẳng thành vấn đề, truyện có thể tạo những phản ứng phụ hay không, người viết nguyên thủy cũng chẳng quan tâm, miễn là chuyện chớ được phần nào điều mình cần nói.

Trở về năm truyện này được dịch sang Nôm. Chúng tôi cần cứ trên cách dùng chữ của bản văn. Chẳng hạn như chữ *phân rày*, *thôi mới*, *vậy thì*, *vậy vay*, *vậy mà*, *bây giờ*, *một khi*.. những chữ này vốn không thêm nghĩa cho câu văn, được sử dụng nhiều lần để đưa đẩy câu văn khi bí văn.

Cách *nhập truyện* thiết là công thức, dùng *Trước bày đời vua*... giống như nhiều truyện Nôm xưa mà thời gian xuất hiện được coi như là thế kỷ 19 (7).

Cách *giới thiệu* nhân vật quan trọng bằng nhóm từ: *Có người quê ở*, cách giới thiệu nhân vật phụ thì: *có người cũng ở*... như là mấy chữ *có người* thực hiện được phép mầu biến hóa làm cho hiển hiển nhân vật ra trước mắt độc giả không bằng! *Bắt đầu một sự kiện* sắp được mô tả thì dùng chữ *rày*. *Chuyển tiếp* thì dùng *thoát đoạn*, *này đoạn* (8). *Cuối câu* nói thì thường câu viện chữ *vay*...

Ngoài ra tác phẩm còn có quá nhiều chữ có thể gọi là độc dụng của người miền cực Nam không thấy có mặt ở miền ngoài như *dòm nhãm*, *biểu đưng* (9), *xong xá*...

Những điều này hợp lại cho ta kết luận rằng bản văn phải ít nhất được viết ra trước *U Tinh Lục* của Hồ Biểu Chánh (10) và xuất hiện ở đồng bằng Cửu Long. Nói rõ hơn là dịch giả

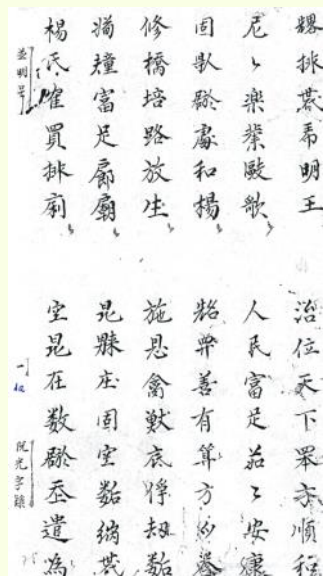
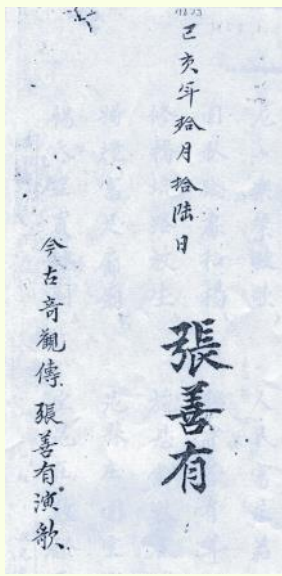
bản Nôm đã thấy lòng mình cộng hưởng với những điều viết trong nguyên bản và đã cảm khái lễ đạo lễ đời nên phóng bút viết nên tác phẩm này với mục đích đánh thức lòng của giới bình dân, thôn dã. Đầy mạnh hơn lý luận này, ta có thể kết luận mà không sợ sai rằng Tịnh Minh 並明 là một cư sĩ Phật giáo, một nhà sư nói theo nghĩa rộng của từ này viết ra vì mục đích truyện bá lễ đạo.

Diễn dịch lại bằng ngôn ngữ Việt, cách nói Việt, chắc chắn rằng ông Tịnh Minh Nguyễn Thành Quang muốn đem tâm sự ngậm ngùi của mình ngổ cùng ai hay!

Bạn đọc hỏi phần văn chương của truyện có gì lạ để ta phải nói tới?

Xin trả lời là người xưa dịch tác phẩm từ chữ Hán sang chữ Nôm đều là **sáng tác lại** về mặt kỹ thuật nên một chữ dùng gợi cảm, một đoạn mô tả tài hoa đều là công của người dịch. *Chinh Phụ Ngâm*, *Đoạn Trường Tân Thanh*, *Tý Bà Hành*, *Chức Cẩm Hồi Văn* (11), *Trường Hận Ca*, *Xích Bích Phú*... là những thí dụ. *Trương Thiện Hữu Diễn Ca* không được xếp vào các trường hợp trên nhưng một vài đoạn của truyện như đoạn tổng táng Ác Hữu, đoạn Thiện Hữu qui định phân phát gia tài... và những cáo trạng viết bằng thể tứ tự là những đoạn văn đáng chú ý về mặt văn chương.

Chúng tôi phiên âm, giới thiệu âu để hiểu phần nào tín ngưỡng người Việt Nam cuối thế kỷ 19, nghĩ rằng cũng không phải đã làm điều vô ích, trên mây!



Tựa và năm viết của truyện thơ Trương Thiện Hữu (trái); Trang đầu của truyện thơ Trương Thiện Hữu (phải)

Quyển sách chúng tôi cho xuất bản dưới tựa đề *Tội Vợ Vợ Chịu*, nhà xuất bản Viện Việt Học, CA, USA, 2013, mà bài này là Lời Vào Sách, phần phiên âm và chú thích là công trình chung của hai người bạn, có thể kể nhiều người

ít, nhưng đã đồng thuận trên mọi chi tiết, bài viết này riêng một mình tôi, Nguyễn Văn Sâm, chấp bút và chịu trách nhiệm về những bất cập nếu có.

Victorville, CA 10-10-2010

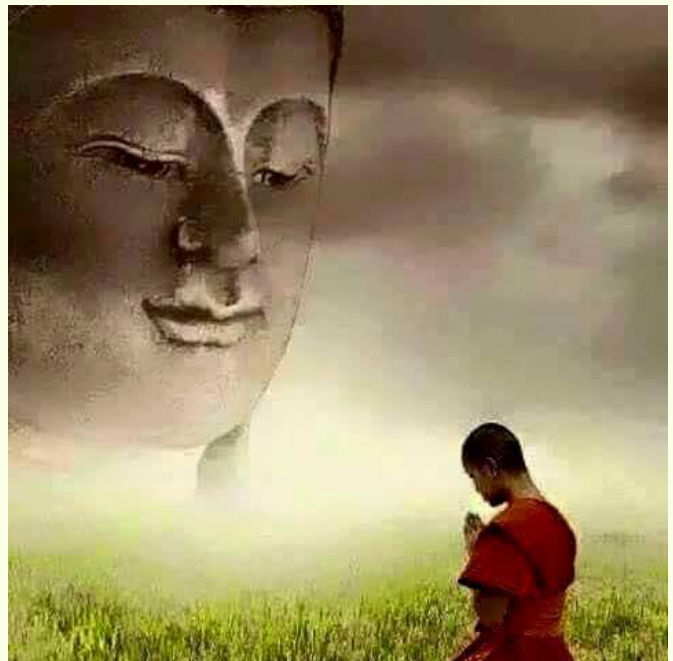
(Viết theo bản phiên âm của Nguyễn Văn Sâm và Nguyễn Hiền Tâm)

Mọi góp ý về bài này và quyển **Tội Vợ Vợ Chịu** xin gửi về [samnguyen20002002@yahoo.com](mailto:samnguyen20002002@yahoo.com))

- 1) Dò hết các truyện trong *Kim Cổ Kỳ Quan* vẫn không thấy chuyện *Trương Thiên Hữu*, chưa biết giải thích như thế nào về điều này! Có thể là sách *Kim Cổ Kỳ Quan* có nhiều bản in khác nhau mà điều kiện của chúng tôi chưa đủ để biết hết.
- 2) Tuần báo *Nông Cổ Mìn Đàm* 農賈茗談 ở Việt Nam, một Thư Viện ở Sài Gòn có 150 số đầu tiên, ở Pháp còn giữ lại được những vi phim hơn một chục năm của tờ tuần báo này, qua nhiều đời chủ bút.
- 3) Chúng tôi không biết gì về ông Tịnh Minh Nguyễn Thành Quang 並明阮誠光, chỉ biết ông là người Nam do cách viết chữ Nôm của ông và nhiều chữ dùng rắc rối Nam kỳ, quý vị đọc vào truyện sẽ thấy điều này. Riêng hai câu thơ rất được phổ biến ở Miền Nam được ông viết ở trang 40a rất đáng chú ý: *Mượn coi thời chẳng tiết chi* 嘜·時庄節之/ *Coi rồi không trả mất công đi đòi* 耒空呂跌功移隊. Chữ 節 phiên âm ra phải là *tiết*, như cách viết chánh tả thường thấy ở Miền Nam, đặc biệt lập đi lập lại nhiều lần trong tác phẩm *Tuồng Ông Giacob và Các Con*, nhà in Jh Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn 1927.
- 4) Con số 1959 bị loại vì thời này người dịch truyện Trung Hoa ra vẫn vẫn đã khó có, viết bản dịch bằng chữ Nôm, trên giấy mỏng là việc có xác xuất quá nhỏ, coi như không thể xảy ra. Con số 1839 không hữu lý vì thời ấy Lục Tỉnh là vùng đất mới, chưa ổn định về nhiều mặt việc dịch/mô phỏng một tác phẩm theo cách *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du ngoài Bắc hay *Song Tinh Bất Dạ* của Nguyễn Hữu Hào chưa có điều kiện để thực hiện. Con số 1899 vì vậy khả thể được chấp nhận nhất.
- 5) Trích *Quốc Phong Đệ Nhất Thi* 國風第一詩, bản Nôm, in trong quyển *Sáu Truyện Thơ Nôm đầu thế kỷ XX*, do GS Nhan Bảo và TS Thích Đồng Văn giới thiệu, xuất bản ở Sài Gòn năm 2006. Trong sách này chữ [谷鳥] được phiên thành *cóc*, chúng tôi đọc *cước* là âm địa phương của *quốc*. Câu này cũng có chữ *giả* là âm địa phương của *trả*.
- 6) Vai trò Diêm vương ở đây ta nên hiểu như biểu tượng, có thể là một nhà sư, một

người am hiểu Phật đạo, một thiền giả, một cư sĩ, một học giả, một nhà văn... giải thích có uy tín, đây chứng cứ thuyết phục để người nghe dứt bỏ lòng oán trách mà tìm về đạo. Người xưa sáng tạo ra vai trò Diêm Vương trong truyện để tạo tối đa niềm tin cho người đọc. Tới giờ đây cái điểm mạnh một thế kỷ trước có thể đã trở thành nhược điểm nhưng nhiệm vụ và kết quả tích cực của sự giải thích thì vẫn còn đó.

- 7) Thơ Lý Công: *Trước bày đời vua Bửu Vương*. Thơ Tống Trân: *Trước bày đời vua Thái tông/ Trị vì thiên hạ Tây Đông an hòa...*
- 8) Giống như truyện Tàu chuyển tiếp qua đoạn khác, nói sang hoạt động của nhân vật khác thì dùng: *Đây nói về...*
- 9) Ca dao ở Miền Bắc: *Con đã bảo mẹ rằng đứng. Mẹ ấm mẹ ở mẹ bê ngày vào..*
- 10) Cụ Hồ Biểu Chánh viết tiểu thuyết bằng thơ lục bát *U Tình Lục* vào thập niên đầu của thế kỷ 20 trước khi viết thiết nhiều tiểu thuyết bằng văn xuôi để trở thành nhà văn hàng đầu về mặt này của Miền Nam tiền bán thế kỷ 20.
- 11) Ít người biết, xin trích thiết ít: *Lang quân từ lãnh chiếu trời,/ Quét thanh ong kiến phủ nơi biên thù/ Cúi đưa bên đong lòng qui/Hà kiều muôn dặm nguyện ghi một lối/ Bang sâu đẫm ướt khăn hồng/ Cúi dâng lời tặng nên công trọng niềm/ Trăm năm phận cải duyên kim/ Chớ sao biển ái mưa chìm nguồn ân....* So sánh với nguyên bản ít tình cảm hơn nhiều: *Quân thừa hoàng chiếu an biên thú/ Tống quân tống biệt hà kiều lộ/ Hàm bi yếm lệ tặng quân ngôn/ Mạc vong ân tình cánh trường khứ.* (Trích bản Nôm sưu tập của NVS.)



# thơ DU TÂM LÃNG TỬ



## ĐẤT NƯỚC TÔI (II)

Đất nước tôi  
Vốn nhiều khốn khó  
Lạc hậu, đói nghèo, dịch họa, thiên tai...  
Nhưng xem ra vẫn còn chưa đáng ngại  
Họa từ con người mới khốc hại biết bao  
Khi lòng tham vô độ  
Khi sân hận, ngu si  
Chỉ biết lợi, quyền trở nên công trị  
Nào sá gì dân với nước  
Thì nói chi đến vạn vật muôn loài  
Rừng núi, đất đai tài nguyên đã cạn sạch rồi  
Giờ đến lượt sông ngòi, biển cả  
Chìm trên trời, cá dưới nước chẳng còn đường sống  
Và muôn loài mắc phải họa diệt vong  
Vạn tiếng bi thương mà chúng chẳng động lòng  
Đã lại thế còn ra tay động thủ  
Lũ mặt người lòng lang dạ thú  
Hòng che mặt trời bằng ngu tối bạo tàn sao?  
Tạo nhân ác sẽ có ngày quả báo  
Nỗi oan ức của người và vạn vật  
Ngày qua ngày chồng chất đau thương  
Tương lai nào cho đất mẹ quê hương?



## CÓ NGHĨA LÝ GÌ

Cuộc lữ trăm năm này  
Đòi ít nhiều va chạm  
Hơn thua chi cõi tạm  
Mai chi đâu, em đâu?

## THƯƠNG MẮT EM SÀU

Mắt em sàu xanh xao  
Ta rong rêu một đời  
Thương em tình lận đận  
Nhìn nhau chưa một lần

Mắt em sàu xa xưa  
Thương bao nhiêu cho vừa  
Nỗi đau từ cổ độ  
Vẫn đọng đầy tim tôi

Mắt em sàu vô ngôn  
Bao sóng dậy trong hồn  
Mà đường như bất động  
Tình ta vẫn chưa tròn

Mắt em sàu mộng lung  
Ta nuôi mộng tình chung  
Sưởi ấm đời du tử  
Quán trọ giữa muôn trùng.

Atlanta, May 2016

# Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



## ÔNG VẤN ĐANG THEO

Năm ấy quốc gia mở cuộc hội thảo Phật Giáo lớn chưa từng có, đại biểu bốn phương về tham dự đông đảo; nhiều vấn đề được bàn đến: các truyền thống, giáo pháp... Có một vị giáo sư duy vật tuyên bố:

- Bát Chánh Đạo và nhiều thứ cũ kỹ, không phù hợp với cuộc sống hiện tại.

Tiếng xôn xao phản đối vang lên nhưng chưa ai có ý kiến gì. Hòa thượng hỏi ông ấy:

- Có phải ông thường xuyên tư duy, phát biểu đúng và làm ăn chân chánh chứ?

Tay giáo sư hờm hĩnh:

- Dĩ nhiên là vậy rồi.

Hòa thượng cười:

- Ông vẫn đang theo Bát Chánh Đạo đó!

## CỘNG SINH

Quốc độ vào thời mạt, chủ nghĩa kim tiền ngự trị. Ai ai cũng lo kiếm tiền bằng mọi cách; đạo đức suy đồi, tài nguyên cạn kiệt, môi trường phá hủy... muôn loài cũng bị họa lây. Các chú cá trong đồng ngoắc ngoài kêu gọi đồng loại cùng lên tiếng đòi quyền sống, không ngờ phần lớn thờ ơ. Các loài thủy tộc biển ý mình ở đại dương dè bìa:

- Đã có chủ nhân lo, hơi đâu lo việc bao đồng!

Một ngày kia bọn người tham, ác xạ thẳng chất thải độc ra biển, thế là bao nhiêu loài chết thảm. Những con còn sống sót khóc than:

- Cùng cộng sinh nhưng vì thiếu cần nên ra nông nổi này!

## A PHÒ

Hàng xóm có A Chày vốn chất phác làm ăn, năm rồi trúng mảnh nên đầu năm sang rủ mẹ đi lễ vía để tạ ơn, mang theo heo quay, rượu tây, áo mảo... để cúng:

- A Phò (\*) linh lắm, cha vay tiền thánh nên làm ăn khấm khá. Bà đi với ngộ đi!

Nó thấy vậy khuyên mẹ:

- Minh quy y tam bảo rồi, đừng theo quỷ thần đã vậy còn sát sanh nữa chứ.

Mẹ nó nói:

- Mẹ biết! Mẹ chỉ đi chơi hội thôi. Mẹ đâu có vay-trả gì với A Phò. Và lại lảng giềng nên đi chung cho vui chứ nào phải hăng thuận việc sai.

Nó thấy thương và phục mẹ vô cùng.

\*\*\* A Phò: tiếng Quảng để chỉ Mẫu, Đức Bà, Bà Chúa...

## THÊM NGƯỜI ĐỂ THƯƠNG

Sáng sớm trong quán cà phê có hai ông già ngồi tâm sự:

- Thằng con tui ngu quá! Ai đời trai tơ mà cứ nằng nặc đòi lấy nạ giòng, chưa gì mà hại con của cô ấy gấp tội cứ gọi là ông nội. Tui giận hết sức!

Ông kia cười:

- Khi không có thêm người để thương và được thương, cứ sao còn buồn phiền?

- Rảnh quá ha, đồ quờn!

- Có gì mà quờn ông ơi! Nhờ duyên có sâu xa, quả đã chín muồi thì chấp nhận với đời. Và lại con ông hạnh phúc thì cứ gì ông bày đặt thị phi.

## NGƯỜI NÀO VIẾC NẦY

Đại Bàng làm tổ lưng chừng vách núi, bay giữa hư không, giống bảo coi thường trông thật oai hùng. Sơn Ca thấy vậy hăm mộ và thấy tủi thân:

- Cậu thật phong độ! Ông trời phú cho cậu bao nhiêu là ưu điểm!

Đại Bàng khẳng khái nói:

- Đại Bàng làm việc Đại Bàng nhưng cậu lại có giọng ca trong trẻo tốt không làm sao bằng được, hãy dùng hết khả năng của mình là tốt rồi, hà cứ gì phải so với ai?

Sơn Ca vui quá bắt chợt nó cất tiếng hót vang cả góc rừng.

## BẰNG MƯỜI HẠI NHAU

Chú cá voi con nổi tiếng thông minh, diễn giỏi. Người ta còn bảo nhau nó có thể hiểu tiếng người. Nó đang dùng đuôi tạt nước vào khán giả, nhiều tiếng hét phấn kích vang lên. Có chú bé đến sát bể kiếng triu mến nhìn nó thì thầm:

- Cậu to thế kia mà cái bể nhỏ vậy sao đủ chỗ cho cậu chơi?

Nó chột buồn thút thít:

- Tổ nhớ mẹ, nhớ đại dương lắm! Người ta đang cầm tù tổ mà!

Mắt chú bé ươn ướt dùng bàn tay vuốt ve nó qua làn kiếng dày cộm an ủi:

- Tổ mong họ sẽ sớm trả cậu về với đại dương.

STEVEN N  
Georgia, May 2016



# GHPGVNTNHK, CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO NAM CALIF. TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2560 TRANG NGHIÊM, VIỄN MÃN

Bình Sa

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



Fountain Valley (VB) -- Tại Mile Square Park, thành phố Fountain Valley, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Nam California đã long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản PL. 2560 – 2016 vào Chủ Nhật, ngày 01 tháng 5, 2016.

Hơn 300 Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni trong số có chư Tôn Đức Tăng thuộc các quốc gia bạn cùng hàng ngàn đồng hương tham dự Chư Tôn Giáo Phẩm có: Đại lão HT. Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK); HT. Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành (HĐĐH) GHPGVNTNHK; HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH GHPGVNTNHK; HT. Thích Nguyên An, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐH GHPGVNTNHK; HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch HĐĐH GHPGVNTNHK; HT. Thích Nguyên

Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH GHPGVNTNHK; HT. Thích Viên Thành, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghi Lễ Tăng Đoàn GHPGVNTN/Hải Ngoại; quý HT. trong và ngoài HĐĐH GHPGVNTNHK như HT Thích Huệ Minh, Thích Thông Hải, Thích Giác Sĩ, Thích Thiện Long, Thích Tâm Vân, Thích Như Minh, Thích Minh Mẫn, Thích Nhật Huệ...

Điều hợp chương trình Đại Lễ Phật Đản do Thầy Thích Hạnh Tuệ, Thầy Chánh Định cùng các MC. Minh Phượng, Đỗ Tân Khoa, Đỗ Thanh.

Từ lúc 8 giờ sáng đoàn xe diễu hành trên các đại lộ Westminster, Magnolia, Bolsa, Ward và sau đó vào thẳng khu lễ đài. Trong lúc này các em Gia Đình Phật Tử cũng như quý Phật tử trong đoàn cung nghinh đã sắp thành hai hàng để cung đón chư tôn Giáo Phẩm quang lâm Kỳ Viên Tịnh Xá để đồng hương Phật tử cung dường trai tăng và thọ trai.

Sau đó, chư tôn đức trở lại vị trí trước lễ đài để chuẩn bị cho nghi thức lễ Khánh Đản.

(Photos by hoavouu.com)





Mở đầu với màn trình diễn Vũ Điệu "Âng Hoa Cúng Phật" Trong lúc này, trên lễ đài có hình một hoa sen lớn, bên trong có Đức Phật Đản Sinh trong đóa sen hồng từ từ hiện lên cao, và Đại Đức Hạnh Tuệ tuyên bố, "Đức Phật đang thị hiện giữa chúng ta." Mọi người vỗ tay chào mừng tượng Đức Phật vừa xuất hiện trên hoa sen. Tiếp theo chương trình, chư tôn đức được cung thỉnh lên lễ đài cử hành Nghi Thức Đản Sinh.

Sau phần nghi lễ Đản Sinh, chương trình tiếp tục với phần văn nghệ và tiếp theo là phần thuyết trình về hiện tình đất nước do Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2560, Viện Chủ Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương tại San Diego; Giáo Sư Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK, hiện là giáo sư tại Đại Học Cal State Fullerton, Phó Trưởng Ban Điều Hành Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản PL 2560; và Cư Sĩ Tâm Huy Huỳnh

Kim Quang, Phó Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK.

Trong phần duyên khởi giới thiệu buổi thuyết trình, cư sĩ Tâm Huy cho biết chủ đề của Đại Lễ Phật Đản năm nay là "Phật Giáo và Hòa Bình," bởi vì nói đến đức Phật và Phật Giáo là nói đến một bậc Thầy, một nền giáo lý từ bi và hòa bình. Chính vì thế Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc vào năm 1999 đã ra Nghị Quyết tôn vinh đức Phật và giáo lý hòa bình cũng như tổ chức Đại Lễ Vesak hằng năm để vỗ vỗ tinh thần hòa bình hầu góp phần giảm trừ thù hận, chiến tranh, xung đột trên thế giới. Cư sĩ Tâm Huy diễn giảng thêm rằng sở dĩ đạo Phật được gọi là đạo hòa bình vì đạo Phật dạy con người diệt trừ tham, sân, si để được lắng đọng, an lạc và hòa bình ngay chính trong tâm. Tâm có bình thì thế giới mới hòa bình. Trên bình diện quốc gia khi các nhà lãnh đạo còn đầy lòng tham lam, sân hận và si mê thì sẽ gây ra bao nhiêu bất an, khủng hoảng và đau khổ, bằng chứng các nhà lãnh đạo CSVN là vì tham lam mới đưa tới quốc nạn tham nhũng, tham quyền cố vị, đặt quyền lợi của đảng trên quyền lợi và tồn vong của dân



(Photos by hoavouu.com)



tộc; vì sân hận mà các nhà lãnh đạo CSVN xem dân như kẻ thù, dùng côn đồ để trị dân; vì si mê mà các nhà lãnh đạo CSVN không thấy được rằng tự do, dân chủ và pháp quyền là những yếu tố nền tảng để làm cho dân giàu nước mạnh, và cũng vì si mê họ đã nhắm mắt để cho Trung Cộng xâm chiếm lãnh thổ và biển đảo của Việt Nam.

Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, trong phần thuyết trình về những đóng góp của Phật Giáo Việt Nam cho công cuộc dựng nước và giữ nước, vì thì giờ không cho phép, Hòa Thượng chỉ đọc 2 bài thơ "Quốc tộ như đăng lạc, Nam Thiên lý thái bình, vô vi cư điện các, xử xử tức đao binh," của Thiền Sư Pháp Thuận và hịch tướng sĩ "Nam quốc sơn hà Nam Đế cư, tiết nhiên định phận tại thiên thư, như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, nhữ đẳng hành khan thủ bại hư," của Danh Tướng Lý Thường Kiệt để nhắc nhở rằng PGVN từ trên hai ngàn năm qua vẫn luôn luôn quan tâm và thể hiện bằng hành động để dựng nước và giữ nước.

Giáo Sư Huỳnh Tấn Lê trong phần thuyết trình về lịch sử chủ quyền và pháp lý của Biển Đông, cho biết rằng có ít nhất 6 yếu tố lịch sử chứng minh Việt Nam có chủ quyền không thể chối cãi trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Giáo Sư Huỳnh Tấn Lê nêu 6 yếu tố lịch sử là: 1) Các tài liệu cổ trong sử Việt Nam như trong Phủ Biên Tạp Lục (1776), Đại Nam Nhất Thống Chí (1865-1875), và các Châu Bản Triều Nguyễn từ 1802 tới 1945. 2) Các tài liệu của Pháp cho thấy Pháp khi chiếm Đông Dương đã tiếp thu Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam và tuyên bố chủ quyền. 3) Hội Nghị của Liên Hiệp Quốc tại San Francisco vào năm 1951, Ngoại trưởng Trần Văn Hữu đã chính thức tuyên bố chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa mà không thấy có nước nào phủ bác, kể cả Trung Cộng. 4) Các tài liệu của Việt Nam Cộng Hòa từ năm 1956 tới 1975 cho thấy chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa là của VNCH. 5) Các tài liệu của CSVN cho thấy sau 1975 khi chiếm được Miền Nam chính quyền CSVN đã thực thi quyền chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa mà VNCH để lại. 6) Công Ước Về Luật Biển của Liên Hiệp Quốc thừa nhận chủ quyền tự nhiên

của Việt Nam đối với Hoà ng Sa và Trường Sa khi hai quần đảo này nằm trong giới hạn 200 hải lý thềm lục địa của VN. Kết thúc phần thuyết trình Giáo Sư Huỳnh Tấn Lê thách thức CSVN thay vì dùng bạo quyền trấn áp dân thì dùng quyền này để lấy lại biển đảo bị Trung Cộng xâm chiếm và giữ gìn bờ cõi biên cương của tổ quốc.

Trước khi nghi thức khai mạc bắt đầu, HT. Thích Chơn Thành lên Ban Đạo Từ nhân Mùa Phật Đản.

2 giờ chiều lễ khai mạc bắt đầu với diễn văn của HT Thích Nguyên Siêu (Trưởng Ban Tổ Chức) lên ngỏ lời chào mừng và cảm ơn sự tham dự cũng như những đóng góp, giúp đỡ của tất cả quý vị để cho ngày Đại Lễ Phật Đản được thành công viên mãn. HT. cho biết: "tinh thần Phật Giáo mà hôm nay là ngày Đức Thế Tôn thị hiện mang sự hòa bình đến cho thế gian.

Trong Mùa Phật Đản năm nay chúng ta cùng biểu tỏ lòng tôn kính vô vàn của chúng ta lên đức Thế Tôn trong bối cảnh thế giới còn nhiều đau thương, chiến tranh, khủng bố, bão lụt, thiên tai... Chúng ta hãy cùng cầu nguyện xin sự tử bi đến với mọi người. Cũng xin cầu nguyện cho quê hương đất nước sớm được tự do trước cơn tai biển nước mất nhà tan."

Tiếp theo lời chào mừng của GSV Andrew Đỗ, và phu nhân, Nghị Viên Michael Võ. Trong lúc này Ban tổ chức đã mời quý vị dân cử, đại diện dân cử từ Liên Bang, Tiểu Bang, Quận Hạt và các Thành Phố lên khán đài để chào mừng đồng hương Phật tử và trao bằng tưởng lệ đến Ban tổ chức Đại Lễ Phật Đản 2016.

Sau đó lời chào mừng của HT Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK, HT. đã cảm ơn quý vị quan khách, quý vị viên chức chính quyền, quý chư tôn Giáo Phẩm cùng quý chùa và tự viện cũng như đồng hương Phật tử đã góp tay cho việc tổ chức Đại Lễ Phật Đản năm nay thành công viên mãn.

Tiếp theo Đại Lão HT. Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm lên đọc Thông Bạch Phật Đản 2016. Trong đó có đoạn:

"Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Hoa Kỳ cung thỉnh chư tôn thiền đức Tăng Ni và quý Thiên tín, Cư sĩ Phật tử hiệp lực tổ chức Đại lễ Phật đản năm nay ở các nơi thật trang nghiêm, có chiều sâu và đánh thức được mục đích Đản sanh của đức Thế tôn. Mục đích đó là gì? Như Lai vì hòa bình, an lạc và giải thoát mà Đản sanh giữa thế gian. Chúng ta tổ chức lễ Phật đản không chỉ để kính mừng Ngài mà còn thiên tư về mục đích của Ngài. Khát vọng đó như người tìm lối cây, chúng ta chớ nhầm lẫn cành lá.

Làm sao để có hòa bình, an lạc và giải thoát? Đây là trái ngọt của một cây được trồng lâu ngày và được chăm sóc kỹ lưỡng. Bằng cách hãy cùng nhau tu học, thực tập giáo pháp và làm việc chung trong hoan hỷ. Mọi Phật sự dù nhỏ hay lớn phải được hưng khởi từ đại bi tâm của Bồ Tát Đạo. Phương tiện thiện xảo trong các sinh hoạt của giáo pháp là nhằm đưa người đến với giáo pháp. Do vậy, cần thận trọng và phải thấy mục đích tối thượng là hòa bình và an lạc qua các phương tiện thiện xảo này, nếu không chúng ta sẽ đi xa khát vọng của Thế Tôn. Hãy nhận thức rằng con đường dẫn tới Niết Bàn là Niết Bàn. Từ đó, chúng ta sẽ cảm nhận ngay sự an lành trên đường đi tới hòa bình, an lạc và giải thoát.

Cũng trong mùa Phật đản, hãy quán chiếu về cộng đồng Phật Giáo Việt Nam. Quán chiếu về sự hưng thịnh lẫn suy vi. Quán chiếu về nội lực và trí tuệ của chính mình. Quán chiếu hạnh nguyện lợi sanh đối với cộng đồng người Việt chúng ta. Sự quán chiếu này sẽ giúp người con Phật xa xứ biết mình là ai và phải làm gì. Những gì chúng ta ca tụng về đức Phật và giáo pháp của Ngài thì hoàn toàn chính đáng, nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó thôi thì thật đáng tiếc. Đức Phật muốn con người phải thay đổi từ bất thiện đến thiện nghiệp. Thiện nghiệp này có sẵn trong mỗi chúng ta như Phật tánh vậy. Chúng ta phải làm cho nó sống lại và hiển lộ khắp nhân gian. Đó là bổn phận của chúng ta...”

Chương trình văn nghệ cúng dường Phật Đản năm nay do các nghệ sĩ tên tuổi tại Nam Cali cùng các em trong Gia Đình Phật Tử, các Ban Hợp Ca: Hải Triều Âm, Đạo Tràng Huệ Quang cùng Nhạc Sĩ Nam Hưng, MC. Đỗ Thanh và Triệu Mỹ Ngân. Chương trình có phần trình diễn vỡ tuồng cải lương về “Cuộc Đời Đức Phật” Đặc biệt có phần biểu diễn vỡ Thuật của Võ Đường Giáo Sư Đặng Huy Đức, màn biểu diễn vỡ thuật gắn liền theo dòng lịch sử Việt Nam qua bốn ngàn năm dựng nước, giữ nước của tiền nhân. Chương trình văn nghệ kéo dài đến 9 giờ tối cùng ngày. Năm nay quý đồng hương, Phật tử tham dự được thưởng thức các món ăn chay miễn phí do Ni Sư Thiền Tuệ và Đạo Tràng Phổ Linh khoản đãi, ngoài ra quý đồng hương còn thưởng thức hàng ngàn chiếc bánh ú do Đại Đức Thích Giác Châu và Đạo Tràng Tịnh Xá Giác An khoản đãi.

**Bình Sa**



# Ông Tặng xứ tuyết

ĐỒNG THIÊN

Từng bước chân khoan thai đạp lên thảm lá vàng xào xạc, từng hơi thở nhẹ hòa quyện vào khí trời se se lạnh. Thầy ung dung bước trên con đường mòn quanh co dẫn lên núi. Con đường này mười lăm năm nay đón bước chân hành thiền của thầy. Cảnh vật, cỏ cây quanh đây dường như đã quen thuộc bóng dáng thầy. Bọn sóc nháy nhót quanh quần mà không hề sợ sệt. Mẹ con nhà nai tròn xoe mắt nhìn thầy quên cả gặm cỏ bên vệ đường. Lòng từ bi như từ trường lan tỏa dọc theo bước đường của thầy. Bất chợt thầy thấy bên tảng đá nhô ra sát bờ sông có bóng nữ nhân ngồi một mình. Thầy chợt dạ tự nhủ:

- Yêu quái trêu ta chẳng? Ta đã đi trên con đường mòn này bao năm rồi mà!

Thầy vẫn ung dung bước tới, khi còn cách cô gái mười mét thầy gọi:

- Này cô gái kia! cứ sao ngồi nơi vắng vẻ một mình? Trời tối rồi, hãy về đi, kẻo nguy hiểm.

Thầy nói ba lần cô gái mới lên tiếng:

- Về đâu bây giờ? tôi chẳng còn gì để mất nữa cả!

Nghe qua thầy cũng đoán được câu chuyện thế nào rồi. Thầy bèn nói:

- Cô về đi! Cô còn cha mẹ, anh em; cô còn tương lai của cô!

Cô gái thút thít:

- Bao nhiêu yêu thương, tin tưởng giao hết cho người. Nay người ta phụ con rồi nên con muốn gửi mình nơi khúc sông này!

Cô gái dứt lời thì thầy khóc rống lên rất thảm thiết. Cô gái ngạc nhiên hỏi:

- Sao thầy lại khóc?

Cô gái từ ngạc nhiên sang bối rối cao độ mà không biết làm sao, lúc bấy giờ thầy mới nói:

- Tôi thờ sư phụ đã ba mươi năm vậy mà nay sư phụ đuổi tôi đi. Giờ tôi không còn ai, không nơi nương tựa... nên cũng định đến khúc sông này tự tận!

Cô gái nghe xong mới nói:

- Thầy có thể tìm sư phụ khác mà thờ, quanh đây còn nhiều chùa thầy có thể xin tá túc, việc gì phải tự tận?

Chỉ chờ có thế, thầy nghiêm sắc mặt nhìn thẳng mắt cô gái, giọng cương quyết:

- Cô đã biết chuyện cơ sao không về đi còn ở đây toan tính hại thân? Chỉ vì một chàng trai vô duyên với mình mà đành cướp công cha mẹ sao?

Cô gái hoàn toàn bị khuất phục, cúi đầu tạ ơn thầy rồi xuống núi.

Thầy tiếp tục cất bước đi lên. Lòng thầy cảm thấy có chút xót xa thương cảm cho đời:

- Chúng sanh khổ, khổ chúng sanh! Tình ái dính mắc khổ lại thêm khổ.

Lên chót đỉnh thầy ngồi xếp bằng trên lá khô tĩnh tâm, điều hơi thở. Từng chiếc lá vàng cuối thu bay bay trong gió, có chiếc rơi trên y thầy trông như những con bướm lớn đậu trên thân. Mặt trời dần dần xuống thấp, bóng thầy như lồng trong bóng hoàng hôn. Một cảnh tượng đẹp như thật như mơ.

Canh tư hôm sau thời công phu thầy pha trà ngồi bên cửa sổ nhìn ra sân chùa. Chợt thấy tuyết bay thầy buộc miệng nói thầm:

- Thời gian qua nhanh cuốn đi tất cả, vô thường chẳng đợi ai; hôm qua lá vàng còn rơi vậy mà sớm nay tuyết đã rơi rồi.

Ngoài hiên một lớp tuyết mỏng tinh khiết phủ khắp sân cỏ cằn làm cho ngọn đèn lồng treo bên hiên thêm đẹp lạ kỳ. Thi hứng khởi lên thầy lấy giấy phóng thảo một đoản khúc:

*- Bỏ quên phố thị bên đời*

*Độc thân hành cước dạo chơi rừng thiền*

*Thảo lưu đánh giấc thù miên*

*Tinh ra tuyết đã ngoài hiên đông đầy*

Thầy hôm nay có cuộc hẹn với các phóng viên. Họ muốn gặp thầy về câu chuyện rắc rối mấy tuần trước. Số là có tờ báo là cái muốn câu khách, bịa chuyện thầy tư tình với một nữ thí chủ. Họ còn mạo phạm viết thư tình báo là của thầy. Những kẻ quá khích, những người cả tin kéo đến la ó đòi thầy phải ra đi... Các đồ đệ thân cận bảo thầy phải thưa họ ra tòa. Thầy gạt đi:

- Thôi đi! các con không cần làm gì cả, cái bong bóng khi nó xì hết hơi thì như miếng giẻ thôi! Và lại chúng ta con nhà Phật, tin sâu nhân quả; có thể trong quá khứ từng gây rắc rối cho họ nên nay họ lại tìm đến ta!

Đúng hẹn giới truyền thông đến thật đông. Họ vào đề ngay mà không khách sáo đưa đẩy gì cả:

- Thầy nghĩ sao khi tờ báo ấy tố thầy có tư tình?





Thầy cười:

- Tình chung cho cả chúng sanh còn chưa xong lấy đâu ra tư tình?

- Thầy có ý kiến gì về những bức thư tình mà họ bảo của thầy?

Thầy cười rất an nhiên:

- Nhờ các ông về thưa với bà chủ báo rằng: Thư tình viết thế vụng lắm! Nếu tôi viết thì mùi hơn nhiều.

Sau hơn một tiếng trao đổi, nhóm phóng viên lấy làm thỏa mãn lắm, trông họ thay đổi với thiện cảm hẳn. Họ xin hỏi câu cuối:

- Ngoài vụ này, chúng tôi còn nghe một tin khác. Người ta đồn thầy là bậc cao tăng, đến đây ẩn thân để hành hoá?

Bấy giờ thầy cười to giờ ta như ra giấu bịt miệng lại:

- Vừa mới đây người ta xuống tận bùn sao giờ lại thổi lên tận mây xanh vậy? Các ông đừng nói như thế nữa nhé! Tôi chỉ là ông tăng bình thường đến đây đạp tuyệt hoảng dương chánh pháp; nơi nào cần thì tôi đến, xong việc thì tôi đi.

Buổi phỏng vấn kết thúc bằng bữa cơm chay khoan đãi. Tăng chúng, Phật tử cùng mọi người đều thấy hoan hỷ vô cùng. Kể từ năm ấy ai cũng gọi thầy: Ông tăng xứ tuyệt.

**Đồng Thiện**

## The Story of an Anagami Thera

### *Dhammapada—Verses 218*

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (218) of this book, with reference to a thera who was an anagami.

On one occasion, the pupils of the thera asked him whether he had attained any of the Maggas; but he did not say anything although he had attained the anagami Magga, the third Magga. He kept silent because he had resolved not to talk about his attainment until he had attained Arahatsip. But the thera passed away without attaining Arahatsip, and also without saying anything about his attainment of anagami Magga Insight.

His pupils thought their teacher had passed away without attaining any of the Maggas and they felt sorry for him. They went to the Buddha and asked him where their teacher was reborn. The Buddha replied, "Bhikkhus! Your teacher, who was an anagami before he passed away, is now reborn in the abodes of the Brahmas (Suddhavasa Brahmaloaka). He did not reveal his attainment of anagami Magga because he felt ashamed that he had achieved only that much, and he was ardently striving to attain Arahatsip. Your teacher is now freed from the attachment to the sensual world (kamaloka) and would certainly rise to higher realms."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

**Verse 218:** He who has developed a desire for the Ineffable (i.e., Nibbana), whose mind reaches the same, and is no longer attached to the sensual world (kamaloka), is called one who is bound upstream (uddhamsoto).

At the end of the discourse those Bhikkhus attained Arahatsip.



Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,  
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

# Những người mù sờ voi

Thuật giả: **HOÀNG MINH**

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Thuở xưa, có một vị quốc vương tên là Cảnh Diệm, tánh tình thuần hậu, nhân đức ít ai bằng. Về phương diện chánh trị thì Ngài thi hành những điều lợi ích cho dân chúng, và Ngài thường đem Phật pháp để giáo hóa nhân dân, nên trong thời kỳ ấy trình độ đạo đức của mọi người lên mức khá cao; vì thế từ trong triều cho đến ngoài dân sự đều đặn thái bình an lạc.

Nhưng trong thời kỳ ấy, trong triều còn một vài vị đại thần, tôn thờ ngoại đạo, tin tưởng theo bọn tà sư do đó thường tranh luận với nhau; rốt cuộc ai cũng chấp thủ cho sự kiến giải của tôn giáo mình thờ, lý thuyết chủ nghĩa mình theo là đúng cả. Muốn chấm dứt tình trạng đó, vua thường suy tính và tìm tòi một mưu chước gì, để cảm hóa những vị đại thần kia trở về đạo giác ngộ cứu cánh của chư Phật, và nhận thấy những sự kiến giải của mình lâu nay là sai lầm.

Một hôm, các vị cận thần được lệnh phải đi tìm những kẻ mù từ thuở lọt lòng, đem về cho vua. Được tin ấy, các quan trong triều cũng như dân chúng, ai nấy đều sanh nghi: vua sẽ thi hành những điều gì mới lạ chẳng?

Sau hai ba ngày tìm kiếm, các vị đại thần dẫn về một tốp người mù. Người này vịn người kia, người kia nắm ké nọ đi vào sân rồng, trong lòng anh nào cũng hồi hộp, không biết việc sắp xảy đến phước hay họa.

Sau khi nhìn qua tốp người mù, vua liền lớn tiếng truyền cho quần thần hay rằng:

"Bổn ý của Trẫm là muốn thử xem mấy người mù này có biết mình đang con voi ra sao không? Vậy các người sai thị vệ dẫn họ đến chuồng voi, ra lệnh quản tượng kèm voi cho chắc chắn, dặn mỗi người lại gần sờ xem cho kỹ lưỡng, rồi dắt tất cả về đây để phúc tấu. Nếu kẻ nào tả đúng hình dáng con voi, thì Trẫm sẽ trọng thưởng."

Tốp người mù nghe thế, đều lộ vẻ vui mừng - lòng tự hện với

lòng sẽ sờ xem thật kỹ càng, và hy vọng phen này chắc chắn sẽ được nhiều tiền bạc! Anh nào cũng tự hào xúc giác của mình rất tinh tế, ý phân biệt của mình rất tinh vi, xưa nay có hề sai khi nào đâu!

Vì thế, khi dắt đến chuồng voi anh nào cũng giành sờ trước; anh thì sờ lưng cái voi, anh thì sờ nhằm cặp ngà, anh thì sờ lưng cái tai, anh thì sờ nhằm hông, anh thì trụng chân, anh thì sờ lưng đuôi - Anh nào cũng sờ đi sờ lại thật kỹ lưỡng và trong lòng định ninh rằng mình đã biết đúng hình dáng con voi.

Xem xong, các vị cận thần dẫn tốp người mù trở lại trước vua để Ngài thẩm xét. Vua thấy vẻ mặt anh nào cũng lộ vẻ hân hoan, liền phán rằng:

"Trẫm thấy các người con mắt bóng quáng, vì mù từ thuở lọt lòng mẹ, chỉ nghe người ta nói đi nói lại, chớ chẳng biết hình dáng con voi ra thế nào. Nay tất cả tuy là không thấy, nhưng đã đến tận nơi mà sờ rầm con voi rồi; vậy bây giờ mỗi người phải tả hình dáng con thú ấy ra sao? Nếu đúng, Trẫm sẽ ban cho nhiều tiền bạc để hộ thân."

Không đợi hỏi lần thứ hai, anh sờ lưng cái voi mau mắn trả lời:

- Thưa Bê hạ, con voi hình như chiếc chiếu cuộn tròn!

Anh sờ cặp ngà vội cãi:

- Thế nào? Con voi giống chiếc chiếu cuộn tròn à? Thôi sai rồi chính tôi đã sờ xem kỹ lưỡng. Con voi như cặp sừng trâu!

Anh sờ lưng lỗ tai voi phát cáu:

- Sao? Con voi lại giống cặp sừng trâu? Cũng sai bét! Con voi giống cái quạt! Chính lúc tôi xem nó quạt vào mặt mát rượi mà!

Anh sờ nhằm hông voi không thể nhịn được nữa:

- Các anh mù thật! Con voi mà bé nhỏ giống chiếc chiếu cuộn tròn, giống sừng trâu, giống cái quạt ư? Chính tôi đã

ôm sát lấy nó. Con voi như một bức tường bằng phẳng dài đến hai ba thước tây!

Anh sờ trụng chân voi, quơ tay lia lịa phân bua:

- Trật hết! Trật hết! Thôi nín đi, để tôi nói cho mà nghe. Con voi như cái cột nhà mới đúng! Chính tôi ôm thử giờ lên không nổi đây nè! Con voi như cái cột nhà mới đúng! Thôi đừng cãi nhau nữa!

Anh sờ nhằm đuôi voi nãy giờ lặng thinh, nhưng bây giờ anh thấy đã đến giờ phút mình cần phải cãi chính.

- Thôi các anh ơi, nín đi! Để tôi nói cho mà nghe. Nãy giờ các anh nói sai hết. Con voi hình như cây chổi. Chính tôi đã mân mê vuốt ve nó một hồi lâu.

Đám người mù ấy, ai cũng cho sự hiểu biết của mình về hình dáng con voi là đúng, nên cứ nhao nhao cãi vã nhau mãi, có anh tức giận quá muốn trở gậy phang nhau. Thấy cảnh đó, từ vua cho chí quần thần không ai có thể nhịn cười được, có người cười đến tức bụng, có người cười đến chảy nước mắt...

Vua cười ngắt bảo các quần thần:

"Các khanh có thấy không? Trong bọn người này, kẻ nào cũng cho sự hiểu biết của mình về hình dáng con voi là đúng. Nhưng thật ra, không kẻ nào nói đúng dạng sự thật của toàn thể con voi. Các người đây cũng vậy, người nào cũng cho tôn giáo, học thuyết, chủ nghĩa mình đã đúng với chân lý; nhưng sự thật chưa có người nào hiểu dạng toàn diện chân lý. Mà chỉ có đức Phật, mới là người sáng suốt giác ngộ được hoàn toàn sự thật vậy..."

Các vị quần thần đều tỏ vẻ hổ thẹn cúi đầu.

Nhà vua Cảnh Diệm lập chước mà phá được sự kiến chấp sai lầm của các vị đại thần, và từ đó họ đều một lòng chánh tín Tam Bảo, bỏ hẳn các thứ kinh sách của ngoại đạo tà sư chỉ lo nghiên cứu nội điển của Phật để tu hành, mong thoát kiếp trầm luân sanh tử.

Thuật giả: **Hoàng Minh**

Các lỗi tuyên truyền xảo trá làm sao lung lạc được kiến thức loài người, một khi mọi người đã biết đem Chánh Pháp giác ngộ nhau.

# BỆNH LAO

*Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC*



Tại Mỹ, bệnh lao đã giảm rất nhiều. Năm 2006 có 13,767 ca mà phần đông thấy ở di dân, người vô gia cư, người nghiện chích thuốc, bệnh nhân bị liệt kháng HIV.

Tại Việt Nam, bệnh lao còn khá phổ biến và đứng hàng thứ 13 trong 22 nước có số bệnh nhân lao cao trên thế giới. Mỗi năm, Việt nam có khoảng 160,000 ca lao mới đủ loại trong đó lao phổi dương tính với vi khuẩn Koch là 60,000. Tổng số bệnh nhân lao hiện nay lên tới trên 260,000 người.

Trong những năm gần đây, bệnh lao trở nên khó chữa vì sự xuất hiện của các vi khuẩn lao kháng thuốc.

## Nguyên nhân

Lao là một bệnh truyền nhiễm do trực khuẩn *Mycobacterium tuberculosis* gây ra. Vi khuẩn được bác sĩ người Đức Robert Koch (1843-1910) nhận diện vào năm 1882. Vi khuẩn này rất hiếu khí, cho nên thường tấn công phần đỉnh của phổi, phần đầu và thân của xương. Gan, dạ dày, thực quản ít bị lao vì dưỡng khí thấp.

## Truyền bệnh

Lao lan truyền hầu như duy nhất qua không khí từ người bệnh sang người khác. Vi khuẩn lẫn vào không khí khi người bệnh ho, hắt hơi và sống khoảng dăm giờ. Người kế cận hít vào và mang bệnh.

Sự truyền lan qua không khí chỉ xảy ra trong trường hợp lao phổi hoặc họng, chứ không xảy ra khi bị lao ở các nơi khác như thận, xương.

Bình thường cần có sự chung sống lâu với người lao chưa được điều trị mới mắc bệnh, chứ chỉ gặp gỡ thoáng qua một vài lần thì ít khi bị. Chẳng hạn như đi trên cùng chuyến xe bus mà người ngồi cạnh bị lao thì cũng không đủ thời gian để bệnh truyền sang.

Bệnh không lây lan khi sờ đụng vào nhau, dùng chung bát đĩa, phòng vệ sinh, phòng tắm.

Gần đây bệnh lao xảy ra nhiều hơn, một phần vì số người bị liệt kháng HIV tăng mà những người này lại dễ mắc bệnh lao.

Theo cơ quan Y tế Thế giới thì 1/3 dân số trên trái đất bị bệnh lao, nhất là ở các quốc gia kém mở mang vì nghèo đói, ăn ở chật chội, kém vệ sinh công cộng, thiếu phương tiện

phòng ngừa bệnh. Cũng theo cơ quan này, lao đứng hàng thứ nhì trong số các bệnh nhiễm với tử vong khoảng hai triệu trên thế giới.

Với sự di chuyển dễ dàng, di dân du lịch toàn cầu, mọi quốc gia đều có nhiều khả năng tiếp nhận bệnh nhân lao, kể cả lao kháng thuốc MDR-TB và XDR-TB.

## Triệu chứng

Người bị lao thường ho cả mấy tuần lễ, đôi khi đờm lẫn máu, đau ngực, khó thở, nóng sốt, đổ mồ hôi ban đêm, gầy ốm mất kí. Ho ra máu xảy ra khi có "lổ" cavity ở phổi.

Khi có những dấu hiệu vừa kể, kéo dài vài tuần lễ mà không biết rõ nguyên do, đều cần đi bác sĩ để được khám nghiệm.

Riêng với trẻ em, các triệu chứng thường thấy gồm có ốm yếu, sút cân trong 2 tháng mà không biết rõ nguyên nhân, ho, thở khò khè, sí ban chiều, đổ mồ hôi trộm.

## Định bệnh

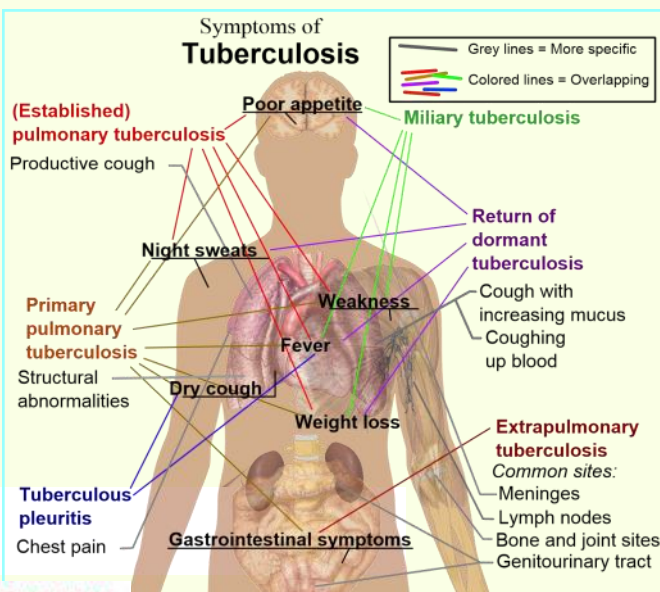
Định bệnh căn cứ vào các dấu hiệu bệnh lý, thử đờm tìm vi khuẩn lao, chụp quang tuyến phổi, làm phản ứng tuberculin, soi phết quản.

Cơ quan Y tế Thế giới đưa ra một hướng dẫn tìm bệnh lao như sau:

- Mọi người bị ho không lý do kéo dài 2-3 tuần lễ hoặc lâu hơn đều cần được khám nghiệm coi có bị bệnh lao hay không.

- Mọi bệnh nhân nghi ngờ bị lao phổi cần được thử đờm ít nhất hai, hoặc tốt hơn, ba lần để coi có vi khuẩn lao. Nếu có thể được, nên lấy một mẫu đờm vào buổi sáng sớm.

- Mọi bệnh nhân có kết quả X-quang không





bình thường đều cần được thử nghiệm đàm để kiểm vi khuẩn gây bệnh.

### Điều trị

Cách đây trên nửa thế kỷ, không có thuốc nào có thể trị dứt bệnh lao. Lao đã được liệt kê vào nhóm bốn nan bệnh trong nền y học cổ truyền dân tộc Việt Nam, Trung Hoa (Phong, Lao, Cổ, Lại. Tứ chứng nan y).

Nhưng kể từ năm 1950, nhiều thuốc trị lao rất công hiệu đã được khám phá, sản xuất. Có hai nhóm thuốc chữa lao:

Nhóm thiết yếu hàng đầu gồm có Isoniazid, Rifampin, Ethambutol, Pyrazinamide.

Nhóm hàng hai thứ yếu là Streptomycin, Ethionamid, Prothionamid, PAS, Cycloserin, Kanamycin và Capreomycin.

Nói chung, người mắc bệnh lao phải uống thuốc trong thời gian lâu, ít nhất là sáu tháng. Sau hai tuần lễ uống thuốc, nguy cơ lan truyền bệnh đã giảm đi rất nhiều.

Nếu ngưng thuốc giữa chừng, bệnh tái phát và rất khó chữa. Điều quan trọng là phải uống thuốc cho tới khi bác sĩ thử nghiệm, chụp phim thấy hết bệnh chứ không phải là ngưng khi thấy trong người khỏe trở lại và lên cân.

Nếu bị bệnh mà không chữa thì không những sẽ thiệt mạng mà còn rui ro truyền bệnh cho người khác.

### Phòng ngừa

Phòng tránh lao tập trung vào các điều sau đây:

a- Loại trừ nguồn gốc gây lan truyền bệnh: Bệnh nhân lao phổi và cuống họng cần được chẩn đoán càng sớm càng tốt, tạm thời để họ ở riêng và bắt đầu điều trị ngay bằng dược phẩm để tiêu diệt vi khuẩn gây lao.

Trong thời gian này, bệnh nhân không trở lại nơi làm việc hoặc trường học, tránh tiếp xúc với người lành, đặc biệt là trẻ em, người nhiễm HIV, không lai vãng nơi công cộng nhiều người tụ tập.

Thường thường, sau 2-3 tuần lễ uống thuốc đều đặn, thử nghiệm đàm âm tính thì khả năng lây truyền bệnh giảm.

b- Tìm ra bệnh sớm: Khi nghi có bệnh, cần đi bác sĩ để được khám nghiệm, thử đàm, chụp hình phổi, thử phản ứng tuberculin ngoài da và điều trị, nếu có bệnh.

c- Điều trị trường hợp nhiễm lao, phản ứng da dương tính và chưa có dấu hiệu bệnh.

d- Tạo sức đề kháng với vi khuẩn lao bằng vaccin BCG. Đây là loại vi khuẩn lao sống nhưng đã giảm độc tính và hiện đang được dùng ở mọi nơi, đặc biệt là trẻ em tại các quốc gia đang phát triển, lao nhiều. Vaccin không ngừa bệnh lao nhưng tăng cường sức đề kháng của cơ thể với vi khuẩn lao.

Nên nhớ là bệnh lao không di truyền, không gây ra do hút thuốc lá.

[www.bsnguyenyduc.com](http://www.bsnguyenyduc.com)



### ĐỢI BẠN

*người một độ đùa chơi con tiểu ngạo  
sớm lên non dựng vợi một chồi tranh  
trưa bát cơm lưng, chiều thêm bát cháo  
đêm trông mây, bâm độn đợi vận hành*

*ta một độ đùa chơi con túy mộng  
sớm cà phê đen đũa góc chợ đời  
trưa mặt đỏ vại ly cay nháp giọng  
đêm ngắm trăng cũng tạm gọi là chơi*

*rời một độ người đi trời lưu xir  
ta sa cơ lưu lạc góc rừng xa  
những đêm tĩnh lặng nghe rền trong gió  
tiếng vọng dài qua bốn nẻo sơn hà*

*rời ta lại quay về bên cuộc lữ  
giữa phố đời bát nháo kẻ vô tri  
người còn ở trong chiếc lồng chim nhỏ  
tiếng hót xưa vẫn trong mộng đi về*

*ta trở lại sớm hôm bày cuộc rượu  
để tóc dài mà hát những cuồng ngôn  
đợi người về, ta đã bày dọn sẵn  
tiệc Việt Nam một pho sừ lưu tồn  
ta còn thờ từ phương này đầy đặn  
mà đợi người phương đó trắng càn khôn.*

thơ PHÙ DU

# Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

## Chương Chín

(kỳ 2—tiếp theo kỳ trước)

Chiều hôm ấy, thầy tôi lại tiếp tục xuống bếp dạy tôi nấu ăn. Thầy bảo tôi làm cho thầy coi, cái gì chưa được thì thầy chỉ thêm. Đối phó với nồi cơm hơi nhão như thế nào, nồi cơm bị sống như thế nào, thầy cũng dạy tôi cận kề. Đầu tiên, gắp củi ướm không nhúm được lò, thầy lấy chai đèn dầu nhỏ của nhà bếp, rưới một ít dầu lên củi, rồi đốt. Lửa cháy bén dễ dàng. Tôi thưa:

"Tại thầy Trùng Hùng cấm tụi con xài dầu hỏa như vậy nên con không dám."

"Tiết kiệm hả?"

"Dạ, con nghĩ là vậy."

"Tiết kiệm là tốt! Tất cả vật sản của Tam bảo đều như vậy hết. Giữ gìn từng chút một, không phung phí, đó là tỏ ý trân trọng vật phẩm cúng dường của bá tánh đem đến. Nhưng lúc cần thiết cũng phải xài chứ! Bo bo giữ của cũng là một loại phiền não tệ hại mà người tu cần phải tránh. Có thấy nãy giờ con nhen lò lửa không cháy không? Trong trường hợp này mà cứ lo tiết kiệm thì vừa hao hơi tổn sức, vừa tổn thì giờ nữa. Đàng nào lợi hơn? Chịu tổn một chút dầu hỏa đi. Tại sao phải chịu nhọc để giữ gìn chút dầu chứ!"

Sau giờ cơm, tôi đang rửa chén thì thầy Trùng Hùng bước xuống nói:

"Mấy cái đít nồi cả tuần nay đen thui hết rồi. Chùi cho sạch như lúc mới mua về cho tao coi. Kêu thằng Thiệt xuống phụ một tay. Đáng lẽ mỗi lần nấu xong là mỗi lần chùi cho trắng chứ không để ngày này qua ngày kia như vậy. Tụi bây ở không làm chi để rồi phá, lo kiếm việc này việc nọ mà làm."

Tôi không đi gọi chú Thiệt phụ giúp mà tự động lấy mấy cái vỏ dừa lo chùi đít nồi. Chùi đến mỏi cả tay mà nồi vẫn cứ đen. Một lúc sau thì chú Thiệt xuống, lâu bầu trong miệng:

"Bữa nay đâu phải phiền tôi rửa chén đâu mà bắt tôi chùi nồi!"

"Tôi đâu có bắt chú chùi."

"Thì ổng bắt đó. Mệt!"

Hai đứa tôi hí hục chùi, cạy, chà đít nồi trên cát, dù thử cách cho trắng nồi nhưng chỉ đỡ được phần nào thôi. Thầy tôi nghe tiếng động rọt rẹt ngoài hiên bếp thì bước xuống xem. Thấy chúng tôi chùi nồi thầy cười hỏi:

"Chùi chi vậy?"

Chú Thiệt đáp nhanh:

"Dạ thầy Trùng Hùng bảo chùi cho trắng thiệt trắng như lúc mới mua về."

Thầy tôi cười nói:

"Nồi nấu bằng củi thì phải đen, mắc chi phải chùi. Chùi xong lại nấu đen nữa có phải là toi công không! Bỏ đó đi. Ăn xong rửa nồi rồi đem úp. Đừng có bày chuyện ra đó."

Thầy Trùng Hùng nghe được bước xuống chữa ngay:

"Dạ, con bảo mấy chú chùi cho sạch góc đẹp mắt hơn chứ nồi đen đều thấy ghê quá. Mà nồi của chùa mình là nồi mới mua chứ đâu phải là nồi xài lâu năm như người ta."

"Trước khi cũ cũng đã là mới chứ! Có gì mới hoài đâu."

Thầy Trùng Hùng chưa chịu thua:

"Vớ lại con cũng muốn tập cho các chú làm việc chứ không thôi các chú ở không chẳng có chi làm."

Thầy tôi lúc này mới nghiêm giọng nói:

"Làm việc suốt ngày thì còn giờ đâu mà học. Phải cho mấy chú học chứ."

"Hồi mới vào tu, con nhớ con đâu có được sướng như mấy chú bây giờ."

"Điều đó không có nghĩa là phải bắt mấy chú khổ cho giống mình ngày xưa. Hồi xưa mình khổ thì bây giờ phải cầu mong cho mấy chú được sướng."

"Sướng quá thì tu đâu có thành công, bạch thầy?"

"Khổ cũng không phải là

cách để thành công. Thực ra hồi xưa mấy chú tiểu bị khổ sở, thiếu thốn vật chất là vì chùa quá nghèo hoặc không mấy quan tâm về tài chánh nên để các chú phải gánh. Các chú cũng không có trường lớp, ở chùa dạy chỉ biết nấy. Lâu lâu mới học được dăm ba chữ. Thời giờ rảnh rang, các chú phải lo làm việc chùa, hết việc này đến việc nọ. Nhất là các chùa nhà quê có ruộng có rẫy, công việc chẳng bao giờ ngắt. Bây giờ thì khác rồi. Giáo hội có chương trình đào tạo các chú ở các Phật học viện, lấy chuyện tu học làm chánh, kinh tế cũng có Giáo hội nâng đỡ, các chú chỉ có bốn phận là chú tâm học hành chứ đâu có ở không nữa mà thầy lo kiếm việc. Một điều nữa, hoàn cảnh các chùa ở Nha Trang này không giống các chùa ngoài Huế đâu. Thầy lưu ý một chút thì thấy sự sai khác. Rồi sau này, nếu có dịp vào Sài-gòn nữa, thầy sẽ thấy Sài-gòn cũng rất khác xa Nha Trang. Đem nếp sống của tăng sĩ Huế mà áp dụng cho tăng sĩ Nha Trang e có chỗ không ổn. Tôi không nói vấn đề giới luật, tôi chỉ muốn nói về nếp sinh hoạt hàng ngày mà thôi. Phải đi nhiều, sống nhiều, mở mắt ra mà nhìn những thực tế đó mới được."

Thầy tôi nói rồi bỏ lên nhà trên. Thầy Trừng Hùng vẫn đứng đó, cười thẹn rồi nói với tôi và chú Thiết:

"Thầy trụ trì tiến bộ quá, tao còn trẻ mà theo không kịp."

Khi chúng tôi rời bếp để ra sân trước thì thầy tôi đã mặc

áo thông y vào (thông y là loại áo tràng màu nâu để mặc ra đường của các thầy tu Phật giáo tại Việt Nam, khác với áo tràng vàng và y ca-sa là loại y phục mặc khi làm lễ). Thầy dặn chúng tôi khi nào tưới cây thì nhớ tưới mấy cây bồ đề của thầy mới trồng. Rồi thầy rời chùa Linh Phong để về viện. Chúng tôi đưa thầy ra cổng tam quan. Thầy Trừng Hùng và chú Thiết quay vào khi thầy bước xuống tam cấp. Tôi đứng lại nhìn theo dáng thầy một lúc. Tôi mừng rằng tôi đã chọn được một vị thầy khả kính, độ lượng để nương theo mà tu học. Nếu chẳng may tôi chọn lầm một vị thầy có tính ý y như thầy Trừng Hùng thì chắc là... tôi bỏ tu sớm.

Thầy tôi vừa đến những bậc cấp cuối cùng để bước xuống đường thì thầy Thông Chánh từ bên viện cũng vừa mới qua. Hai thầy gặp nhau dưới chân núi, đứng lại nói chuyện với nhau một lúc. Tôi ngồi đó chờ thầy Thông Chánh lên.

Đường lên chùa Linh Phong có hai lối đi bằng tam cấp: một lối là tam cấp thẳng đứng xây bằng đá, trên hai trăm bậc dẫn từ cổng nhỏ dưới núi đi thẳng lên tam quan; một lối là tam cấp đi vòng xây bằng xi-măng, gồm khoảng hai trăm năm chục bậc cấp, đi vòng qua phía phải của cổng tam quan, ngang qua thiền thất của Hòa thượng Phổ Tế, vào đến sân chùa. Thầy Thông Chánh đi dốc thẳng cũng phải mất bốn phút không nghỉ mới tới được

chỗ tôi ngồi. Tới nơi, thầy cũng phải thở dốc. Tôi nói thầy ngồi ngoài cổng tam quan cho mát, tôi vào mang nước ra cho thầy. Tôi đang rót nước lạnh định đem ra mời thầy Thông Chánh thì thầy Trừng Hùng chặn lại hỏi:

"Nãy giờ đi đâu, sao không ngồi luôn ngoài đó ngó xe ngõ cộ chạy qua chạy lại cho sướng?"

Tôi định bỏ đi không trả lời nhưng biết vậy là vô phép, tôi đứng lại đáp:

"Con mang nước ra cho thầy Thông Chánh, đang đợi con ở ngoài."

"Thầy ấy qua chơi hay có việc gì không?"

"Dạ qua dạy con học."

"Tại sao có lớp học rồi mà còn học thêm chi nữa? Bộ chương trình của lớp học không đủ để dạy chú à?"

Tôi thực là cứng họng, chẳng biết phải nói sao cho thầy ấy hiểu. Vừa lúc đó, thầy Thông Chánh bước vào. Thầy Trừng Hùng thấy thầy Thông Chánh thì đứng dậy chấp tay xá. Thầy Thông Chánh cũng chấp tay xá lại. Hai thầy chào nhau vui vẻ. Thầy Trừng Hùng có vẻ kính nể thầy Thông Chánh lắm, vì dù sao thầy Thông Chánh cũng là vị trưởng lớp xuất sắc (trong khi thầy Trừng Hùng chỉ mới là học tăng dự thỉnh đang cố gắng được vào chính thức). Thầy Trừng Hùng cười giả là:

"Mô Phật, thầy qua chơi hả? Có thầy ghé chơi chùa nhỏ này thật là đại phúc đó nghen."

"Khách sáo dữ vậy thầy, tôi qua hướng dẫn chú Khang chút bài học thôi. Xin phép thầy nghe, tại tôi phải về lại viện, không ở lâu được."

Nói rồi, thầy Thông Chánh kéo tôi ra ngoài tam quan, định giảng bài mới cho tôi học. Nhưng lòng tôi không được vui, tôi xin thầy Thông Chánh cho nghỉ; rồi tôi kể chuyện sinh hoạt của chùa Linh Phong cho thầy Thông Chánh nghe. Thầy Thông Chánh tỏ vẻ lo ngại cho việc tu học của tôi. Thầy cho tôi biết chút ít lai lịch của thầy Trừng Hùng mà



thầy được nghe kể lại từ một thầy khác cùng quê với thầy Trùng Hùng.

Đại khái là thầy Trùng Hùng cũng mới xuất gia đâu chừng bảy, tám năm trước. Cứ nghe giọng tụng kinh, nghi thức hành lễ, phong cách nói năng đi đứng của thầy thì cũng phần nào đoán được phần nào thời gian ở chùa của thầy rồi. Bảy, tám năm so với tôi thì kể như là lâu lắm. Nhưng với tuổi ba mươi của thầy Trùng Hùng thì bảy, tám năm xuất gia chỉ chứng tỏ rằng thầy mới xuất gia và đã xuất gia vào lúc hai mươi ba tuổi, cái tuổi mà những chàng thanh niên thế tục không nhiều thì ít đã thâm nhiễm mùi tục lụy và đã quen thuộc với những sinh hoạt thế gian. Thế gian cũng như cửa đạo đều có những lối sinh hoạt riêng mà khi người ta đã quen nếp ở mặt này thì khó mà bắt nhịp được với mặt kia. Khi xuất gia, thầy Trùng Hùng xin vào ngôi chùa lớn, đẹp nổi tiếng ở Huế: chùa Từ Hiếu. Đây là ngôi chùa mà năm xưa còn bé, thầy được cha mẹ mang vào để làm lễ quy y nên bây giờ xin xuất gia ở chùa này thì cũng hợp lý; và pháp danh thầy có được hôm nay (Trùng Hùng) cũng là pháp danh được ghi trong pháp quy y thuở nhỏ. Nhưng thầy Trùng Hùng luôn luôn hãnh diện với nơi chốn xuất gia cũng như pháp danh của mình. Thầy nói rằng muốn thành chú tiểu xuất sắc, có hạnh kiểm thì phải vào chùa Từ Hiếu; rằng chỉ có chùa Từ Hiếu với những sinh hoạt nề nếp cổ truyền của cả trăm năm trước để lại mới đào tạo nên những cao tăng kiệt xuất cho Giáo hội; rằng những người xuất gia ở chùa Từ Hiếu từ trên xuống dưới đều làm ruộng, làm rẫy, cực nhọc quanh năm suốt tháng, ăn uống kham khổ, học ít tu nhiều, gần gũi đạo hơn là những người ở chùa khác; rằng điển hình như thầy Nhất Hạnh, một tăng sĩ sáng chói, nổi danh của Phật giáo, cũng xuất thân từ chùa Từ Hiếu này. Cho nên, không thể trách được rằng tại sao thầy Trùng Hùng lại muốn chú Thiệt và tôi phải khổ. Thầy

## Như bao dòng lệ

*Mưa rơi ướt thấm từng ngày  
Như bao dòng lệ trong ngoài quê hương  
Ai gây thảm cảnh tang thương  
Biển bờ cá chết đau thương khôn cùng  
Muôn người cất tiếng nói chung  
Cùng nhau đứng dậy dẹp hung bạo tàn  
Gây bao ác nghiệp tham lam  
Mê mờ nhân quả chẳng màng lợi dân  
Biển bờ là của muôn dân  
Tiền nhân khai phóng góp phần máu xương  
Nguyễn xin gìn giữ quê hương  
Cùng chung tay nắm lên đường đắp xây.*

thơ

TÁNH THIÊN

05/20/2016

cho rằng phải khổ mới tu được. Quan niệm này làm tôi nhớ đến câu nói của ông Bộ (chồng bà vú nuôi ở Ba Ngòi) trước đây, rằng "tu thì phải hành, hành là hành hạ xác thân chứ không chi khác." Thầy Thông Chánh nói, chỉ vì thầy Trùng Hùng bị ảnh hưởng nếp sinh hoạt của chùa Từ Hiếu mà thôi, sống ở Nha Trang một thời gian có lẽ thầy ấy sẽ thay đổi. Thầy khuyên tôi cứ ấn nhẫn, coi thời gian sống gần thầy Trùng Hùng như là thời gian thực tập hạnh nhẫn nhục vậy.

Tôi "dạ" nhưng trong lòng cũng không sao ngăn được ý nghĩ rằng sở dĩ thầy Trùng Hùng muốn hành hạ chúng tôi là vì muốn trả thù đầy thôi. Không phải tự nhiên mà tôi nghĩ ra điều ấy. Chú Thiệt nói với tôi đấy. Chú Thiệt có người anh em ruột tên là Giải, đang là học tăng ở viện Hải Đức. Có lẽ chú Thiệt cũng kể về tình hình sinh hoạt ở chùa Linh Phong cho thầy Giải nghe, nên thầy ấy

mới đưa ra nhận xét như vậy. Rằng có lẽ hồi thầy Trùng Hùng đi tu bị lớp đàn anh hành hạ quá nên bây giờ hành hạ lại lớp đàn em khác cho huê. Điều này nếu nhắm vào một thầy khác chắc tôi không dám tin. Nhưng đem áp dụng riêng cho trường hợp thầy Trùng Hùng thì tôi phải tin một cách mạnh mẽ, không cần xét lại.

Tôi cố gắng không quan tâm những điều nhỏ nhặt để cho tâm nhẹ nhàng mà tu học. Sự nỗ lực của tôi trong giai đoạn sống ở chùa Linh Phong không phải là sự phấn đấu để vượt qua những cực khổ của đời sống vật chất, mà chính là phấn đấu để lòng mình không bị vướng bận hay tiêm nhiễm những cái tầm thường nhỏ nhen mà hoàn cảnh chung quanh cố tình khơi động.

(mời đọc tiếp chương 10)  
Vĩnh Hào